

# MỞ RỘNG KINH DOANH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo thường niên 2018

# NỘI DUNG

|  |           |
|--|-----------|
| <b>Danh mục chữ viết tắt</b>                     | <b>02</b> |
| <b>Các chỉ số tài chính nổi bật 2018</b>         | <b>04</b> |
| <b>Thông tin chung</b>                           | <b>06</b> |
| <b>Mục tiêu chiến lược giai đoạn 2016 - 2020</b> | <b>06</b> |
| <b>Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi</b>      | <b>07</b> |
| <b>Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b>     | <b>08</b> |

## GIỚI THIỆU TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

|                                  |    |
|----------------------------------|----|
| Lịch sử hình thành và phát triển | 12 |
| Lĩnh vực hoạt động               | 14 |
| Hệ thống phân phối               | 15 |
| Hệ thống các công ty thành viên  | 16 |
| Giải thưởng tiêu biểu            | 18 |
| Các sản phẩm tiêu biểu           | 20 |
| Công nghệ sản xuất               | 24 |
| Thông tin cổ phần                | 26 |
| Quá trình tăng vốn điều lệ       | 27 |
| Cơ cấu bộ máy quản trị           | 28 |
| Giới thiệu Hội đồng Quản trị     | 30 |
| Giới thiệu Ban Kiểm soát         | 34 |
| Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc     | 35 |

## BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

|   |    |
|---|----|
| Báo cáo của Hội đồng Quản trị                               | 42 |
| Quản trị rủi ro   | 46 |
| Hoạt động và Báo cáo của Ban Kiểm soát                      | 48 |
| Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan | 50 |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

|   |    |
|---|----|
| Hoạt động điều hành và các dự án quan trọng | 54 |
| Tình hình tài chính                         | 70 |

## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

|                                       |    |
|---------------------------------------|----|
| Thông điệp phát triển bền vững        | 76 |
| Tổng quan Báo cáo phát triển bền vững | 78 |
| Các chỉ số phát triển bền vững 2018   | 79 |
| Hệ thống quản trị tích hợp            | 80 |
| Các vấn đề về kinh tế                 | 82 |
| Các vấn đề về môi trường              | 84 |
| Các vấn đề về xã hội                  | 86 |

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

|   |     |
|---|-----|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc                 | 97  |
| Báo cáo kiểm toán độc lập                     | 99  |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất                 | 100 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 102 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất           | 103 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất        | 104 |



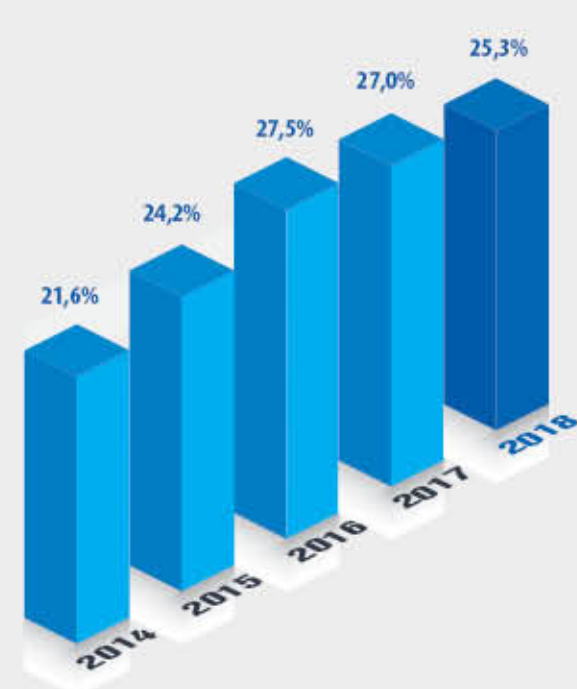
## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

|                                   |                                 |
|-----------------------------------|---------------------------------|
| Ban TGD/TGD:                      | Ban Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc |
| BKS                               | Ban Kiểm soát                   |
| CBCNV                             | Cán bộ Công nhân viên           |
| Công ty/Tập đoàn Thiên Long/TLG : | CTCP Tập đoàn Thiên Long        |
| CTCP                              | Công ty Cổ phần                 |
| ĐHĐCĐ                             | Đại hội đồng cổ đông            |
| HĐQT                              | Hội đồng Quản trị               |
| LNST                              | Lợi nhuận sau thuế              |
| LNTT                              | Lợi nhuận trước thuế            |
| BTP                               | Bán thành phẩm                  |

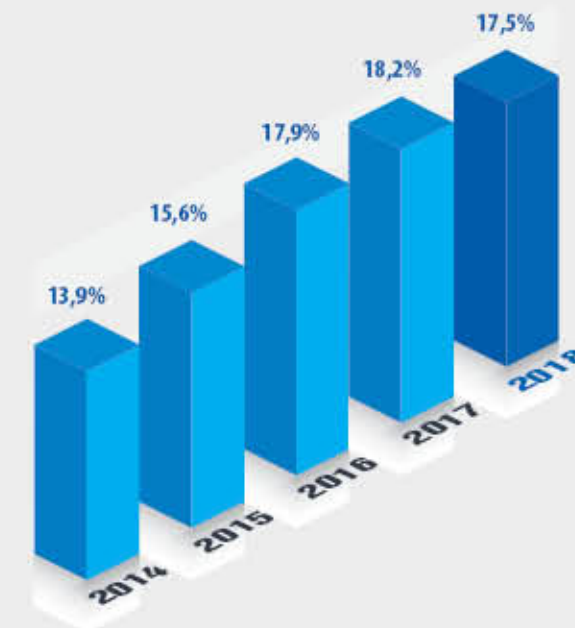


|                      | 2014    | 2015    | 2016    | 2017    | 2018    |
|----------------------|---------|---------|---------|---------|---------|
| Doanh thu thuần      | 1.613,6 | 1.883,7 | 2.162,3 | 2.497,4 | 2.855,8 |
| Lợi nhuận sau thuế   | 147,4   | 187,9   | 240,1   | 268,1   | 294,4   |
| Vốn chủ sở hữu       | 732,2   | 821,6   | 924,2   | 1.060,0 | 1.268,7 |
| Tổng tài sản         | 1.108,2 | 1.293,0 | 1.384,3 | 1.568,5 | 1.794,7 |
| ROEA                 | 21,6%   | 24,2%   | 27,5%   | 27,0%   | 25,3%   |
| ROAA                 | 13,9%   | 15,6%   | 17,9%   | 18,2%   | 17,5%   |
| Vốn hóa thị trường   | 1.420,0 | 2.505,1 | 3.869,6 | 5.106,2 | 4.271,9 |
| Cổ tức bằng tiền     | 2.000   | 2.000   | 3.000   | 2.000   | -       |
| Cổ tức bằng cổ phiếu | 10%     | 30%     | 30%     | 30%     | -       |

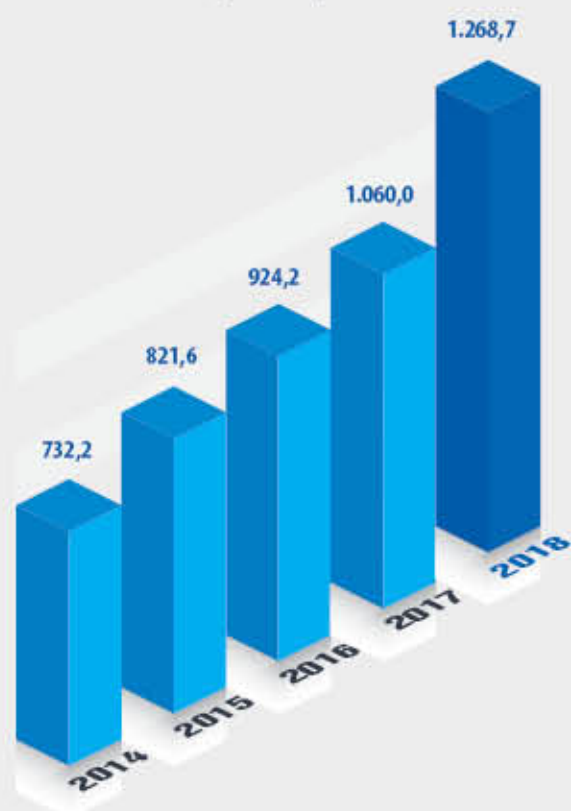
ROEA



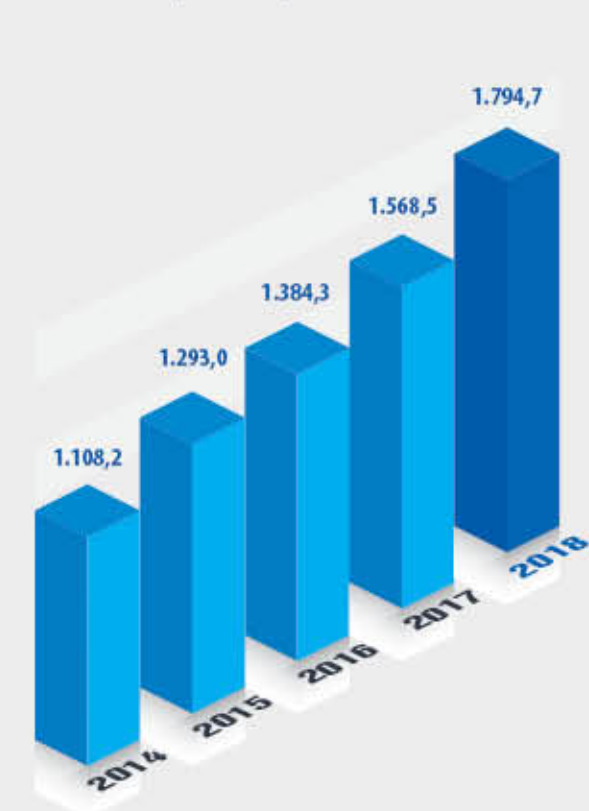
ROAA



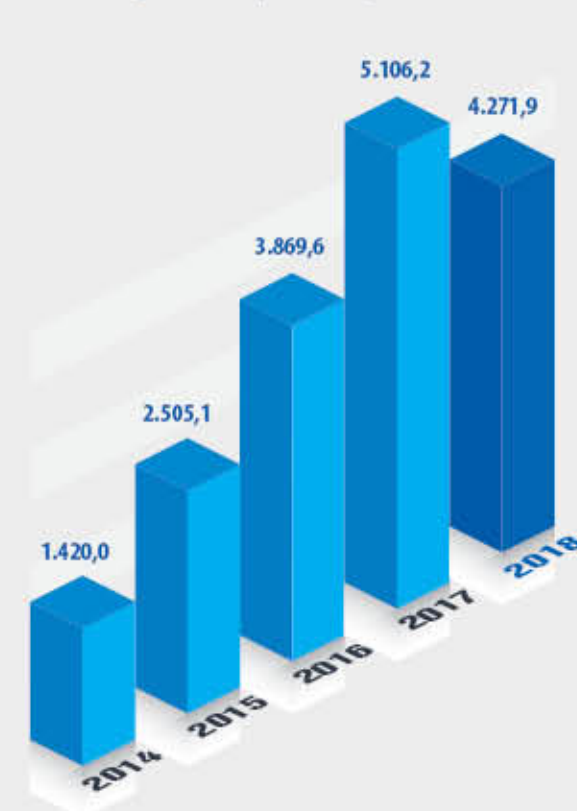
VỐN CHỦ SỞ HỮU (TỶ ĐỒNG)



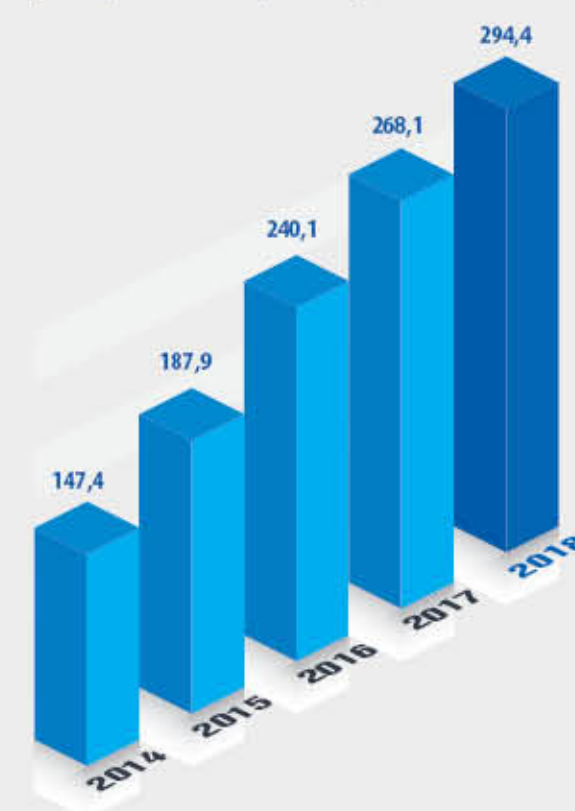
TỔNG TÀI SẢN (TỶ ĐỒNG)



VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG (TỶ ĐỒNG)



LỢI NHUẬN SAU THUẾ (TỶ ĐỒNG)



## THÔNG TIN CHUNG VỀ THIÊN LONG

### THÔNG TIN CHUNG

|                |   |   |
|----------------|---|---|
| Tên công ty    | : | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG</b>  |
| Tên giao dịch  | : | Tập đoàn Thiên Long   |
| Mã chứng khoán | : | TLG   |
| Vốn điều lệ    | : | 657.228.530.000 đồng  |
| Trụ sở chính   | : | Lô 6-8-10-12, Đường số 3, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. HCM             |
| Số điện thoại  | : | (84.28) 3750.5555   |
| Số fax         | : | (84.28) 3750.5577   |
| Email          | : | info@thienlonggroup.com   |
| Website        | : | www.thienlonggroup.com  |
| GCN ĐKKD       | : | Số 0301464830, đăng ký lần đầu ngày 14/03/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 26/09/2018 |

## MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020



- Trở thành công ty số 1 tại Đông Nam Á và hàng đầu tại Châu Á về sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm.
- Chuyên nghiệp hóa và tự động hóa sản xuất; Phát triển hoạt động nghiên cứu và phát triển.
- Chuyên nghiệp hóa hoạt động phân phối si và chuyên môn hóa hoạt động bán lẻ; Phát triển tất cả các kênh bán hàng nội địa; Mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Trở thành một trong những công ty hàng đầu tại Việt Nam mang lại lợi ích cao nhất dành cho người lao động, khách hàng, doanh nghiệp và cổ đông.

## TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



### TẦM NHÌN

Đưa sản phẩm Thiên Long đến mọi miền đất nước và trên toàn thế giới.



### SỨ MỆNH

Thiên Long cam kết mang đến những sản phẩm, văn phòng phẩm, dịch vụ chất lượng tốt nhất phục vụ cho việc học tập, làm việc, sáng tạo góp phần chinh phục đỉnh cao tri thức của nhân loại.



### TIÊN PHONG

Tiên phong trong công nghệ, sáng tạo và đột phá để tạo ra những sản phẩm, dịch vụ tốt nhất, thân thiện với môi trường, phục vụ nhu cầu cấp tiến của người tiêu dùng.

### TÂM HUYẾT

Nỗ lực không mệt mỏi và đầy tâm huyết trong mọi hoạt động để đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển.

### CÔNG BẰNG

Công bằng với khách hàng, nhà cung cấp và các đối tác.

### TRUNG THỰC

Hành xử trung thực, minh bạch trong mọi hoạt động và giao dịch.

### NHÂN VĂN

Xem con người là yếu tố then chốt, đồng sức đồng lòng xây dựng Cộng đồng Thiên Long phát triển vững mạnh, đóng góp vào sự tiến bộ của xã hội với tinh thần nhân ái, nhân văn.





**Ban lãnh đạo Thiên Long tiếp tục hoàn thiện cơ cấu nhân sự lãnh đạo, hệ thống quản trị, tiếp tục nhất quán các chính sách thu hút, gìn giữ và phát triển nhân tài, tăng cường phân quyền, tăng tính chủ động và sáng tạo của Ban điều hành để phục vụ cho giai đoạn tăng trưởng mới của Thiên Long.**

**TỔNG DOANH THU**  
**2.855,8**  
**TỶ VND**



#### **Kính gửi Quý Cổ đông, Đối tác và toàn thể CBCNV,**

Khép lại năm 2018, tăng trưởng GDP Việt Nam đạt mức cao (7,08%); lạm phát được kiểm soát trong ngưỡng mục tiêu (3,54%), cán cân thương mại thặng dư hơn 7 tỷ USD. Bức tranh kinh tế vĩ mô Việt Nam đã ghi nhận những điểm sáng tích cực trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động như tỷ giá, giá nguyên vật liệu, các thách thức liên quan đến chiến tranh thương mại...

Để ứng phó với các biến động trên thị trường thế giới, đặc biệt là giá nhựa, hóa chất, bao bì nêu trên, Thiên Long đã tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất, chủ động nguyên vật liệu đầu vào và mở rộng chuỗi giá trị một cách kiên trì và hiệu quả. Ngoài ra, Công ty đã triển khai đồng bộ các hoạt động trọng tâm trong năm 2018 như: đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển sản phẩm, nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự, tiếp tục phát triển hệ thống phân phối, mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng cường hoạt động marketing và hỗ trợ bán hàng,...

Nhờ đó, Thiên Long đã giữ vững tốc độ tăng trưởng doanh thu 14,3% so với năm trước và đạt được tỷ lệ lãi biên trên 10%. Năm 2018, Thiên Long cũng đã đạt được nhiều giải thưởng quan trọng, ghi nhận sự nỗ lực liên tục trong việc theo đuổi con đường phát triển bền vững như Thương hiệu quốc gia, Top 10 Sao Vàng Đất Việt, Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam... Thương hiệu Thiên Long đã thực sự đi vào chiều sâu, tạo được sự quan tâm và luôn chiếm được niềm tin từ người tiêu dùng.

Bên cạnh sự nỗ lực, quyết tâm, đồng lòng, gắn kết của HĐQT, Ban Điều hành cùng toàn thể các Anh Chị Em trong Đại Gia đình Thiên Long, Công ty còn có được sự ủng hộ và gắn kết của Người tiêu dùng, sự hợp tác tận tâm của Nhà cung cấp/ Đối tác, cũng như sự tin tưởng của Cổ đông và Nhà đầu tư.

Hướng đến mục tiêu trở thành Công ty số 1 tại Đông Nam Á và hàng đầu tại Châu Á về sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, Ban lãnh đạo Thiên Long tiếp tục (1) Hoàn thiện cơ cấu nhân sự lãnh đạo, hệ thống

quản trị, tiếp tục nhất quán các chính sách thu hút, gìn giữ và phát triển nhân tài, tăng cường phân quyền, tăng tính chủ động và sáng tạo của Ban Điều hành để phục vụ cho giai đoạn tăng trưởng mới của Thiên Long. (2) Đầu tư vào hoạt động kinh doanh, marketing để đưa thương hiệu Thiên Long và các nhãn hàng/ thương hiệu Bizner, TL, FlexOffice, Colokit và Điểm 10 lên tầm cao mới (3) Đổi mới công nghệ để nâng cao năng lực sản xuất, tạo ra những sản phẩm có mẫu mã đẹp, khác biệt và chất lượng vượt trội. (4) Mở rộng danh mục sản phẩm, mở rộng ngành hàng để đáp ứng xu hướng tiêu dùng mới. (5) Tăng cường, mở rộng hợp tác trên nhiều lĩnh vực, duy trì tốc độ tăng trưởng cao và bền vững trong dài hạn.

Bước vào năm 2019, Ban Lãnh đạo Thiên Long cam kết sẽ nỗ lực hết mình để cùng toàn thể CBCNV Thiên Long mang lại những dòng sản phẩm chất lượng phục vụ cho quá trình học tập - nghiên cứu - làm việc - sáng tạo của người tiêu dùng trong và ngoài nước, góp phần nâng cao "Sức mạnh Trí thức" cho nhân loại theo đúng sứ mệnh đã đề ra.

Trong hành trình của mình, chúng tôi đã, đang và sẽ đón nhận cơ hội hợp tác với Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, Đối tác, Khách hàng,... trong và ngoài nước để đưa Thiên Long lên tầm cao mới và mang lại sự thịnh vượng, gắn kết bền vững của Người lao động, Quý Cổ đông và tất cả các Đối tác của Công ty.

**Xin trân trọng cảm ơn và kính chào Quý vị.**

**CÔ GIA THỌ**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**



# MỞ RỘNG CHUỖI GIÁ TRỊ

Với chiến lược trở thành tập đoàn văn phòng phẩm lớn số 1 tại Đông Nam Á và hàng đầu châu Á, Thiên Long đã thực hiện việc kiện toàn và mở rộng chuỗi giá trị từ phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh marketing, hỗ trợ kênh bán hàng, cho đến đa dạng sản phẩm và tự chủ nguồn nguyên liệu trong sản xuất...

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

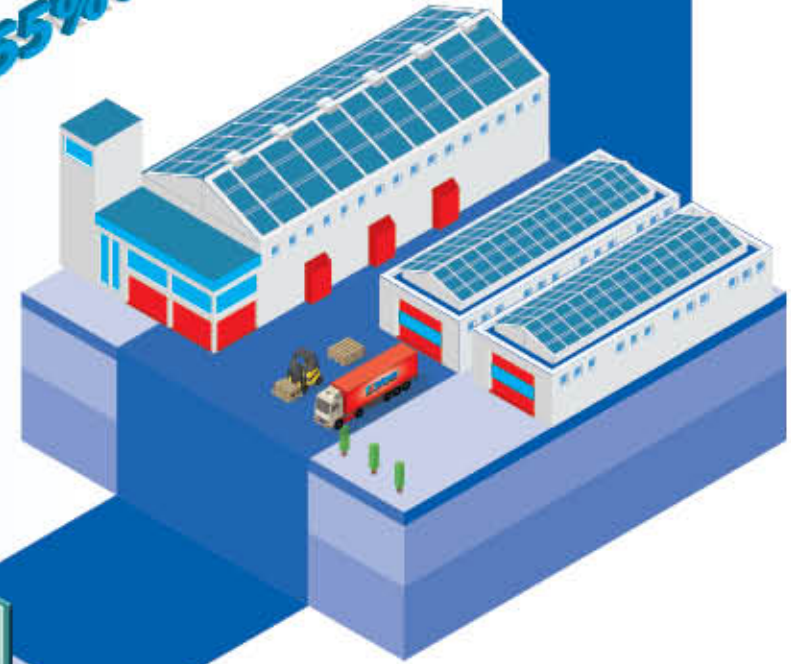


ĐẨY MẠNH MARKETING  
HỖ TRỢ KÊNH BÁN HÀNG

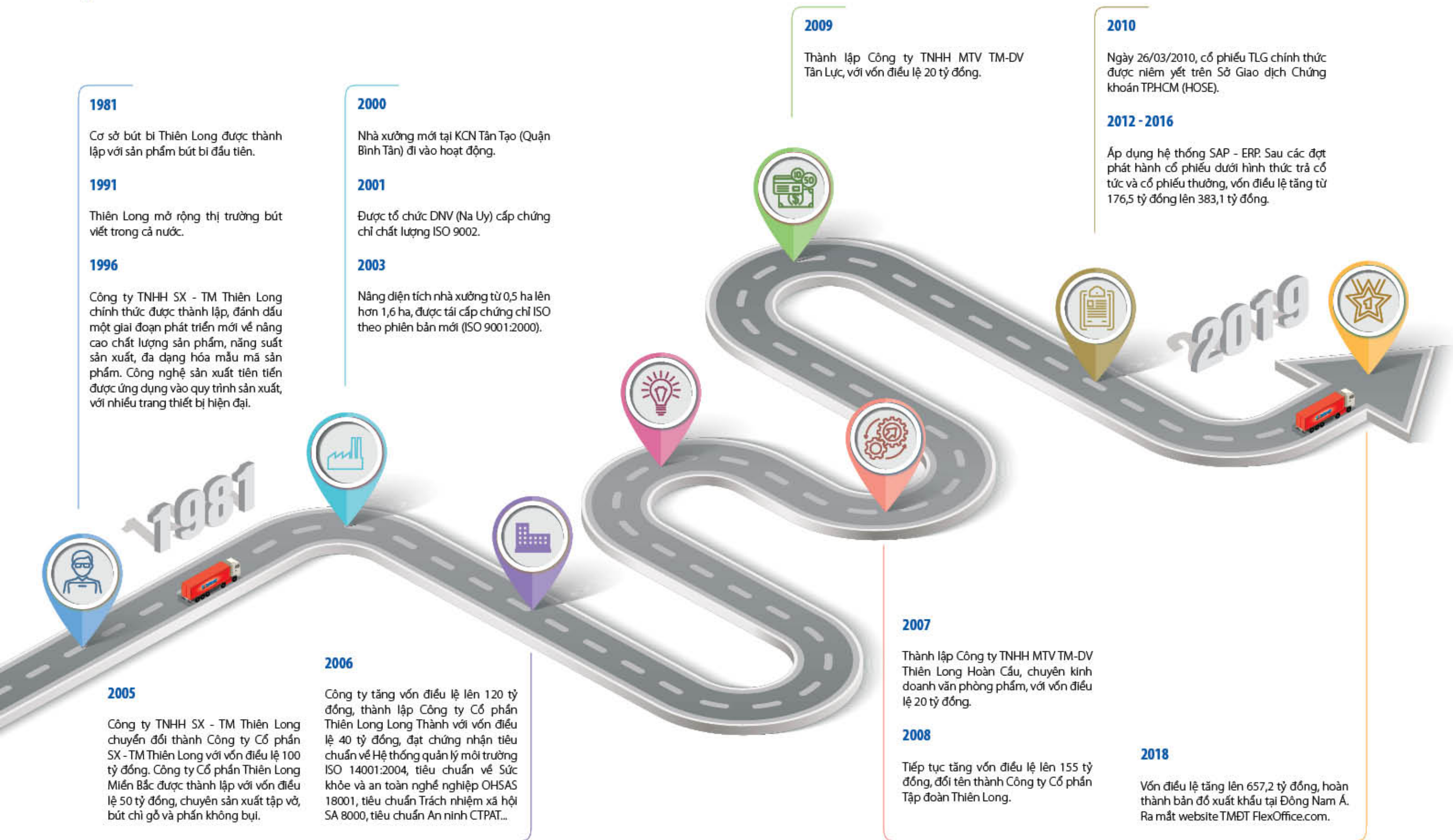


ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM  
550 SẢN PHẨM  
5 NHÃN HÀNG

MỞ RỘNG XƯỞNG SẢN XUẤT + 8.542 m<sup>2</sup>  
ĐÁP ỨNG 95% NHU CẦU KHUÔN  
ĐÁP ỨNG 55% NHU CẦU MỘC







**1981**

Cơ sở bút bi Thiên Long được thành lập với sản phẩm bút bi đầu tiên.

**1991**

Thiên Long mở rộng thị trường bút viết trong cả nước.

**1996**

Công ty TNHH SX - TM Thiên Long chính thức được thành lập, đánh dấu một giai đoạn phát triển mới về nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất sản xuất, đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm. Công nghệ sản xuất tiên tiến được ứng dụng vào quy trình sản xuất, với nhiều trang thiết bị hiện đại.

**2000**

Nhà xưởng mới tại KCN Tân Tạo (Quận Bình Tân) đi vào hoạt động.

**2001**

Được tổ chức DNV (Na Uy) cấp chứng chỉ chất lượng ISO 9002.

**2003**

Nâng diện tích nhà xưởng từ 0,5 ha lên hơn 1,6 ha, được tái cấp chứng chỉ ISO theo phiên bản mới (ISO 9001:2000).

**2009**

Thành lập Công ty TNHH MTV TM-DV Tân Lực, với vốn điều lệ 20 tỷ đồng.

**2010**

Ngày 26/03/2010, cổ phiếu TLG chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE).

**2012 - 2016**

Áp dụng hệ thống SAP - ERP. Sau các đợt phát hành cổ phiếu dưới hình thức trả cổ tức và cổ phiếu thưởng, vốn điều lệ tăng từ 176,5 tỷ đồng lên 383,1 tỷ đồng.

**2007**

Thành lập Công ty TNHH MTV TM-DV Thiên Long Hoàn Cầu, chuyên kinh doanh văn phòng phẩm, với vốn điều lệ 20 tỷ đồng.

**2008**

Tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 155 tỷ đồng, đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long.

**2018**

Vốn điều lệ tăng lên 657,2 tỷ đồng, hoàn thành bản đồ xuất khẩu tại Đông Nam Á. Ra mắt website TMĐT FlexOffice.com.



## LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

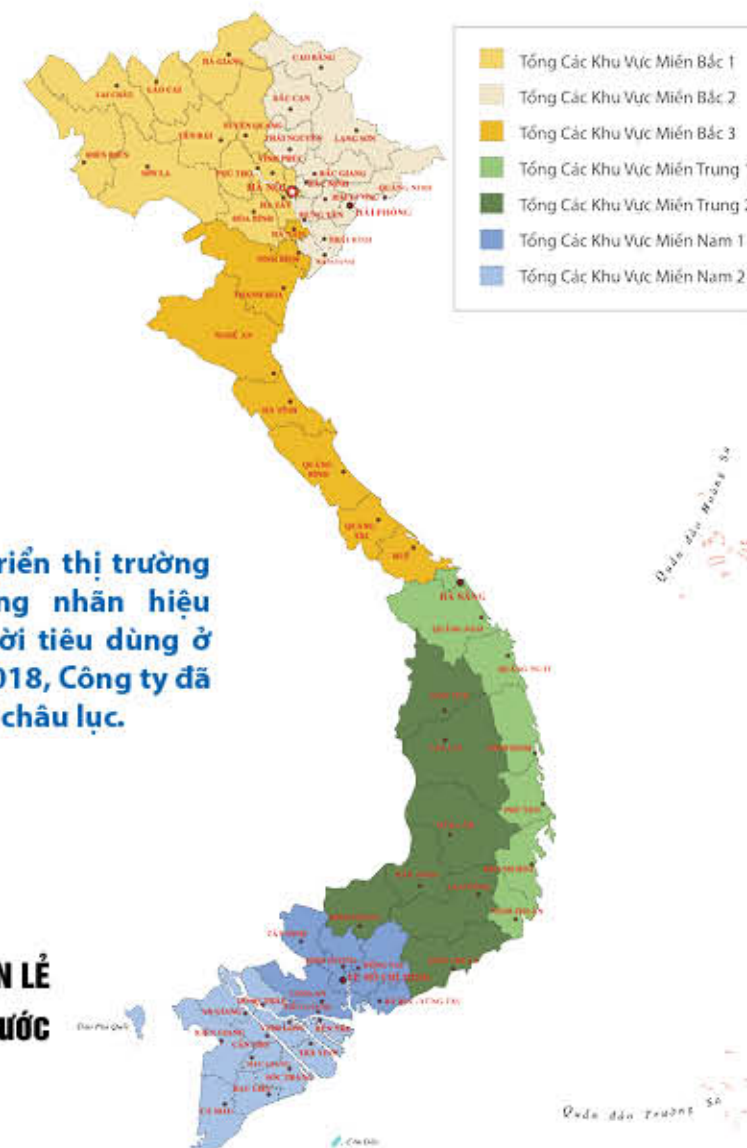
Với mẫu mã phong phú, chất lượng cao, thương hiệu uy tín và giá cả phù hợp, các sản phẩm của Thiên Long sẵn sàng đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng.

TẬP ĐOÀN THIÊN LONG SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH 4 NHÓM SẢN PHẨM CHÍNH:



## HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

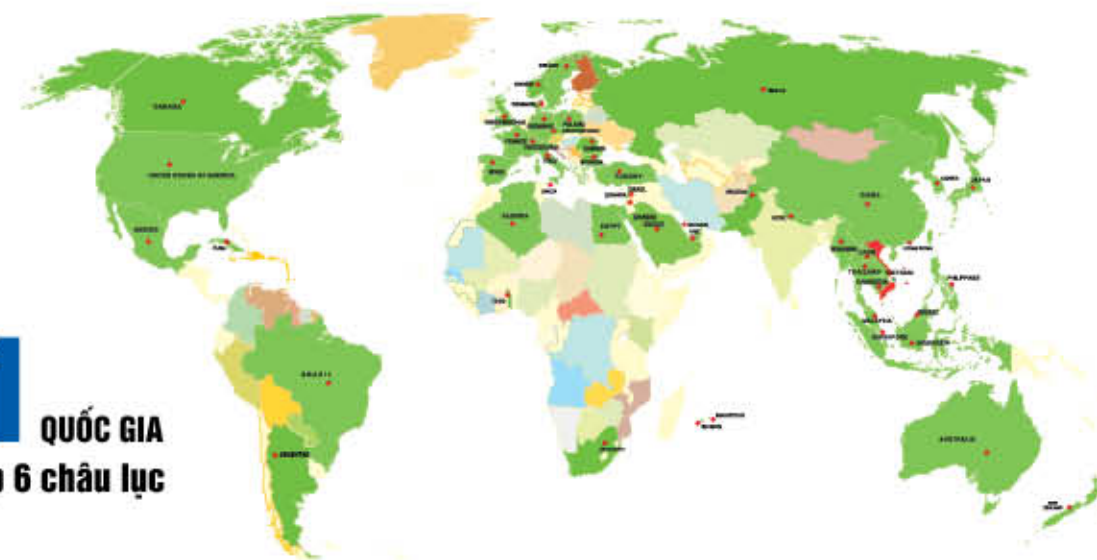
Thiên Long đã xây dựng và phát triển hệ thống kênh phân phối sâu rộng tại thị trường nội địa. Sản phẩm của Thiên Long có mặt tại hơn 65.000 điểm bán lẻ (POS) trên khắp 63 tỉnh/thành trong cả nước và các trung tâm thương mại, chuỗi cửa hàng, nhà sách, cửa hàng tiện ích... và được phân phối thông qua các kênh như kênh thương mại điện tử, kênh bán hàng trực tiếp cho trường học, doanh nghiệp (B2B), siêu thị...



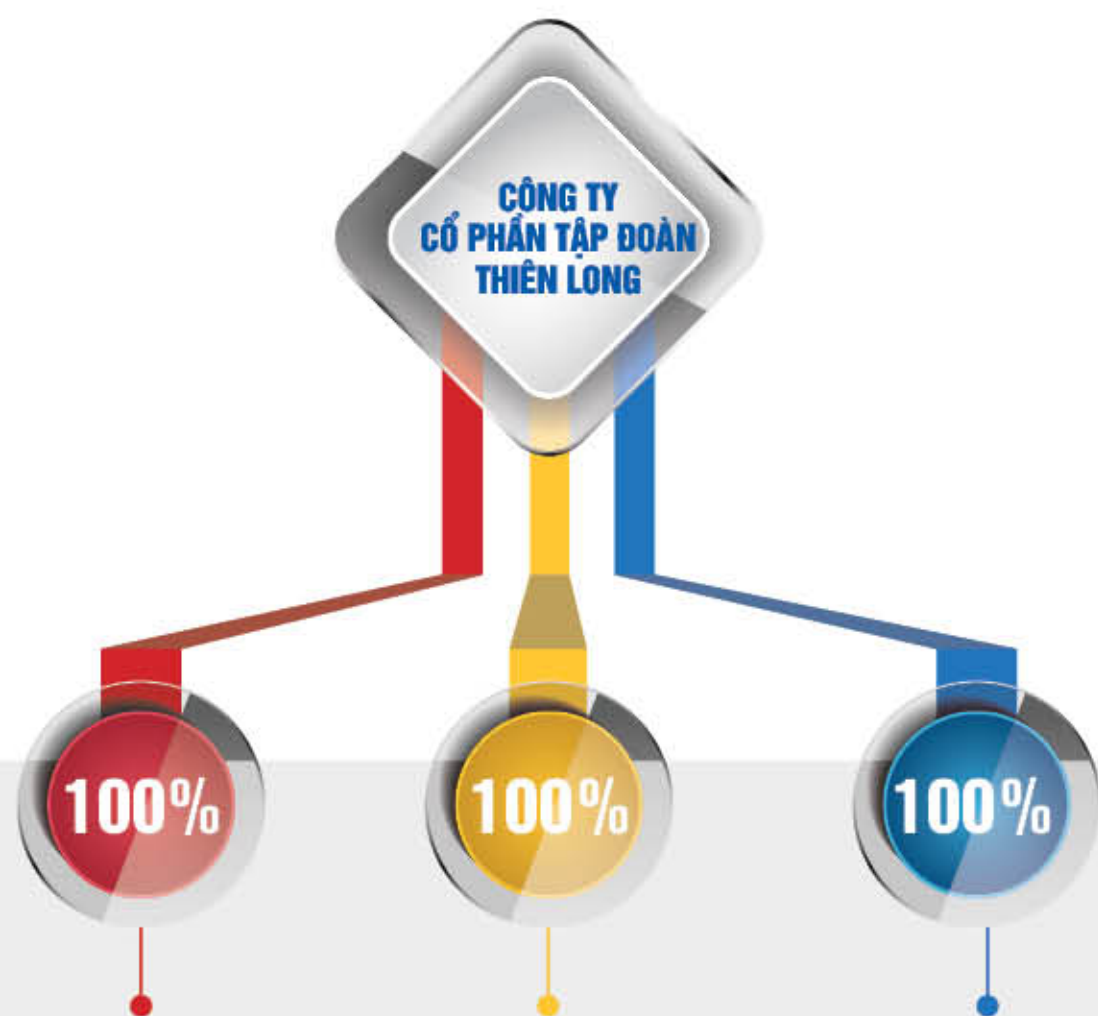
Thiên Long liên tục đầu tư phát triển thị trường xuất khẩu, đưa sản phẩm mang nhãn hiệu FlexOffice và Colokit đến với người tiêu dùng ở khắp nơi trên thế giới. Cuối năm 2018, Công ty đã xuất khẩu tới 61 quốc gia ở khắp 6 châu lục.

**65.000** ĐIỂM BÁN LẺ  
trên khắp 63 tỉnh/thành trong cả nước

**61** QUỐC GIA  
ở khắp 6 châu lục







**CÔNG TY TNHH SX - TM THIÊN LONG LONG THÀNH**

Thiên Long Long Thành được thành lập vào cuối năm 2006, và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8/2008 tại KCN Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, có vốn điều lệ 80 tỷ đồng, thuộc sở hữu 100% vốn của Công ty mẹ. Nhà máy được xây dựng trên khuôn viên 3 ha và được khai thác gần hết công suất, chuyên sản xuất các loại văn phòng phẩm và các chủng loại bút viết đáp ứng nhu cầu nội địa và xuất khẩu.

**CÔNG TY TNHH MTV TM - DV THIÊN LONG HOÀN CẦU**

Thiên Long Hoàn Cầu có vốn điều lệ 40 tỷ đồng, thuộc sở hữu 100% vốn của Công ty mẹ. Với chức năng chuyên về hoạt động thương mại và dịch vụ, Thiên Long Hoàn Cầu đã thực hiện tốt công tác bán hàng và chăm sóc khách hàng, tích cực hỗ trợ Tập đoàn trong chiến lược đầu tư phát triển sản phẩm mới, nhằm làm nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững trong dài hạn của Tập đoàn.

**HỆ THỐNG CÁC CÔNG TY TÂN LỰC**

Hoạt động của hệ thống các Công ty Tân Lực tập trung chủ yếu vào:

(1) Mạng phân phối chuyên nghiệp, bán hàng trực tiếp cho các doanh nghiệp (B2B), bán hàng qua mạng và bán sản phẩm quảng cáo.

(2) Phát triển, kinh doanh hàng văn phòng phẩm do Thiên Long sản xuất thông qua hệ thống phân phối nhằm đáp ứng đầy đủ, đa dạng nhu cầu của khách hàng, đồng thời làm đa dạng hóa danh mục sản phẩm kinh doanh.

(3) Phát triển, kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng khác.



Danh sách các công ty con (Tập đoàn không có công ty liên kết)

| STT | Tên Công ty                                  | Ngành nghề kinh doanh chính           | Địa chỉ trụ sở  | Vốn điều lệ (VNĐ) | % Tập đoàn Thiên Long sở hữu |
|-----|--|---------------------------------------|---|-------------------|------------------------------|
| 01  | Công ty TNHH SX - TM Thiên Long Long Thành   | Sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm | Đường số 7, KCN Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai   | 80 tỷ             | 100%                         |
| 02  | Công ty TNHH MTV TM - DV Thiên Long Hoàn Cầu | Kinh doanh văn phòng phẩm             | Lô 6-8-10-12, Đường số 3, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM  | 40 tỷ             | 100%                         |
| 03  | Công ty TNHH MTV TM - DV Tân Lực Miền Nam    | Kinh doanh văn phòng phẩm             | Số 19-21, Lô B, Đường Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, TP.HCM  | 40 tỷ             | 100%                         |
| 04  | Công ty TNHH MTV TM - DV Tân Lực Miền Bắc    | Kinh doanh văn phòng phẩm             | Số 38, đường Gamuda Gardens 2-5, Khu đô thị mới C2 - Gamuda Gardens, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. | 40 tỷ             | 100%                         |
| 05  | Công ty TNHH MTV TM - DV Tân Lực Miền Trung  | Kinh doanh văn phòng phẩm             | Lô 07, Khu B1, Đường Hà Huy Tập, Phường Xuân Hà, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng  | 10 tỷ             | 100%                         |

Năm 2018, Thiên Long đã tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV TM - DV Tân Lực Miền Bắc từ 20 tỷ đồng lên 40 tỷ đồng.

**Doanh thu đã loại trừ giao dịch nội bộ**

**Hệ thống Tân Lực:** khoảng 750 tỷ đồng, tăng hơn 16,4% so với năm 2017

**Thiên Long Hoàn Cầu:** khoảng 1.650 tỷ đồng, tăng khoảng 10% so với năm 2017

**Sản lượng sản xuất**

**Thiên Long Long Thành:** hơn 320 triệu sản phẩm, tăng hơn 20% so với năm 2017



## GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

- 1 Top 50 Công ty Kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam**  
(2013 - 2018) do Báo Nhịp cầu Đầu tư trao tặng.
- 2 Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam**  
(2013 - 2018) do Tạp chí Forbes Việt Nam trao tặng.
- 3 Giải thưởng "Hàng Việt Nam chất lượng cao"**  
(1997 - 2018) do Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam Chất lượng cao và Báo Sài Gòn Tiếp thị trao tặng.
- 4 Doanh nghiệp có sản phẩm đạt "Thương hiệu Quốc gia"**  
(2016 - 2018) do Bộ Công Thương trao tặng.
- 5 Giải thưởng "Sao Vàng Đất Việt"**  
(2003 - 2018) do Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam trao tặng.
- 6 Danh hiệu "Doanh nghiệp TP. HCM tiêu biểu"**  
(2015 - 2018) do UBND TP. HCM trao tặng.
- 7 Giải thưởng Môi trường**  
(2006 - 2018) do UBND TP. HCM trao tặng.
- 8 Top 40 Công ty Văn phòng phẩm có mức tăng trưởng doanh thu cao nhất thế giới**  
(2016 - 2018) do Tổ chức tài chính uy tín Plimsoll công nhận.
- 9 Là đối tác thương mại tốt nhất thế giới của ngành văn phòng phẩm**  
(2016 - 2018) do Tổ chức tài chính uy tín Plimsoll công nhận.
- 10 Thiên Long tăng trưởng doanh thu cao nhất Đông Nam Á trong ngành văn phòng phẩm năm 2018**  
do Tổ chức tài chính uy tín Plimsoll công nhận.







**công việc hanh thông**

**BÚT VIẾT VÀ CÁC SẢN PHẨM VĂN PHÒNG TIỆN ÍCH (NHÃN HÀNG TL)**

Nhóm bút viết và các sản phẩm văn phòng tiện ích (Nhãn hàng TL) bao gồm các dòng sản phẩm truyền thống như: Bút bi, bút gel, bút lông bi, bút lông kim... Đây là nhóm sản phẩm chủ lực lâu đời của Tập đoàn từ những ngày đầu thành lập, hiện vẫn đang dẫn đầu thị trường nội địa với hơn 60%.

Ngoài bút viết, trong năm 2018 nhãn hàng TL còn có nhiều sản phẩm văn phòng tiện ích như: Băng keo, bìa nút, bút lông bảng, lông dấu, bút xóa, tập học sinh, bút chì, chuột chì, gôm tẩy, compa, thước kẻ...

Các sản phẩm của TL chiếm được cảm tình của đại đa số người dân Việt bởi chất lượng, giá thành phù hợp và dễ sử dụng.

Dẫn đầu thị trường nội địa hơn **60%** thị phần



**SẢN PHẨM CAO CẤP (NHÃN HÀNG BIZNER)**

Sản phẩm Cao cấp (Nhãn hàng Bizner) với các sản phẩm tiêu biểu gồm: Bút bi cao cấp (BIZ-01, BIZ-04, BIZ-05); Bút máy cao cấp (BIZ-FT01, BIZ-FT02); Bút lông bi cao cấp (BIZ-RB01); Bút chì cao cấp (BIZ-PC01, BIZ-P01, BIZ-P02...).

Trong năm qua, để có thêm sự lựa chọn cho khách hàng, Nhãn hàng Bizner đã cho ra mắt hàng loạt các sản phẩm như: Bút bi BIZ-09; Bút lông bi BIZ-168; Bút lông bảng (BIZ-WB01); Bút lông dấu (BIZ-PM01)...

Với khách hàng mục tiêu là doanh nhân và người có thu nhập cao, các dòng sản phẩm của Bizner luôn được Thiên Long đầu tư cho việc sáng tạo, nghiên cứu để có thiết kế độc đáo, sang trọng và tinh xảo đến từng chi tiết. Vì vậy, các sản phẩm này đã tạo được ấn tượng sâu sắc với nhiều doanh nhân trong các sự kiện lớn như Mekong Connect, Vietnam CEO Summit.



**DỤNG CỤ VĂN PHÒNG (NHÃN HÀNG FLEXOFFICE)**

Dụng cụ Văn phòng (Nhãn hàng FlexOffice) bao gồm các sản phẩm phục vụ cho giới văn phòng như: giấy, bút viết các loại, văn phòng phẩm, file bìa hồ sơ, băng keo, hồ dán, đồ dùng văn phòng khác. Nhóm này đã có đóng góp quan trọng vào hoạt động kinh doanh của Tập đoàn với tỷ trọng chiếm 30% tổng doanh thu.

Ngoài ra, Thiên Long đã cho ra mắt website thương mại điện tử văn phòng phẩm [www.flexoffice.com](http://www.flexoffice.com), giúp khách hàng có thể dễ dàng tiếp cận và chọn mua sản phẩm của nhãn hàng FlexOffice nói riêng và các sản phẩm của nhãn khác nói chung một cách nhanh chóng và tiện lợi.

Do vậy, nhóm sản phẩm Dụng cụ Văn phòng chinh phục thành công khách hàng không chỉ ở chất lượng, sự tiện dụng mà còn ở dịch vụ bán hàng chuyên nghiệp từ offline đến online.







### DỤNG CỤ HỌC SINH (NHÂN HÀNG ĐIỂM 10)

Bộ sản phẩm Dụng cụ học sinh (Nhân hàng Điểm 10) của Thiên Long phục vụ đối tượng học sinh các cấp với nhiều dụng cụ học sinh phù hợp từng chương trình học như: Bảng, phấn, thước kẻ, compa, bút chì, gôm tẩy, hồ dán, kéo, tập vở... và các sản phẩm đặc biệt như bút rên viết chữ nét thanh nét đậm, bút máy chuyên sử dụng ống mực, phấn không bụi... được nhiều học sinh và phụ huynh ưa thích.

Năm 2018, Điểm 10 đã cho ra mắt nhiều sản phẩm dụng cụ học sinh có hình ảnh nhân vật hoạt hình thân quen của Disney, các sản phẩm này đã nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của các em học sinh, từ đó mang đến kết quả kinh doanh cao cho Thiên Long.

Ngoài ra, an toàn, không độc hại, bảo vệ sức khỏe học đường Việt Nam là các tiêu chí mà nhân hàng luôn theo đuổi.



### DỤNG CỤ MỸ THUẬT (NHÂN HÀNG COLOKIT)

Colokit là nhân hàng đại diện cho dòng sản phẩm Dụng cụ Mỹ thuật của Thiên Long, bao gồm các sản phẩm phục vụ cho bộ môn mỹ thuật, sáng tạo của trẻ em như: Bút sáp màu, bút sáp dầu, bút chì màu, bút lông màu, bút nhựa màu, màu nước, sáp nặn, tập tô màu...

Năm 2018, với chiến lược định vị thương hiệu "Màu sắc thông minh", Thiên Long đã phát triển các sản phẩm của dòng Colokit với những dấu ấn riêng, trẻ em sẽ được đắm chìm trong thế giới màu sắc thú vị, giúp tiếp thu kiến thức tốt hơn, thông minh hơn. Theo đó, nhân hàng Colokit đã giới thiệu ra thị trường nhiều sản phẩm độc đáo sáng tạo như Tập tô màu thông minh 4D, bột nặn, sáp màu Jumbo, màu Gold và Silver... đã được thị trường đón nhận tích cực.

Các sản phẩm Colokit được các bạn nhỏ và phụ huynh tin tưởng đón nhận nhờ chất lượng được đảm bảo, mẫu mã phong phú, đặc sắc và đạt các tiêu chuẩn an toàn, không độc hại của Châu Âu, Hoa Kỳ.







### THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG TỰ CHẾ TẠO

Thiên Long chú trọng nghiên cứu và tự thiết kế, chế tạo nhiều máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất; đẩy mạnh hoạt động thiết kế, chế tạo các khuôn mẫu để thay thế khuôn mẫu ngoại nhập, nhằm giảm giá thành sản phẩm và nâng cao năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh.

Một chế tạo khuôn mẫu được định hướng áp dụng công nghệ cao đối với kết cấu khuôn và công nghệ gia công, cũng như việc sản xuất ép theo hướng tự động, nhằm giúp việc sản xuất BTP hiệu quả hơn, hiệu suất cao hơn. Năm 2018, Công ty đã tự sản xuất khuôn mẫu đáp ứng được hơn 95% nhu cầu khuôn mới.

Ngoài ra, việc nghiên cứu chế tạo các khuôn để có thể sản xuất ép BTP dạng khác, như ép nhiều thành phần nhựa trên cùng BTP cũng đang được triển khai, nhằm giảm số lượng chi tiết cấu thành sản phẩm đồng thời đa dạng mẫu mã.

Các máy móc dùng sản xuất BTP cũng được đầu tư mới với công nghệ hiện đại, nhập khẩu từ các nước tiên tiến như đầu tư máy ép từ Nhật Bản, giúp cho quá trình sản xuất BTP tối ưu, chất lượng BTP nâng cao hơn. Việc sắp xếp, tổ chức lại nhà xưởng, các khâu sản xuất theo hướng hiện đại hóa, tự động hóa đã và đang được triển khai ở hầu hết các bộ phận giúp cho hiệu quả sản xuất không ngừng được cải thiện.

### ĐẨY MẠNH TỰ ĐỘNG HÓA

Với sự đột phá mạnh về việc nâng cao tỷ lệ tự động hóa trong nhà máy, cuối năm 2018 tỷ lệ tự động hóa của nhà máy Nam Thiên Long đã nâng lên 75,3% so với 73,5% vào cuối năm 2017. Thiên Long đẩy mạnh quá trình tự động hóa trong sản xuất từ khâu ép, chiết rót, lắp ráp đến khâu in ấn, kiểm tra, đóng gói.

**TỶ LỆ TỰ ĐỘNG HÓA ĐẠT**  
**75,3%**

**Nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, Thiên Long áp dụng dây chuyền công nghệ hiện đại trong suốt quá trình thiết kế, sản xuất, kiểm tra, thử nghiệm đánh giá chất lượng, an toàn sản phẩm.**

### THEO ĐUỔI CÔNG NGHỆ XANH

Ngay từ khi mới thành lập, Thiên Long đã đặt yếu tố XANH lên hàng đầu khi áp dụng hệ thống xử lý nước thải đúng quy chuẩn, không gây ô nhiễm môi trường, và hệ thống thiết bị máy móc tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu.

Thiên Long đã đưa hệ thống điện năng lượng mặt trời nổi lưới công suất 198,4 Kwp, vào sử dụng từ tháng 02/2018. Hệ thống điện năng lượng mặt trời này tạo ra khoảng 334.272 Kwh/năm (trung bình mỗi tháng hệ thống tạo ra 27.856 Kwh), giúp tiết kiệm đáng kể chi phí tiêu thụ điện, giảm thải ra môi trường khoảng 221 tấn khí CO<sub>2</sub>/năm, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển nền kinh tế xanh.

Công nghệ XANH còn được thể hiện bằng những sản phẩm an toàn cho người sử dụng. Sản phẩm của Thiên Long đều đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn an toàn tiên tiến trên thế giới, như tiêu chuẩn Mỹ (ASTM D - 4236, ASTM F-963, CPSIA, TPCH, AP Seal), tiêu chuẩn châu Âu (EN 71/1,2,3, EN 71/9, REACH), tiêu chuẩn an toàn của Việt Nam như QCVN03-2009/BKHCN).

**GIẢM THẢI**  
**221** TẤN CO<sub>2</sub>/NĂM

### HỆ THỐNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHẶT CHẼ

Để đảm bảo chất lượng và tính an toàn của sản phẩm, Thiên Long áp dụng một hệ thống kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt xuyên suốt toàn chuỗi cung ứng: từ việc hỗ trợ và kiểm soát chất lượng tại các nhà máy cung ứng, kiểm tra nguyên liệu đầu vào, kiểm soát chất lượng trên từng công đoạn sản xuất của Thiên Long, kiểm soát chất lượng thành phẩm, kiểm soát việc bảo quản, lưu trữ và trưng bày sản phẩm tại kho Thiên Long, tại các kho của nhà phân phối và tất cả các điểm bán trên toàn bộ kênh phân phối.

Hiện nay, Thiên Long đã được chứng nhận và đang vận hành hệ thống quản lý tích hợp theo các tiêu chuẩn Quốc tế:

- Hệ thống quản lý chất lượng - **ISO 9001:2015**
- Hệ thống quản lý môi trường - **ISO 14001:2015**
- Hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội - **SA 8000:2014**
- Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp - **OHSAS 18001:2007**
- Hệ thống quản lý phòng thí nghiệm - **ISO 17025:2017**
- Tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội trong ngành đồ chơi trẻ em - **ICTI**

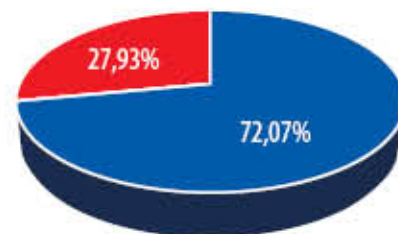
Sử dụng hiệu quả việc tích hợp các hệ thống trên giúp Ban Lãnh đạo Thiên Long thể hiện được cam kết mạnh mẽ về việc luôn duy trì, bảo đảm hiệu quả quản lý và chất lượng trên từng sản phẩm khi đưa đến tay người tiêu dùng, đặc biệt là quan tâm đến sức khỏe, an toàn cho người tiêu dùng cũng như cho người lao động.



**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG**

(Tại ngày 16/10/2018)

| Cổ đông                   | Số lượng cổ đông | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ          |
|---------------------------|------------------|--------------------|----------------|
| <b>Cổ đông trong nước</b> |                  |                    |                |
| Tổ chức                   | 30               | 34.025.217         | 51,77%         |
| Cá nhân                   | 768              | 13.343.546         | 20,30%         |
| <b>Cổ đông nước ngoài</b> |                  |                    |                |
| Tổ chức                   | 32               | 18.257.308         | 27,78%         |
| Cá nhân                   | 40               | 96.782             | 0,15%          |
| <b>Tổng cộng</b>          | <b>870</b>       | <b>65.722.853</b>  | <b>100,00%</b> |

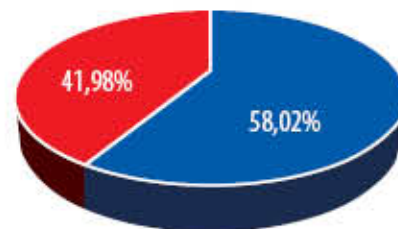


■ Cổ đông trong nước  
■ Cổ đông nước ngoài

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TRÊN 5% VỐN ĐIỀU LỆ**

(Tại ngày 16/10/2018)

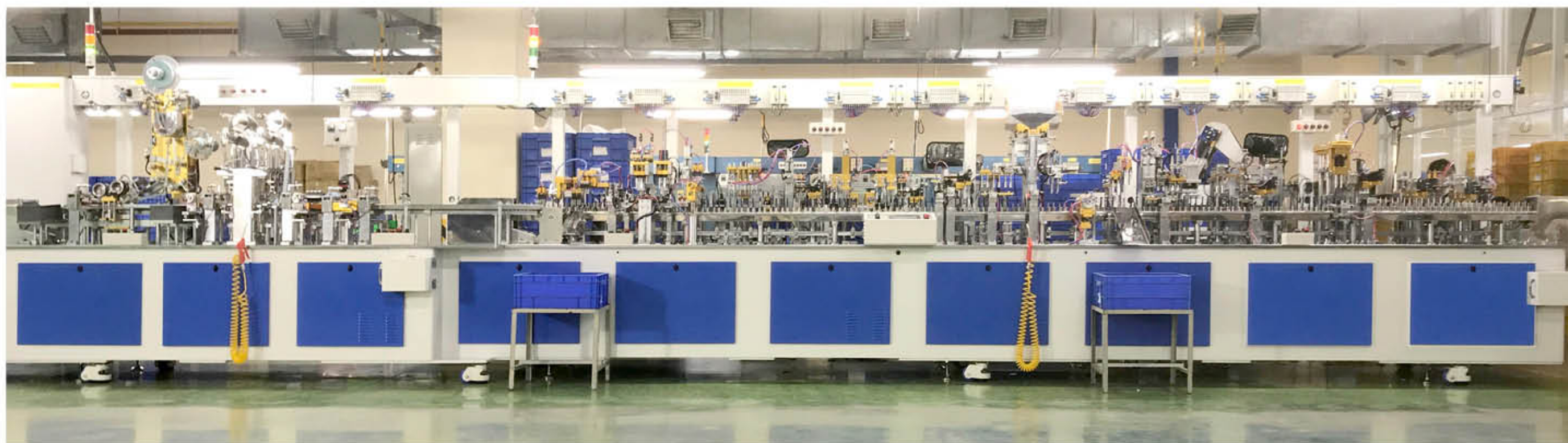
| STT              | Cổ đông   | Số cổ phần        | Tỷ lệ         |
|------------------|---|-------------------|---------------|
| 1                | CTCP Đầu tư Thiên Long An Thịnh (Đại diện sở hữu: ông Cô Gia Thọ) | 33.955.412        | 51,66%        |
| 2                | Ông Cô Gia Thọ  | 4.176.915         | 6,36%         |
| <b>Tổng cộng</b> |   | <b>38.132.327</b> | <b>58,02%</b> |



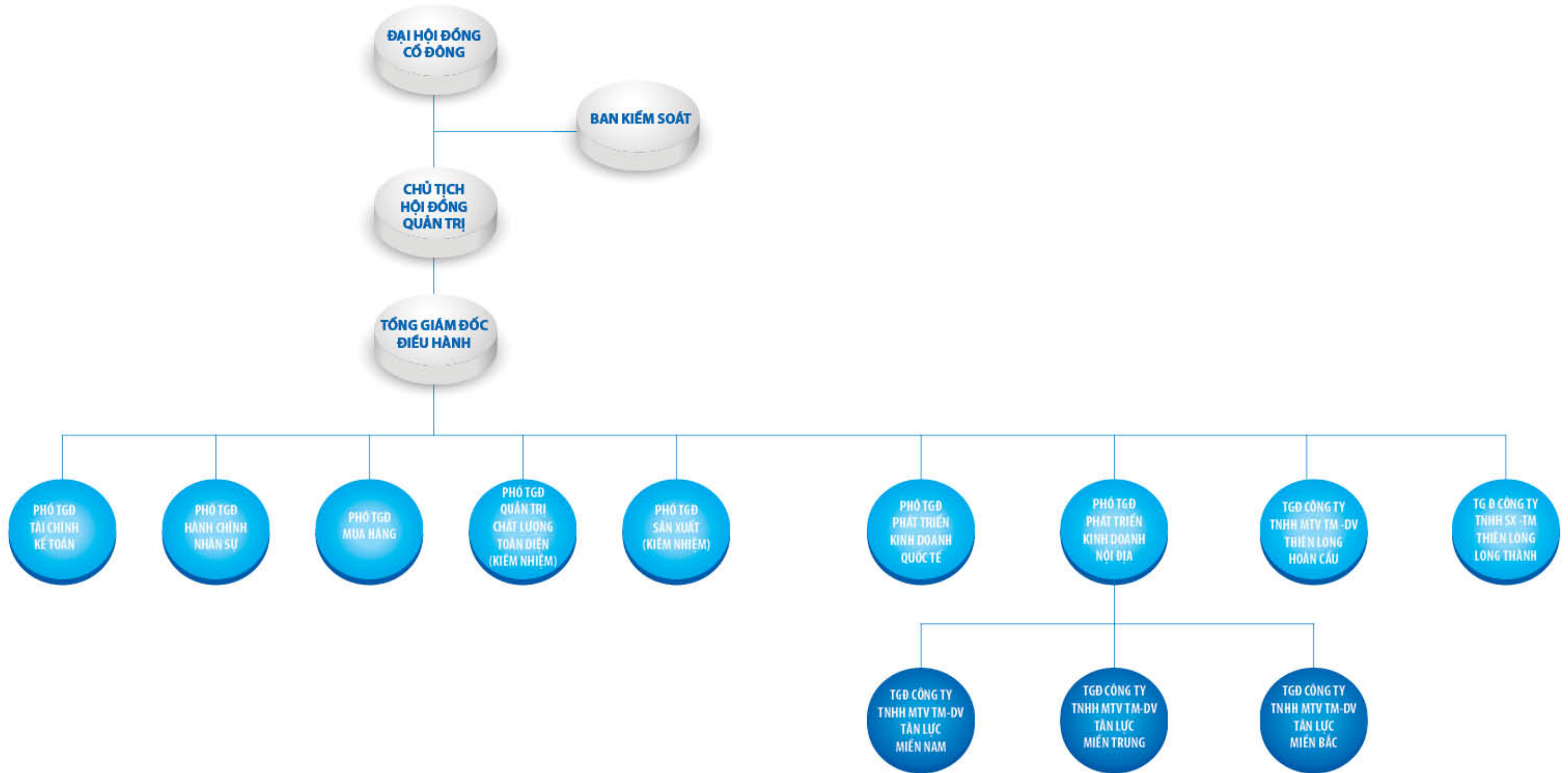
■ Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ  
■ Cổ đông nắm giữ dưới 5% vốn điều lệ

**QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ**

| Năm  | Vốn điều lệ ban đầu (Tỷ đồng) | Vốn điều lệ tăng thêm (Tỷ đồng) | Vốn điều lệ lũy kế (Tỷ đồng) | Hình thức tăng vốn  |
|------|-------------------------------|---------------------------------|------------------------------|---|
| 2018 | 505,6                         | 151,6                           | 657,2                        | Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.                                      |
| 2017 | 383,1                         | 122,5                           | 505,6                        | Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu ESOP cho CBCNV. |
| 2016 | 294,7                         | 88,4                            | 383,1                        | Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.                                      |
| 2015 | 268,0                         | 26,8                            | 294,7                        | Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.                                      |
| 2014 | 233,0                         | 35,0                            | 268,0                        | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức.  |
| 2013 | 211,8                         | 21,2                            | 233,0                        | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức.  |
| 2012 | 176,5                         | 35,3                            | 211,8                        | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.     |
| 2011 | 155,0                         | 21,5                            | 176,5                        | Phát hành chào bán ra công chúng.   |
| 2008 | 120,0                         | 35,0                            | 155,0                        | Phát hành chào bán đầu giá ra công chúng để trở thành Công ty đại chúng.                          |
| 2006 | 100,0                         | 20,0                            | 120,0                        | Cổ đông hiện hữu góp vốn thêm, tỷ lệ góp vốn 20%.   |











**Ông CÔ GIA THỌ**  
Chủ tịch HĐQT

Ông sáng lập Thiên Long vào năm 1981 và gắn bó với Thiên Long từ những ngày đầu khi thành lập đến nay. Tập trung vào ngành kinh doanh cốt lõi, ông đã phát triển Thiên Long từ một cơ sở sản xuất gia đình trở thành Tập đoàn Văn phòng phẩm đứng đầu Việt Nam và hàng đầu khu vực.

Ông hiện cũng đồng thời đảm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Thiên Long An Thịnh, là công ty sở hữu 51,66% vốn cổ phần của CTCP Tập đoàn Thiên Long.



**Ông TRẦN KIM THÀNH**  
Phó Chủ tịch HĐQT - Thành viên HĐQT độc lập

Ông tham gia HĐQT của Công ty từ năm 2008, và giữ chức Phó Chủ tịch HĐQT từ năm 2009.

Ông có gần 40 năm kinh nghiệm quản trị và xây dựng chiến lược kinh doanh.

Ông hiện cũng là Chủ tịch HĐQT Tập đoàn KIDO, Chủ tịch HĐQT CTCP Địa ốc KIDO, Chủ tịch HĐQT TCT Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex), Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư KIDO, Chủ tịch HĐQT CTCP Thực phẩm Đồng lạnh KIDO và Chủ tịch Công ty TNHH MTV PPK.



**Ông TRẦN LỆ NGUYỄN**  
Thành viên HĐQT độc lập

Ông là Thành viên HĐQT của Công ty từ năm 2008 đến nay.

Ông có hơn 30 năm kinh nghiệm quản trị và xây dựng chiến lược kinh doanh.

Hiện Ông cũng đang đảm nhiệm vị trí Phó Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn KIDO, Thành viên HĐQT CTCP Địa ốc KIDO, Thành viên HĐQT TCT Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex), Thành viên HĐQT CTCP Dầu thực vật Tường An, và Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán Rồng Việt.



**Ông HUỖNH VĂN THIỆN**  
Thành viên HĐQT độc lập

Ông là Thành viên HĐQT của Công ty từ năm 2008 tới nay.

Ông là nhà quản lý với hơn 30 năm kinh nghiệm ở các vị trí quản lý cấp cao của các Công ty, Tập đoàn lớn như: Công ty CP Dầu nhớt và Hóa chất Việt Nam (Vilube), Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt (VCAM), Công ty Euro Auto (BMW).

Hiện Ông Thiện còn là Chủ tịch HĐQT Công ty Viet Land Capital và là Thành viên HĐQT Viet Land Corp.





**Bà TRẦN THÁI NHƯ**  
Thành viên HĐQT

Bà là Thành viên HĐQT của Thiên Long từ năm 2008 tới nay.

Bà từng giữ chức vụ Trợ lý TGD Công ty, TGD CTCP Thiên Long Long Thành và Cố vấn Ban Điều hành CTCP Tập đoàn Thiên Long.

Bà còn là Thành viên HĐQT của CTCP Đầu tư Thiên Long An Thịnh.



**Bà CÔ NGÂN BÌNH**  
Thành viên HĐQT

Bà là Thành viên HĐQT của Công ty từ năm 2008.

Bà đã công tác tại Công ty hơn 35 năm, và phụ trách nhiều vị trí khác nhau tại Thiên Long từ những ngày đầu thành lập. Bà có 10 năm là Quản đốc Sản xuất của Cơ sở Bút bi Thiên Long. Tiếp đó, Bà giữ chức Trợ lý Giám đốc, Trưởng phòng Đảm bảo Chất lượng, Trợ lý Giám đốc Điều hành và Trưởng ban Xây dựng Cơ bản của Thiên Long.

Hiện, Bà còn là Thành viên HĐQT của CTCP Đầu tư Thiên Long An Thịnh.



**Bà CÔ CẨM NGUYỆT**  
Thành viên HĐQT

Bà đảm nhiệm vị trí Thành viên HĐQT của Thiên Long từ năm 2008 tới nay.

Bà gia nhập Thiên Long vào năm 1993. Bà phụ trách các hoạt động Đầu tư và Quan hệ Nhà đầu tư của Công ty trong nhiều năm liền, và đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Tiểu ban Quan hệ Cổ đông (trực thuộc HĐQT) kể từ tháng 02/2017.

Bà hiện còn là Thành viên HĐQT của CTCP Đầu tư Thiên Long An Thịnh.



**Ông TRẦN VĂN HÙNG**  
Thành viên HĐQT độc lập

Ông tham gia HĐQT với vị trí Thành viên độc lập từ năm 2013 đến nay.

Ông gắn bó với Thiên Long hơn 20 năm ở các vị trí quản lý và cố vấn. Ông là Giám đốc Điều hành của Công ty từ năm 1993 đến năm 2006. Sau đó, Ông là TGD CTCP Thiên Long Miền Bắc, Cố vấn Ban điều hành, Trưởng Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ của Tập đoàn Thiên Long.





**Bà NGUYỄN THỊ BÍCH NGÀ**  
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà đã có 25 năm công tác tại Thiên Long với 15 năm phụ trách Kế toán Thanh toán. Từ năm 2010 tới nay, Bà là Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty.

Trước đó, Bà là một thành viên của Ban Kiểm soát. Bà hiện còn giữ vị trí Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Thiên Long An Thịnh.

**Ông ĐINH ĐỨC HẬU**  
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát từ tháng 5/2017 đến nay.

Trước đó, ông Hậu là Trợ lý TGD Công ty TNHH ACI Việt Nam, Tổng Thư ký CLB Doanh nhân Vàng YBA TP. HCM và hiện là Giám đốc CTCP Olympia Education.

**Bà TẠ HỒNG DIỆP**  
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát từ tháng 5/2017 đến nay.

Trước đó, Bà từng làm việc tại phòng Ngân hàng Đầu tư thuộc Ngân hàng HSBC Việt Nam, và phòng Khách hàng Tổ chức thuộc CTCP Chứng khoán VN-Direct.

**Ông NGUYỄN ĐÌNH TÂM**  
TGD Điều hành kiêm Phó TGD Sản xuất

Ông gia nhập Thiên Long năm 1993, được bổ nhiệm vào vị trí Tổng Giám đốc Điều hành Thiên Long từ tháng 5/2017. Ông có kinh nghiệm sâu rộng trong ngành và đặc biệt am hiểu sâu sắc các lĩnh vực kỹ thuật sản xuất then chốt của Tập đoàn.

Ông đã từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng như: Phó Giám đốc Kỹ thuật, Giám đốc Nghiên cứu và Phát triển (R&D), Phó TGD Sản xuất, và Phó TGD Thường trực kiêm nhiệm vị trí Phó TGD Sản xuất.

**Ông NGUYỄN THƯỢNG VIỆT**  
Phó TGD Phát triển Kinh doanh Nội địa

Ông có 20 năm làm việc tại Công ty, và được bổ nhiệm vào vị trí Phó TGD Phát triển Kinh doanh Nội địa từ tháng 04/2012.

Ông đã trải qua nhiều vị trí quan trọng ở nhiều lĩnh vực SXKD của Công ty như: Giám đốc Sản xuất, Giám đốc Chuỗi cung ứng Thiên Long Hoàn Cầu, Tổng Giám đốc Thiên Long Long Thành, Tổng Giám đốc Tân Lực Miền Nam.





**Bà TRẦN PHƯƠNG NGÀ**  
Phó TGD Tài chính Kế toán kiêm  
Trợ lý Chủ tịch HĐQT

Bà gia nhập Thiên Long từ năm 2012, được bổ nhiệm vào vị trí Phó TGD Tài chính Kế toán từ tháng 02/2017.

Trước đó, Bà từng đảm nhiệm các vị trí quản lý cấp cao trong các lĩnh vực kế toán, ngân hàng, tư vấn tài chính, quản lý quỹ đầu tư... ở các công ty đa quốc gia tại Việt Nam và Anh Quốc.



**Ông BÙI VĂN HƯỞNG**  
Phó TGD Hành chính Nhân sự / Phó TGD  
Quản trị Chất lượng Toàn diện

Ông gia nhập Thiên Long từ năm 2007 với vị trí Phó TGD Quản trị Chất lượng Toàn diện. Từ tháng 09/2008 đến nay, Ông đảm nhiệm vị trí Phó TGD Hành chính - Nhân sự kiêm Phó TGD Quản trị Chất lượng Toàn diện của Tập đoàn.

Ông từng có nhiều năm đảm nhiệm vị trí quản lý tại các Tập đoàn đa Quốc gia ở Việt Nam như: Quản đốc Sản xuất tại Công ty Điện tử Escatec Việt Nam, Giám đốc Chất lượng tại Công ty Nitto Denko Việt Nam...



**Ông PHAN NHỰT PHƯƠNG**  
Phó TGD Mua hàng

Ông đã công tác tại Thiên Long được hơn 20 năm và từ năm 2008, Ông được nhiệm bổ nhiệm vào vị trí Phó TGD Mua hàng của Tập đoàn.

Ông có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý chuỗi cung ứng, từng đảm nhiệm các vị trí Phó phòng Kinh doanh từ năm 1998 đến năm 2001. Sau đó, Ông được đề bạt vào vị trí Giám đốc Cung ứng của Thiên Long từ năm 2002 đến năm 2006 và Phó TGD Cung ứng vào năm 2006.



**Ông TRẦN TRUNG HIỆP**  
Phó TGD Phát triển Kinh doanh Quốc tế

Ông gia nhập Thiên Long năm 2005 với vai trò Giám đốc Chi nhánh Thiên Long tại Hà Nội và được bổ nhiệm vào vị trí Phó TGD Phát triển Kinh doanh Quốc tế từ năm 2012.

Ông có nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực mở rộng phát triển kinh doanh, và từng đảm nhiệm các vị trí như: Giám đốc Kinh doanh Nội địa, Trưởng VPĐD Thiên Long tại Trung Quốc.



**Ông TRƯƠNG ANH HÀO**  
TGD Công ty TNHH MTV TM - DV Thiên Long  
Hoàn Cầu

Ông gia nhập Thiên Long vào năm 1997, và từ năm 2008 được bổ nhiệm làm TGD Thiên Long Hoàn Cầu, là công ty thành viên có mạng lưới phân phối chủ chốt của Tập đoàn.

Ông có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực phát triển kinh doanh tại Việt Nam.



**Ông TẠ QUANG THIÊN**  
TGD Công ty TNHH SXTM Thiên Long  
Long Thành

Ông có 20 năm công tác tại Thiên Long, và là TGD Thiên Long Long Thành từ năm 2012.

Ông đã nắm giữ các vị trí chủ chốt trong mảng Tài chính - Kế toán của Tập đoàn.





**Ông HUỖNH ĐỨC NGHĨA**  
TGD Công ty TNHH MTV TMDV Tân Lực  
Miền Nam

Ông tham gia Thiên Long từ năm 1999, và đảm nhiệm vai trò TGD Tân Lực Miền Nam từ năm 2016.

Ông từng có nhiều năm phụ trách chính hoạt động kinh doanh của Tập đoàn tại Chi nhánh Đà Nẵng, Nha Trang và Hải Phòng, Tân Lực Miền Tây.



**Ông NGUYỄN DƯƠNG TRUNG HẬU**  
TGD Công ty TNHH MTV TMDV Tân Lực  
Miền Trung

Ông đã có quá trình hơn 10 năm làm việc tại Thiên Long, và được bổ nhiệm làm TGD Tân Lực Miền Trung từ đầu năm 2016.

Ông từng là Trưởng phòng Bán hàng của Tập đoàn, sau đó đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Miền của Thiên Long Hoàn Cầu và Giám đốc Chi nhánh Tân Lực Miền Nam.



**Ông ĐẶNG THANH CẢNH**  
TGD Công ty TNHH MTV TMDV Tân Lực  
Miền Bắc

Ông gia nhập Thiên Long từ năm 1999, và giữ cương vị TGD Tân Lực Miền Bắc từ tháng 11/2010.

Trước đó, Ông Cảnh đảm nhiệm vị trí Giám đốc Chi nhánh Nha Trang, Giám đốc Chi nhánh Hà Nội và Giám đốc Bán hàng Miền Bắc 1 của Thiên Long Hoàn Cầu.

**Ông NGUYỄN NGỌC NHƠN**  
Kế toán trưởng

Ông gia nhập Tập đoàn Thiên Long từ tháng 4/2017. Ông Nhơn đảm nhiệm vị trí Kế toán trưởng với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán.

**Ông PHẠM HỮU CHÍ**  
Giám đốc Nghiên cứu và Phát triển Sản phẩm

Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Nghiên cứu & Phát triển Sản phẩm từ tháng 10/2017. Ông đã gắn bó với Thiên Long hơn 17 năm ở các vị trí quản lý: Trưởng phòng Thiết kế, Trưởng phòng Nghiên cứu & Phát triển Sản phẩm bút viết.

**Ông DIỆP BẢO TỊNH**  
Giám đốc Công nghệ

Ông đã gắn bó với Thiên Long hơn 19 năm, trong đó hơn 15 năm ở các vị trí quản lý của Bộ phận Sản phẩm, Tự động hóa và Bảo trì, Xưởng Chế tạo máy, và Trợ lý cho Phó TGD Sản xuất.

**Ông ĐÌNH QUANG HÙNG**  
Giám đốc Sản xuất

Ông làm việc tại Thiên Long từ tháng 03/2008 và đảm nhiệm vai trò Giám đốc Sản xuất từ tháng 10/2017. Ông Hùng tốt nghiệp Kỹ sư Cơ khí Chế tạo máy (ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM) và có nhiều năm làm việc trong lĩnh vực sản xuất cho Biti's và Bita's.

**Ông NGUYỄN ĐỨC HẠNH**  
Giám đốc Công nghệ Thông tin

Ông gia nhập Thiên Long từ năm 2011 và hiện đang đảm nhiệm vai trò Giám đốc Công nghệ Thông tin. Trước đó, ông đã từng giữ các vị trí quản lý công nghệ thông tin tại KPMG Việt Nam, Đồng Tâm Group, Biti's.

**Ông TRỊNH VĂN HÀO**  
Giám đốc Tiếp thị

Ông công tác tại Thiên Long từ năm 2000, và được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Tiếp thị của Tập đoàn từ tháng 01/2017. Với bề dày nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Marketing, Ông đã trải qua các vị trí như: Quản lý Thương hiệu, Quản lý Vận hành Tiếp thị, Trưởng phòng Tiếp thị.



# NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN XUẤT

Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm là điểm cốt lõi tạo nên uy tín của Thiên Long. Vì vậy, Thiên Long luôn đầu tư cho hoạt động phát triển sản phẩm và đổi mới công nghệ sản xuất với dây chuyền sản xuất tự động cùng hệ thống kiểm định chất lượng nghiêm ngặt, nhằm mang những sản phẩm tốt nhất phục vụ người tiêu dùng.

THEO DƯỚI CÔNG NGHỆ XANH



SẢN XUẤT SẢN PHẨM  
CHẤT LƯỢNG AN TOÀN



NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN  
SẢN XUẤT SẢN PHẨM MỚI



HỆ THỐNG KIỂM ĐỊNH  
CHẤT LƯỢNG CHẶT CHẼ



ĐẨY MẠNH TỰ ĐỘNG HÓA  
≥ 75,3%



THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG TỰ CHẾ TẠO



**HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Trong năm 2018, Thiên Long đã tổ chức 02 cuộc họp ĐHĐCĐ, bao gồm:

- ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2017 tổ chức vào ngày 16/05/2018;
- ĐHĐCĐ bất thường tổ chức bằng hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản ngày 08/11/2018.

Tập đoàn Thiên Long đã tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành về thông báo, gửi thư mời, quyền tham dự, quyền biểu quyết... nhằm đảm bảo quyền lợi tối đa cho cổ đông.

**HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2018**

Trong năm 2018, HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ để bàn bạc, thảo luận và đưa ra các định hướng phát triển, chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty. HĐQT luôn tập trung thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

quyền của mình một cách chuyên nghiệp, triệt để và hiệu quả. Các thành viên HĐQT luôn chủ động và tích cực trong công việc, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao và có sự đóng góp mang tính chuyên nghiệp và kịp thời vào các quyết định chung của HĐQT.

Năm 2018, HĐQT đã tổ chức 12 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên HĐQT nhằm thông qua các quyết sách, chủ trương quan trọng đối với các định hướng, chiến lược phát triển và hoạt động kinh doanh của Công ty.

HĐQT đã thể hiện vai trò tiên phong trong công tác quản trị, giám sát, chiến lược, quản trị rủi ro, nhân sự, lương thưởng nhằm giải quyết công việc thuộc thẩm

Các Nghị quyết/ Quyết định đã được ban hành, bao gồm:

| STT | Số Nghị Quyết/ Quyết định | Ngày       | Nội dung thông qua   |
|-----|---------------------------|------------|--|
| 1   | 06/2018/NQ - HĐQT         | 21/03/2018 | Thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2017.  |
| 2   | 07/2018/NQ - HĐQT         | 23/04/2018 | Thông qua quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV TM - DV Tân Lực Miền Bắc.   |
| 3   | 08/2018/NQ - HĐQT         | 03/05/2018 | Quyết định đồng ý cho Công ty TNHH MTV TM - DV Tân Lực Miền Bắc tiến hành tìm kiếm mặt bằng kinh doanh.  |
| 4   | 09/2018/NQ - HĐQT         | 24/05/2018 | Thông qua việc chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là công ty kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty năm 2018.  |
| 5   | 10/2018/NQ - HĐQT         | 24/05/2018 | Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.  |
| 6   | 11/2018/NQ - HĐQT         | 08/08/2018 | Thông qua việc chi trả cổ tức đợt 2/2017 bằng tiền mặt và chọn ngày chốt danh sách cổ đông phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.      |
| 7   | 13/2018/NQ - HĐQT         | 18/09/2018 | Thông qua việc tăng Vốn Điều lệ của Công ty do phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, sửa đổi điều lệ Công ty về nội dung Vốn Điều lệ. |
| 8   | 14/2018/NQ - HĐQT         | 26/09/2018 | Thông qua việc thực hiện lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2018 và các nội dung xin ý kiến Cổ đông để biểu quyết thông qua. |
| 9   | 15/2018/NQ - HĐQT         | 12/11/2018 | Thông qua việc triển khai và thực hiện các thủ tục, hồ sơ liên quan đến phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2018.                                      |

|    |                   |            |   |
|----|-------------------|------------|---|
| 10 | 16/2018/NQ - HĐQT | 27/11/2018 | Thông qua việc quyết định chuyển nhượng đất tại Đà Nẵng, HĐQT giao cho Ban TGD tìm kiếm người nhận chuyển nhượng và ủy quyền cho Ban TGD thực hiện tất cả các công việc liên quan đến việc chuyển nhượng đất tại Đà Nẵng. |
| 11 | 17/2018/NQ - HĐQT | 28/11/2018 | Thông qua việc điều chỉnh Giấy Chứng nhận đầu tư: Thêm xưởng sản xuất đầu bút nhằm chủ động trong khâu nguyên vật liệu, hạn chế nhập khẩu đầu bút.  |

Nhằm nâng cao chất lượng quản trị nội bộ, Công ty đã tổ chức khóa đào tạo về Quản trị công ty cho các thành viên HĐQT, Ban TGD, các Cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty do Công ty TNHH Deloitte hướng dẫn. Theo đó, Công ty sẽ đẩy mạnh và tiếp tục tổ chức các khóa học, khóa đào tạo về Quản trị công ty cho các đối tượng này.

**GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, HĐQT đã kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban TGD trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các kế hoạch của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2018.

Đứng trước những thách thức, khó khăn và biến động không ngừng của nền kinh tế Việt Nam cũng như kinh tế thế giới, Ban TGD luôn có những chủ trương, giải pháp đúng đắn và phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty. Trong năm 2018, Ban TGD đã xuất sắc hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh và nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ giao phó.

Công tác giám sát được thực hiện toàn diện và đầy đủ thông qua việc trao đổi, thảo luận trực tiếp với Ban TGD tại các cuộc họp HĐQT hoặc Ban TGD thường kỳ hoặc gián tiếp thông qua các phương tiện liên lạc như điện thoại, email nhằm đảm bảo tính hiệu quả, phù hợp và kịp thời.

Với vai trò đồng hành cũng như giám sát hoạt động của Ban TGD, HĐQT đánh giá cao và ghi nhận sự cống hiến, đóng góp của Ban TGD vào sự phát triển chung của Công ty.

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN NĂM 2018**

Năm 2018 có thể nói là năm ấn tượng của kinh tế Việt Nam khi đạt tốc độ cao nhất trong vòng 10 năm với mức tăng trưởng 7,1% trong bối cảnh quốc tế không mấy thuận lợi.

Nhờ vào sự phấn đấu, nỗ lực không ngừng, sự đoàn kết giữa Ban Lãnh đạo và toàn thể CBCNV, cùng với sự chỉ đạo, sát cánh và đồng hành của HĐQT, kết thúc năm 2018, Công ty đã đạt được kết quả như mong đợi, hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao phó, cụ thể:

- Doanh thu hợp nhất năm 2018 đạt 2.855,8 tỷ
- LNST năm 2018 đạt 294,4 tỷ





**ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP**

Trong năm 2018, thông qua các cuộc họp được tổ chức định kỳ, thường xuyên, các thành viên HĐQT đã đưa ra các quyết định mang tính chất định hướng, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng nhiệm vụ mà ĐHCĐ giao phó. Theo đó, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết liên quan đến hoạt động của Tập đoàn đúng với trách nhiệm và thẩm quyền của mình, đúng với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, phù hợp với thực tiễn kinh doanh, đáp ứng được yêu cầu quản trị, nhu cầu phát triển và chiến lược của Tập đoàn.

Mặt khác, với vai trò độc lập trong HĐQT, thành viên HĐQT độc lập đã tích cực tham gia đầy đủ các cuộc họp

của HĐQT, cùng trao đổi và đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc, khách quan. Bên cạnh đó, các thành viên HĐQT độc lập cũng đã có những tư vấn mang tính xây dựng, định hướng trong hoạt động điều hành, chỉ ra những rủi ro tiềm tàng trong các chính sách, chiến lược của Công ty, góp phần cải tiến hệ thống, ngăn chặn và phòng ngừa những nguy cơ và rủi ro.

Vì lẽ đó, mặc dù phải đối mặt với những khó khăn, thách thức, tuy nhiên, tập thể HĐQT và Ban TGD đã thể hiện sự đoàn kết, đồng lòng, cùng nhau phấn đấu, nỗ lực vì mục tiêu phát triển chung của Công ty, góp phần đạt kết quả vượt kế hoạch do ĐHCĐ giao phó.

**QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ NGHĨA VỤ VỚI CỔ ĐÔNG**

Với mục tiêu và định hướng trong năm 2018 là minh bạch, kịp thời và chính xác, Công ty đã thực hiện thực hiện tốt và nghiêm chỉnh quy định về công bố thông tin, đảm bảo tính công bằng, bình đẳng trong công tác cung cấp thông tin cho tất cả các đối tượng cổ đông, nhà đầu tư khác nhau. Công ty đang và sẽ liên tục cập nhật kịp thời các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo yêu cầu tuân thủ quy định về công bố thông tin của cơ quan nhà nước.

Mặt khác, với việc ý thức được trách nhiệm của một công ty niêm yết có quy mô lớn đối với nhà đầu tư,

Công ty luôn tích cực trong các hoạt động quan hệ nhà đầu tư, thường xuyên tổ chức các buổi tiếp xúc, những buổi gặp gỡ, tham quan nhà máy nhằm chủ động nhất trong việc cung cấp thông tin của doanh nghiệp đến cộng đồng nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Trong năm 2018, Thiên Long đã chi trả cổ tức đợt 2 năm 2017 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% mệnh giá (tổng cộng chi trả 50,6 tỷ đồng) và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 30% (tăng 151,6 tỷ đồng).

**THÙ LAO VÀ THƯỜNG CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN TGD**

Miễn xác định mức và cơ cấu lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho Ban Lãnh đạo dựa trên: (1) kết quả hoạt động của Công ty, (2) nhiệm vụ, trách nhiệm, kết quả hoạt động của từng cá nhân (3) sự hài hòa với chính sách lương, quỹ lương hàng năm của Thiên Long và (4) việc tuân thủ các quy định của pháp luật.

Tiền lương của Ban TGD, Cán bộ quản lý khác; thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát nhận được trong năm 2018 là 36,9 tỷ đồng và được trình bày tại Thuyết minh số 35 của Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.



**TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN**

Năm 2019, HĐQT dự kiến trình ĐHCĐ phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh với: Doanh thu thuần 3.200 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế 325 tỷ đồng, Cổ tức 20%.

Nhằm thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược cho giai đoạn 2016 - 2020, HĐQT ban hành Quy chế Quản trị Công ty, thành lập các Tiểu ban trực thuộc HĐQT cùng Ban TGD tập trung vào các trọng tâm phát triển:



**HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT**

HĐQT có 04 tiểu ban trực thuộc, bao gồm Tiểu ban Chính sách Đầu tư và Phát triển, Tiểu ban Tái cấu trúc Nhân sự và Lương thưởng, Tiểu ban Kiểm toán và Tiểu ban Quan hệ cổ đông. Trong năm 2018, các Tiểu ban đã thể hiện tốt vai trò hỗ trợ HĐQT trong việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Với những chức năng mà HĐQT giao phó, được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, các Tiểu ban đã thể hiện tính chuyên trách trong từng lĩnh vực, giúp HĐQT giám sát, kiểm soát hiệu quả hoạt động của Công ty, cũng như tăng cường tính khách quan và độc lập trong các quyết định mang tính chiến lược





**GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU**

Tổng giá trị nguyên vật liệu chiếm trên 70% giá thành sản xuất của Thiên Long, trong đó hạt nhựa là nguyên vật liệu chính, chiếm khoảng gần 25% giá nguyên vật liệu. Do đó, biến động giá dầu kéo theo giá hạt nhựa, giá bao bì và những nguyên vật liệu khác trên thị trường thế giới ảnh hưởng không nhỏ đến giá thành sản xuất của Thiên Long trong năm 2018.



**TỶ GIÁ**

Do đặc thù phải nhập khẩu nhiều nguyên vật liệu chính từ nước ngoài, đặc biệt là hạt nhựa, máy móc thiết bị nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Thiên Long chịu tác động không nhỏ của tỷ giá hối đoái, đặc biệt là tỷ giá VND/USD và tỷ giá VND/JPY.



**HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

Đầu tư luôn song hành cùng với việc phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Rủi ro phát sinh từ các hoạt động đầu tư thiếu hiệu quả sẽ dẫn đến nhiều hệ lụy về vốn và kết quả kinh doanh.



**CẠNH TRANH**

Tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tổng nhu cầu, ngày càng nhiều tập đoàn toàn cầu gia nhập vào ngành văn phòng phẩm, đặc biệt thị trường trong nước, điều này tạo ra nhiều rủi ro cạnh tranh cho Thiên Long trên thị trường.

Sự gia tăng tốc độ toàn cầu hóa, áp lực cạnh tranh tại nhiều nước trên thế giới và xu hướng tìm kiếm các thị trường có sức mua mạnh, có tiềm năng tăng trưởng cao đã giúp Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn của nhiều tập đoàn lớn trên thế giới. Thị trường văn phòng phẩm Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ, điều này tạo ra rủi ro cạnh tranh cho Thiên Long trong ngắn và dài hạn.



**AN TOÀN SẢN XUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM**

Với sự phát triển không ngừng của việc tự động hóa trong ngành sản xuất, việc bảo đảm an toàn, hiệu quả trong vận hành máy móc thiết bị là yêu cầu tất yếu đối với bất kỳ doanh nghiệp/nhà máy nào. Là một đơn vị trực tiếp sản xuất nên các nguy cơ về mất an toàn ảnh hưởng đến con người và chất lượng sản phẩm có thể xảy ra đối với Thiên Long, có khả năng làm ảnh hưởng lớn đến năng lực cạnh tranh của Tập đoàn.

**Giải pháp hạn chế rủi ro**

- Luôn cập nhật thông tin về giá nguyên liệu như giá nhựa, giá hóa chất, bao bì,...
- Duy trì mối quan hệ đối tác với các nhà cung cấp truyền thống lớn, so sánh giá chào của nhiều nhà cung ứng, đàm phán mua nguyên vật liệu với sản lượng cao và giá thành hợp lý.
- Phân tích và dự báo thường xuyên, xây dựng các kịch bản giá thành khác nhau để có kế hoạch mua, nhập và dự trữ nguyên vật liệu phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Gia tăng hoạt động tự sản xuất nguyên liệu để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất, giảm phụ thuộc vào thị trường, đặc biệt thị trường thế giới.

**Giải pháp hạn chế rủi ro**

- Theo sát biến động tỷ giá, tính toán chi tiết thời hạn thanh toán các hợp đồng nhập khẩu, lập kế hoạch dòng tiền ngắn hạn và dài hạn để có biện pháp cân đối ngoại tệ phù hợp.
- Đẩy mạnh hoạt động tự sản xuất máy móc thiết bị, khuôn mẫu và nguyên vật liệu để giảm dần tỷ lệ nhập khẩu.
- Tăng cường nguồn thu ngoại tệ thông qua xuất khẩu hàng hóa, trong năm 2018 tổng doanh thu xuất khẩu của Tập đoàn đã tăng trưởng hơn 28% so với năm 2017, đạt 18 triệu USD.

**Giải pháp hạn chế rủi ro**

- Quản trị chặt chẽ các hoạt động đầu tư ngay từ giai đoạn xây dựng phương án, đánh giá tính khả thi nhằm tránh các rủi ro không lường trước có thể gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh cũng như tài sản của Công ty.
- Các dự án lớn được phân tích toàn diện dựa trên nhu cầu thị trường, khả năng cạnh tranh, hiệu quả kinh doanh,... nhằm nhận biết các rủi ro liên quan cũng như mức độ tác động của từng yếu tố.

**Giải pháp hạn chế rủi ro**

- Hoàn thiện cơ cấu nhân sự lãnh đạo, hệ thống quản trị, tiếp tục nhất quán các chính sách thu hút, gìn giữ và phát triển nhân tài.
- Đầu tư vào hoạt động kinh doanh, marketing để đưa thương hiệu Thiên Long và các nhãn hàng/ thương hiệu Bizner, TL, FlexOffice, Colokit và Điểm 10 lên tầm cao mới.
- Đổi mới công nghệ để nâng cao năng lực sản xuất, tạo ra những sản phẩm có mẫu mã đẹp, khác biệt và chất lượng vượt trội.
- Mở rộng danh mục sản phẩm, mở rộng ngành hàng để đáp ứng xu hướng tiêu dùng mới.
- Tăng cường, mở rộng hợp tác trên nhiều lĩnh vực, duy trì tốc độ tăng trưởng cao và bền vững trong dài hạn.

**Giải pháp hạn chế rủi ro**

- Ngoài việc luôn kiểm tra, bảo dưỡng, đại tu định kỳ hằng năm, Công ty ý thức rõ tầm quan trọng của công tác đảm bảo an toàn sản xuất và chất lượng sản phẩm.
- Công tác kiểm tra được duy trì thường xuyên, kết hợp với việc phổ biến, tuyên truyền và thực hành các biện pháp kỹ thuật an toàn.
- Trang bị bảo hộ lao động chu đáo và đội ngũ PCCC luôn có kế hoạch chủ động để đối phó với các tình huống xấu xảy ra.
- Xây dựng quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm chặt chẽ ở tất cả các khâu từ mua hàng, sản xuất, đóng gói đến lưu thông.
- Áp dụng hiệu quả và không ngừng cải thiện Hệ thống Quản lý tích hợp (An toàn - Chất lượng - Môi trường) theo tiêu chuẩn quốc tế.



**HOẠT ĐỘNG CỦA BKS TRONG NĂM 2018**

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các Nội dung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, theo dõi việc thực hiện các kế hoạch mà ĐHĐCĐ đã phê duyệt.
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính hàng quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời phối hợp với Bộ phận Kiểm toán nội bộ tiến hành kiểm tra hoạt động của các Công ty con về việc tuân thủ các thủ tục, quy trình, quy định của Tập đoàn, kiểm tra tính hợp lý của các khoản mục chi phí thuế TNDN...

| STT | Thành viên BKS         | Chức vụ        | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự |
|-----|------------------------|----------------|--|-------------------------|-------------------|---------------------|
| 1   | Bà Nguyễn Thị Bích Ngà | Trưởng BKS     | Ngày bắt đầu nhiệm kỳ mới 16/05/2017     | 5/5                     | 100%              |                     |
| 2   | Ông Đinh Đức Hậu       | Thành viên BKS | Ngày bắt đầu nhiệm kỳ mới 16/05/2017     | 5/5                     | 100%              |                     |
| 3   | Bà Tạ Hồng Diệp        | Thành viên BKS | Ngày bắt đầu nhiệm kỳ mới 16/05/2017     | 5/5                     | 100%              |                     |

Trong năm tài chính 2018, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý với sự tham gia đầy đủ của các thành viên để trao đổi, lập kế hoạch hoạt động và tổng kết các kết quả công việc đã thực hiện trong kỳ,

**Nội dung các cuộc họp:**

- Ngày 05/01/2018:** Tổ chức cuộc họp định kỳ hàng quý, thảo luận, trao đổi các kết quả hoạt động của kỳ trước và kế hoạch hoạt động của Quý 1/2018.
- Ngày 06/04/2018:** Tổng hợp các kết quả kiểm tra thực hiện trong Quý 1, triển khai kế hoạch làm việc Quý 2/2018 và các nội dung báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2018.
- Ngày 27/04/2018:** Thảo luận điều chỉnh kế hoạch kiểm tra Quý 2/2018 và phân công thực hiện.
- Ngày 13/07/2018:** Tổng kết các việc đã thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2018, lập kế hoạch hoạt động cho Quý 3/2018
- Ngày 08/10/2018:** Tổng kết các kết quả kiểm tra trong Quý 3/2018, phân công công việc cho các đợt kiểm tra trong Quý 4/2018.

**Bên cạnh đó, BKS cũng đã tham gia đầy đủ các cuộc họp giữa HĐQT và Ban TGD để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và kế hoạch phát triển của Công ty.**



**KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH TRONG NĂM 2018**

**Về kết quả tài chính kế toán**

Ban Kiểm soát ghi nhận các số liệu trong báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty và tuân thủ theo quy định hiện hành.

**Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu trong năm 2018**

- Doanh thu thuần hợp nhất của Tập đoàn trong năm 2018 đạt 2.855,8 tỷ đồng tăng 14,3% so với năm 2017 vượt kế hoạch của ĐHĐCĐ là 5,8 tỷ.
- LNST năm 2018 vẫn duy trì được đà tăng trưởng ở mức cao đạt 294,4 tỷ đồng tăng 10% so với năm trước và hoàn thành 101,5% kế hoạch của ĐHĐCĐ.

**Về tình hình đầu tư, nghiên cứu phát triển sản phẩm và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh**

Thiên Long tiếp tục đầu tư, phát triển sâu rộng và toàn diện hơn quá trình tự động hóa trong toàn bộ các công đoạn của quy trình sản xuất sản phẩm. Điều đó giúp năng suất lao động được nâng cao với tỷ lệ tự động hóa đạt đến 75,3%. Ngoài ra, Thiên Long đã chú trọng đầu tư và đưa vào hoạt động dây chuyền, máy móc thiết bị



sản xuất đầu bút xuất xứ từ Thụy Sĩ, giúp khâu sản xuất đầu bút được chủ động hơn, giảm giá thành, đảm bảo chất lượng và nâng cao năng lực cạnh tranh. Hoạt động sản xuất mực cũng được tiếp tục đầu tư mở rộng và chuyên nghiệp hóa nhằm từng bước chủ động nguyên vật liệu đầu vào.

Các bộ phận kinh doanh trong và ngoài nước tiếp tục phát triển hệ thống phân phối ở nhiều kênh nhằm đáp ứng mục tiêu kinh doanh, đảm bảo sự tăng trưởng về doanh số. Bên cạnh đó, trang thương mại điện tử, [www.flexoffice.com](http://www.flexoffice.com) đi vào hoạt động đã góp phần quảng bá thương hiệu Thiên Long và các nhãn hàng Bizner, TL, FlexOffice, Colokit, Điểm 10 đến người tiêu dùng.

**KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TGD**

Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong năm 2018 đã được ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ, tuân thủ đúng Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Việc công bố thông tin đến các Cổ đông đã được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

HĐQT luôn theo sát hoạt động của Ban TGD, luôn hỗ trợ và chỉ đạo kịp thời giúp Ban TGD đưa ra các quyết định, triển khai, điều hành các hoạt động kinh doanh nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu đề ra.

Bên cạnh đó, sự hoạt động hiệu quả của bốn Tiểu ban trực thuộc HĐQT: Tiểu ban Chính sách Đầu tư và Phát triển, Tiểu ban Tái cấu trúc Nhân sự và Lương thưởng, Tiểu ban Kiểm toán và Tiểu ban Quan hệ Cổ đông là cơ sở cho HĐQT phát huy hết vai trò của mình trong việc hỗ trợ Ban TGD hoàn thành các nhiệm vụ được giao, là nền tảng gắn kết giữa HĐQT và Ban TGD, tạo sự phát triển bền vững cho Công ty.

Ban TGD đã thực hiện đúng chức năng và quyền hạn của mình. Trong năm qua, Ban TGD không ngừng nâng cao năng suất và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, vượt qua các rào cản, khó khăn để hoàn thành tốt các chỉ tiêu đề ra trong năm với bản lĩnh và sự tự tin cao.

**SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HĐQT VÀ BAN TGD**

Trong năm 2018, HĐQT và Ban TGD đã luôn tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành các nhiệm vụ, chức năng của mình. Các thông tin về tình hình hoạt động

của Công ty đều được cung cấp cho BKS đúng thời hạn và đầy đủ.



| STT | Người thực hiện giao dịch       | Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |          | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |          | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------------|----------------------------|---------------------------|----------|----------------------------|----------|--|
|     |                                 |                            | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ    | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ    |  |
| 1   | CTCP Đầu Tư Thiên Long An Thịnh | Cô Gia Thọ                 | 26.119.548                | 51,66%   | 33.955.412                 | 51,66%   | CP thưởng  |
| 2   | Cô Gia Thọ                      | Chủ tịch HĐQT              | 3.213.012                 | 6,36%    | 4.176.915                  | 6,36%    | CP thưởng  |
| 3   | Trần Thái Như                   | Thành viên HĐQT            | 695.071                   | 1,37%    | 903.592                    | 1,37%    | CP thưởng  |
| 4   | Cô Ngân Bình                    | Thành viên HĐQT            | 599.392                   | 1,19%    | 779.209                    | 1,19%    | CP thưởng  |
| 5   | Cô Cẩm Nguyệt                   | Thành viên HĐQT            | 387.744                   | 0,77%    | 504.067                    | 0,77%    | CP thưởng  |
| 6   | Trần Kim Thành                  | Phó Chủ tịch HĐQT          | 30.000                    | 0,06%    | 39.000                     | 0,06%    | CP thưởng  |
| 7   | Trần Lệ Nguyên                  | Thành viên HĐQT            | 30.000                    | 0,06%    | 39.000                     | 0,06%    | CP thưởng  |
| 8   | Huỳnh Văn Thiện                 | Thành viên HĐQT            | 30.000                    | 0,06%    | 39.000                     | 0,06%    | CP thưởng  |
| 9   | Trần Văn Hùng                   | Thành viên HĐQT            | 236.644                   | 0,47%    | 307.636                    | 0,47%    | CP thưởng  |
| 10  | Nguyễn Đình Tâm                 | TGD                        | 325.810                   | 0,64%    | 423.552                    | 0,64%    | CP thưởng  |
| 11  | Phan Nhật Phương                | Phó TGD                    | 382.387                   | 0,76%    | 497.103                    | 0,76%    | CP thưởng  |
| 12  | Bùi Văn Hưởng                   | Phó TGD                    | 98.402                    | 0,19%    | 127.921                    | 0,19%    | CP thưởng  |
| 13  | Nguyễn Thượng Việt              | Phó TGD                    | 52.746                    | 0,10%    | 68.569                     | 0,10%    | CP thưởng  |
| 14  | Trần Trung Hiệp                 | Phó TGD                    | 62.565                    | 0,12%    | 81.334                     | 0,12%    | CP thưởng  |
| 15  | Trần Phương Nga                 | Phó TGD                    | 51.251                    | 0,10%    | 66.626                     | 0,10%    | CP thưởng  |
| 16  | Trịnh Văn Hào                   | Giám đốc                   | 4.509                     | 0,009%   | 5.861                      | 0,009%   | CP thưởng  |
| 17  | Nguyễn Đức Hạnh                 | Giám đốc                   | 4.500                     | 0,009%   | 5.850                      | 0,009%   | CP thưởng  |
| 18  | Phạm Hữu Chí                    | Giám đốc                   | 3.700                     | 0,007%   | 4.810                      | 0,007%   | CP thưởng  |
| 19  | Diệp Bảo Tịnh                   | Giám đốc                   | 14.421                    | 0,03%    | 18.747                     | 0,03%    | CP thưởng  |
| 20  | Định Quang Hùng                 | Giám đốc                   | 3.700                     | 0,007%   | 4.810                      | 0,007%   | CP thưởng  |
| 21  | Nguyễn Ngọc Nhơn                | Kế toán trưởng             | 2.145                     | 0,004%   | 2.788                      | 0,004%   | CP thưởng  |
| 22  | Nguyễn Thị Bích Nga             | Trưởng BKS                 | 46.119                    | 0,09%    | 59.954                     | 0,09%    | CP thưởng  |
| 23  | Đình Đức Hậu                    | Thành viên BKS             | 2.500                     | 0,005%   | 3.250                      | 0,005%   | CP thưởng  |
| 24  | Tạ Hồng Diệp                    | Thành viên BKS             | 2.500                     | 0,005%   | 3.250                      | 0,005%   | CP thưởng  |
| 25  | Cô Cẩm Châu                     | Cô Gia Thọ                 | 33.862                    | 0,07%    | 44.020                     | 0,07%    | CP thưởng  |
| 26  | Cô Cẩm Ngọc                     | Cô Gia Thọ                 | 242.686                   | 0,48%    | 315.491                    | 0,48%    | CP thưởng  |
| 27  | Cô Gia Đức                      | Cô Gia Thọ                 | 141.098                   | 0,28%    | 183.427                    | 0,28%    | CP thưởng  |
| 28  | Trần Mỹ Ken                     | Trần Thái Như              | 7.862                     | 0,016%   | 10.220                     | 0,016%   | CP thưởng  |
| 29  | Trần Xú Tài                     | Trần Thái Như              | 33.862                    | 0,07%    | 44.020                     | 0,07%    | CP thưởng  |
| 30  | Trần Quốc Nguyên                | Trần Kim Thành             | 9                         | 0,00001% | 11                         | 0,00001% | CP thưởng  |
| 31  | Trần Đình Long                  | Nguyễn Đình Tâm            | 1.219                     | 0,002%   | 1.584                      | 0,002%   | CP thưởng  |
| 32  | Phan Nhật Toàn                  | Phan Nhật Phương           | 2.819                     | 0,006%   | 3.664                      | 0,006%   | CP thưởng  |
| 33  | Võ Bửu Chiêu                    | Nguyễn Thượng Việt         | 4.338                     | 0,009%   | 5.639                      | 0,009%   | CP thưởng  |
| 34  | Trần Anh Dũng                   | Trần Phương Nga            | 1.691                     | 0,003%   | 2.198                      | 0,003%   | CP thưởng  |
| 35  | Nguyễn Dương Phụng              | Diệp Bảo Tịnh              | 845                       | 0,002%   | 1.098                      | 0,002%   | CP thưởng  |
| 36  | Nguyễn Hồ Hồng Yến              | Định Quang Hùng            | 3.100                     | 0,006%   | 4.030                      | 0,006%   | CP thưởng  |
| 37  | Bùi Quang Minh                  | Nguyễn Thị Bích Nga        | 4.587                     | 0,009%   | 5.963                      | 0,009%   | CP thưởng  |

**ALEXIO**

Máy tính khoa học **Fx590VN**



**MÁY TÍNH**  
được Bộ Giáo dục và  
Đào tạo cho phép  
mang vào  
phòng thi

\* Theo Long văn số 1563/BGDĐT-GNTT ngày 12.4.2019



- Tìm thương và số dư của phép chia.
- Tìm số dư của phép chia
- Tìm bội chung nhỏ nhất, ước chung lớn nhất
- Phím nhớ Ans và phím nhớ PreAns
- Chức năng Int và Intg

- Tính tích của các số hạng của một dãy số
- Tính toán bất phương trình (INEQ)
- Hiển thị nghiệm đặc biệt
- Lưu nghiệm trong MODE EQN
- Có tính năng THÔNG BÁO SẮP HẾT PIN





# NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT SẢN PHẨM MỚI

Liên tục đổi mới và sáng tạo chính là kim chỉ nam trong mọi hoạt động của Thiên Long. Hàng loạt các sản phẩm thuộc thể hệ mới sắp được Thiên Long đưa vào thị trường không chỉ đạt yêu cầu khắt khe của quốc tế về chất lượng, an toàn sức khỏe và thân thiện môi trường, mà còn phù hợp với yêu cầu thẩm mỹ ngày càng cao của người tiêu dùng.



**BÚT VIẾT**



**SẢN PHẨM CAO CẤP**



**DỤNG CỤ VĂN PHÒNG**



**DỤNG CỤ HỌC SINH**



**DỤNG CỤ MỸ THUẬT**





**NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN XUẤT, CHỦ ĐỘNG NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO VÀ MỞ RỘNG CHUỖI GIÁ TRỊ**



**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2018**

**Ứng dụng sâu rộng và toàn diện quá trình tự động hóa**

Năm 2018, Bộ phận Tự động hóa của Thiên Long tiếp tục đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng sâu rộng và toàn diện quá trình tự động hóa trong toàn bộ các công đoạn của quy trình sản xuất: từ khâu ép nhựa, chiết rót, pha trộn đến khâu in ấn, lắp ráp, kiểm tra, đóng gói... Với nhiều bước tiến đột phá, tỷ lệ tự động hóa trong các nhà máy của Thiên Long đã được nâng lên 75,3% so với 73,5% vào cuối năm 2017. Nhờ vậy, năng suất lao động chung của Tập đoàn ngày càng được cải thiện mạnh mẽ.

Bên cạnh đó, các loại nguyên vật liệu chính tiếp tục được Công ty từng bước phát triển để chủ động hơn về chất lượng, giá thành và công nghệ sản xuất.

**Hoạt động sản xuất mực**

Sau 10 năm thực hiện chiến lược từng bước chủ động nguồn nguyên vật liệu mực, năm 2018, tổng sản lượng sản xuất mực đã đáp ứng 100% nhu cầu các mực bút lông dầu, bút lông kim, bút lông màu, bút dạ quang, mực viết máy, 79% nhu cầu mực cho bút gel bi và 40% nhu cầu mực bút gel.

Bên cạnh việc nâng cao năng lực sản xuất, hoạt động nghiên cứu và cải tiến mực cũng được Công ty chú trọng nhằm liên tục nâng cao chất lượng mực và phát triển các loại mực mới, đáp ứng nhu cầu phát triển sản phẩm mới của BP. R&D và BP. Phát triển Kinh doanh Quốc tế. Đặc biệt là đáp ứng các yêu cầu khắt khe về sự an toàn, không độc hại của mực theo yêu cầu của các thị trường Châu Âu và Mỹ.

**ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2019**

- 01 Tiếp tục nâng cao, đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu và không ngừng cập nhật các công nghệ mới tiên tiến, áp dụng thành công vào các công đoạn sản xuất, phục vụ quá trình chủ động nguồn nguyên vật liệu chính, đa dạng hóa các sản phẩm mới và cải tiến các sản phẩm đang lưu hành.
- 02 Thực hiện các dự án phục vụ quá trình chủ động hóa nguyên vật liệu sản xuất chính.
- 03 Chú trọng đầu tư cho nguồn nhân lực cốt lõi và tăng cường hợp tác với các chuyên gia đầu ngành trên Thế giới.





## NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM (R&D)

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2018

Chất lượng của sản phẩm là yếu tố ưu tiên hàng đầu. Do đó, hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm luôn được xem là cốt lõi cho sự phát triển của Công ty:

- Đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm mới, đa dạng hóa danh mục sản phẩm phục vụ nhiều đối tượng khách hàng thuộc các phân khúc khác nhau.
- Liên tục cải tiến, cải thiện danh mục sản phẩm đang lưu hành.
- Hình ảnh trên sản phẩm được làm mới để bắt kịp xu thế, tạo sự mới mẻ và sức cuốn hút với từng phân khúc khách hàng.
- Ứng dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao trải nghiệm sử dụng của người tiêu dùng và tăng sức cạnh tranh.

### ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2019

- 01 Đa dạng hóa danh mục sản phẩm, tạo sự khác biệt, tăng sức cạnh tranh với các dòng sản phẩm có giá trị trung-cao.
- 02 Tìm tòi, nghiên cứu các công nghệ mới để ứng dụng vào phát triển sản phẩm.
- 03 Bồi dưỡng, trau dồi kỹ năng và nghiệp vụ cho đội ngũ R&D, xây dựng nguồn nhân lực năng động, nhiệt huyết, sáng tạo, đổi mới ý tưởng.
- 04 Hợp tác với các chuyên gia đầu ngành trong và ngoài nước để học hỏi, trao đổi và phát triển.
- 05 Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận liên quan như bộ phận phát triển kinh doanh, bộ phận sản xuất, các đối tác, nhà cung ứng để liên tục cập nhật thông tin về thị trường, xu hướng tiêu dùng, công nghệ sản xuất, tình hình cạnh tranh... Từ đó xây dựng các chiến lược nghiên cứu và phát triển phù hợp.



**điểm 10**  
sẵn sàng học tốt

**Yêu Chữ Việt**

**BÚT CHUYÊN VIẾT CHỮ ĐẸP TP-FTC09**

*Lần đầu tiên tại Việt Nam*

*Việc thay ngòi dễ dàng và nhanh chóng hơn bao giờ hết.*

*Sử dụng tốt cả 2 chức năng bơm mực và sử dụng ống mực FPIC-02.*

*Bút được sử dụng chính trong lên hoan Yêu Chữ Việt*

**www.yeuchuviet.vn**

**THIÊN LONG**  
SỨC MẠNH TRI THỨC



## CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2018

Thực hiện nhất quán chính sách đãi ngộ nhân tài, tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện để không ngừng nâng cao trình độ cho CBCNV trong bối cảnh mới.

Với mong muốn áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong công tác quản trị nhân sự, giảm thiểu thời gian thực hiện bằng phương pháp thủ công, Công ty đã triển khai dự án "**Xây dựng phần mềm Quản lý nhân sự**".

#### Dự án được chia làm 2 giai đoạn:

**Giai đoạn 1:** đã hoàn tất và đi vào vận hành từ tháng 07/2018 với các phân hệ: Cổng thông tin nhân viên, quản lý thông tin nhân sự, chấm công, tính lương, BHXH, thuế.

**Giai đoạn 2:** dự kiến hoàn tất vào Quý II/2019 với các phân hệ: Tuyển dụng, đào tạo, đánh giá nhân viên, quản lý nhà ăn, quản lý đồng phục.



Với những chức năng của giai đoạn 1, phần mềm đã giúp giảm thiểu thời gian thực hiện các công việc giấy tờ, số hóa nhiều công việc liên quan chấm công, tính lương, kiểm soát việc tuân thủ các quy định của Công ty và Nhà nước, nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản trị nhân sự.

### ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2019

- 01** Hoàn tất các phân hệ trong Giai đoạn 2 của phần mềm Quản lý Nhân sự đúng thời hạn để có thể vận hành tổng thể phần mềm từ Quý II/2019.
- 02** Vận hành ổn định hệ thống, cải tiến và sử dụng hiệu quả nguồn dữ liệu trong phần mềm.
- 03** Đẩy mạnh hình thức đào tạo nội bộ, như: Xây dựng đội ngũ giảng viên nội bộ, giáo trình đào tạo, nội dung đào tạo...Từ đó dần tiến tới thành lập Trung tâm đào tạo của riêng Tập đoàn.
- 04** Tăng cường công tác Tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân sự cho các Khối/Bộ phận để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- 05** Áp dụng công nghệ thông tin để đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của các Khối/Bộ phận nhằm tăng tính hiệu quả và tiết giảm chi phí.
- 06** Xây dựng, cải tiến hệ thống các tiêu chí đánh giá để tạo động lực cho công nhân viên, giúp hoàn thành mục tiêu Công ty đồng thời làm căn cứ trả lương, thưởng và xây dựng lộ trình thăng tiến nghề nghiệp.





**PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG PHÂN PHỐI NỘI ĐỊA**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2018**

Thiên Long tiếp tục phát triển hệ thống phân phối theo hướng:

- Tái sắp xếp, tối ưu hóa hiệu quả kênh phân phối truyền thống (GT), đặc biệt phát triển và nâng cấp hệ thống nhà phân phối theo hướng chuyên nghiệp để đảm bảo sự tăng trưởng về sản lượng, cơ cấu cũng như doanh số.
- Tăng cường hệ thống phân phối hiện đại (MT) thông qua việc đầu tư hệ thống quầy kệ, cơ cấu sản phẩm phù hợp, nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển nhanh của kênh hiện đại trên toàn quốc.
- Đầu tư phát triển hệ thống kho bãi, đáp ứng nhu cầu gia tăng sản lượng tiêu thụ, cung cấp sản phẩm kịp thời cho các kênh phân phối và đến tận tay người tiêu dùng với hơn 65.000 điểm bán lẻ (POS), phủ khắp 63 tỉnh thành trong cả nước.

Triển khai nhanh các cơ cấu sản phẩm mới, đồng thời giúp việc kiểm soát chất lượng sản phẩm trên toàn hệ thống từ nhà máy đến tay người tiêu dùng được tốt hơn.

**Hệ thống Quản lý Nhà phân phối (DMS)**

Thiên Long đã áp dụng Hệ thống Quản lý Nhà phân phối (DMS) đến tất cả các nhà phân phối của Thiên Long Hoàn Cầu.

Hệ thống DMS đi vào hoạt động đã giúp gia tăng hiệu suất bán hàng của đội ngũ kinh doanh, thể hiện qua các khía cạnh:

- Quản trị hiệu quả và tiết kiệm chi phí.
- Đo lường hiệu quả bán hàng.
- Nâng cao hiệu quả bán hàng và tìm kiếm cơ hội bán hàng mới.



**110**  
nhà phân phối  
trên cả nước

**ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2019**

**Định hướng chung**

- 01 Tập trung phát triển các SPM và bao bì mới theo từng nhân hàng để hỗ trợ tích cực cho việc phát triển các kênh bán hàng mới và tăng Doanh số trên toàn hệ thống.
- 02 Tiếp tục đi sâu vào việc phân phối cho hệ thống bán lẻ thông qua việc phát triển điểm bán và tăng cường số lượng và chất lượng đội ngũ nhân viên bán hàng của Thiên Long tại nhà phân phối.
- 03 Tiếp tục phát triển hình ảnh thương hiệu, nhãn hàng và đẩy mạnh việc hỗ trợ trên kênh bán hàng thông qua các hoạt động băng hiệu, hộp đèn, quầy kệ, vật phẩm trưng bày, các chương trình cho hệ thống kinh doanh và người tiêu dùng cuối cùng.
- 04 Tiếp tục áp dụng có hiệu quả Hệ thống DMS để hỗ trợ công tác bán hàng và nâng cao chất lượng công tác hoạch định chiến lược.

**Hệ thống Quản lý Nhà phân phối (DMS)**

- 01 Định kỳ tổ chức các khóa đào tạo, huấn luyện cho nhân viên kinh doanh, nhà phân phối để gia tăng hiệu quả sử dụng Hệ thống, đẩy mạnh ứng dụng trong công tác quản trị bán hàng và phục vụ hoạch định chiến lược.
- 02 Định kỳ đánh giá lại hoạt động của Hệ thống để có những cải tiến, chỉnh sửa phù hợp.
- 03 Đánh giá các nhu cầu mới để nâng cấp, đáp ứng kịp thời các xu hướng phát triển của thị trường.

**Tiếp tục phát triển Kênh thương mại điện tử (www. FlexOffice.com)**

Với cuộc cách mạng 4.0, việc xây dựng và phát triển kênh thương mại điện tử là xu hướng tất yếu để gia tăng hiệu quả kinh doanh và quảng bá thương hiệu, sản phẩm.

Trang thương mại điện tử FlexOffice.com ra đời nhằm cung cấp các mặt hàng cho nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, từ học sinh, sinh viên, giới văn phòng, giới phổ thông; từ sản phẩm cao cấp đến các sản phẩm thông dụng. Kênh thương mại điện tử hứa hẹn tiếp tục mang đến hiệu quả kinh doanh cho Thiên Long trong thời gian tới dựa trên các yếu tố:

- 01 Định hướng hoạt động phù hợp xu hướng.
- 02 Mang đến cho khách hàng những giá trị thiết thực.
- 03 Nền tảng vững chắc để phát triển (dựa vào hệ thống phân phối trên khắp cả nước với hơn 110 Nhà phân phối, 2 tổng kho tại Miền Bắc và Miền Nam được vận hành bởi các công ty thương mại có trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Nội).



## ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2018

- Năm 2018, hoạt động xuất khẩu tiếp tục được đẩy mạnh với doanh thu đạt 420,4 tỷ đồng, tăng trưởng 28,2% so với năm 2017. Doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng 14,7% tổng doanh thu hợp nhất của Tập đoàn.
- Hoàn thành bản đồ xuất khẩu Đông Nam Á, sản phẩm FlexOffice và Colokit đã có mặt tại các nước Đông Nam Á với điểm đến cuối cùng là Singapore.
- Một số thị trường tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao so với năm 2017 như Philippines, Nga, Châu Âu... Bên cạnh đó, các thị trường mới như thị trường Mỹ, Nam Á cũng cho các tín hiệu hứa hẹn ở giai đoạn đầu.

### ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2019

- Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng xuất khẩu sang các thị trường mới tiềm năng tại khu vực Nam Á, Trung Đông, Châu Mỹ.
- Tiếp tục triển khai các hoạt động bán hàng và tri ân khách hàng như: Hội nghị Khách hàng, Hội nghị Nhà phân phối, các chương trình khuyến mãi, tham quan du lịch cho khách hàng thân thiết.
- Hợp tác với các đối tác bên ngoài để đẩy mạnh các chương trình marketing tại mỗi nước, đặc biệt là marketing online tại khu vực Đông Nam Á.
- Thực hiện hội chợ tại Đức, Nhật, Mỹ, Singapore và hỗ trợ tham dự hội chợ tại các nước Châu Âu khác.





**MARKETING VÀ QUẢNG BÁ**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2018**

Một số hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm nổi bật của Thiên Long trong năm 2018 gồm có:



**ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2019**

Năm 2019, hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm và thương hiệu sẽ tiếp tục được Thiên Long đẩy mạnh, góp phần tích cực cho việc mở rộng thị trường, tăng trưởng doanh số. Gia tăng các hoạt động trải nghiệm nhân hàng, sản phẩm mới, tương tác trực tiếp với các nhóm khách hàng mục tiêu. Cụ thể:

- 01** Triển khai rộng rãi mô hình trưng bày mới trên kênh hiện đại và kênh truyền thống nhằm gia tăng hiệu quả bán hàng, nâng cao hình ảnh nhân hàng, sản phẩm.
- 02** Gia tăng việc giới thiệu và trải nghiệm sản phẩm cho người tiêu dùng thông qua các hoạt động: hoạt náo, hội chợ, triển lãm; các chương trình phối hợp với khối học đường, văn phòng và các chương trình cho người tiêu dùng đại trà.
- 03** Triển khai Chiến dịch mùa tựu trường, đặc biệt chú trọng hoạt động hỗ trợ bán hàng và chương trình tương tác với người tiêu dùng cuối cùng.
- 04** Đẩy mạnh hoạt động quảng bá các sản phẩm mới, các sản phẩm chiến lược trên các kênh truyền thông, kênh bán hàng nhằm giới thiệu rộng rãi sản phẩm đến người tiêu dùng và kích thích việc tăng trưởng doanh số.
- 05** Đẩy mạnh việc trang bị vật phẩm, ấn phẩm, các công cụ hỗ trợ bán hàng cho các điểm bán trên kênh phân phối.



**240**

**CHUỖI CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ BÁN HÀNG “HÀNH TRÌNH TRI THỨC” TẠI 27 TỈNH, THÀNH**





MARKETING VÀ QUẢNG BÁ (tiếp theo)

**63**  
TỈNH THÀNH

CHƯƠNG TRÌNH “NGÀY HỘI SẮC MÀU” CỦA NHÃN HÀNG COLOKIT ĐƯỢC TỔ CHỨC TRÊN TOÀN QUỐC, CÓ HƠN 1 TRIỆU TÁC PHẨM ĐƯỢC GỬI VỀ



**24**  
QUẬN, HUYỆN

CHƯƠNG TRÌNH “YÊU CHỮ VIỆT” LẦN THỨ NHẤT TỔ CHỨC TẠI 24 QUẬN, HUYỆN TP. HCM



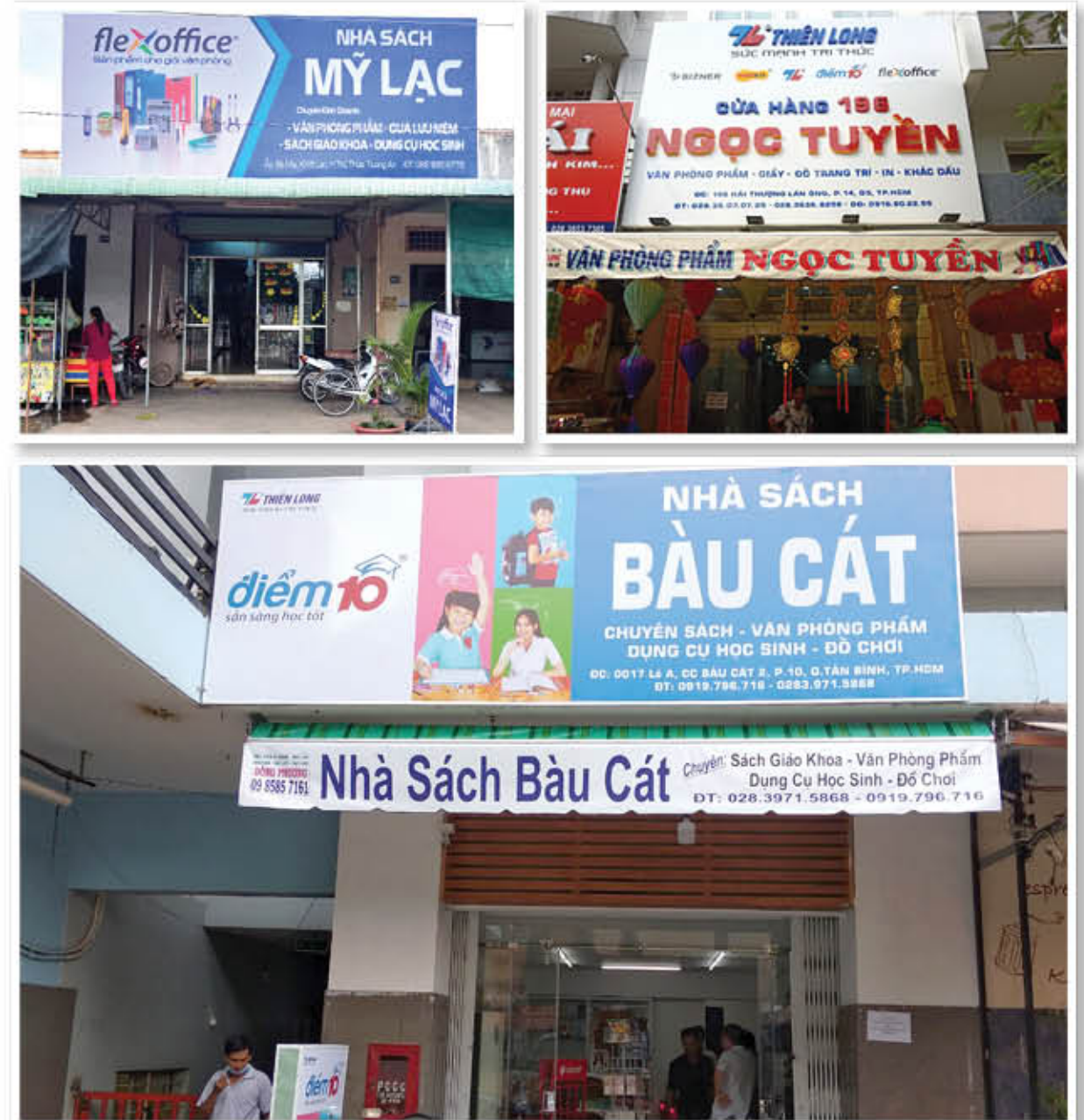


MARKETING VÀ QUẢNG BÁ (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG QUẢNG BÁ SẢN PHẨM TRONG MÙA TỰU TRƯỜNG  
2017-2018 VỚI NHIỀU ĐỐI MÔI



TRIỂN KHAI HỆ THỐNG BẢNG HIỆU Ở CÁC ĐIỂM BÁN TOÀN QUỐC,  
XÂY DỰNG BILLBOARD Ở CÁC THÀNH PHỐ LỚN

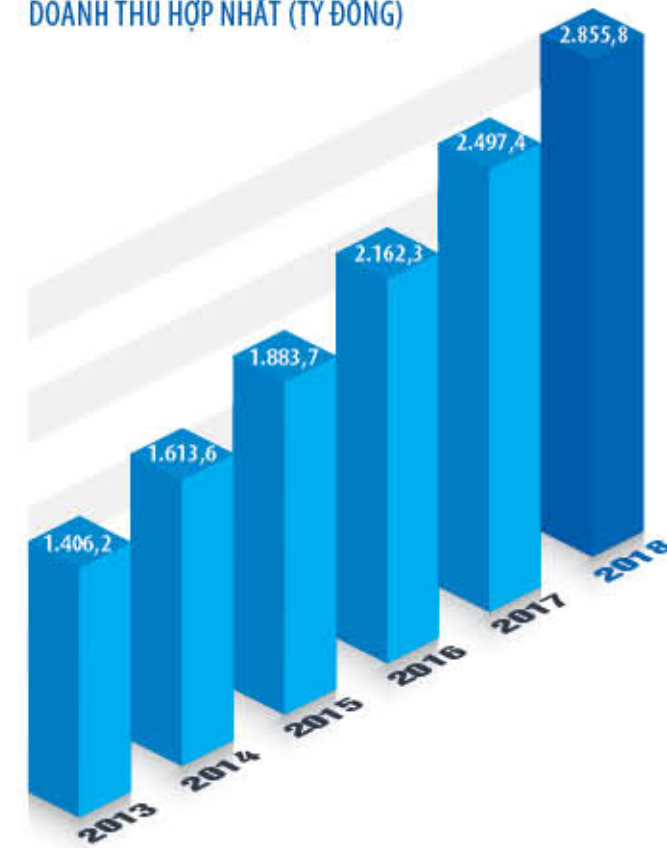




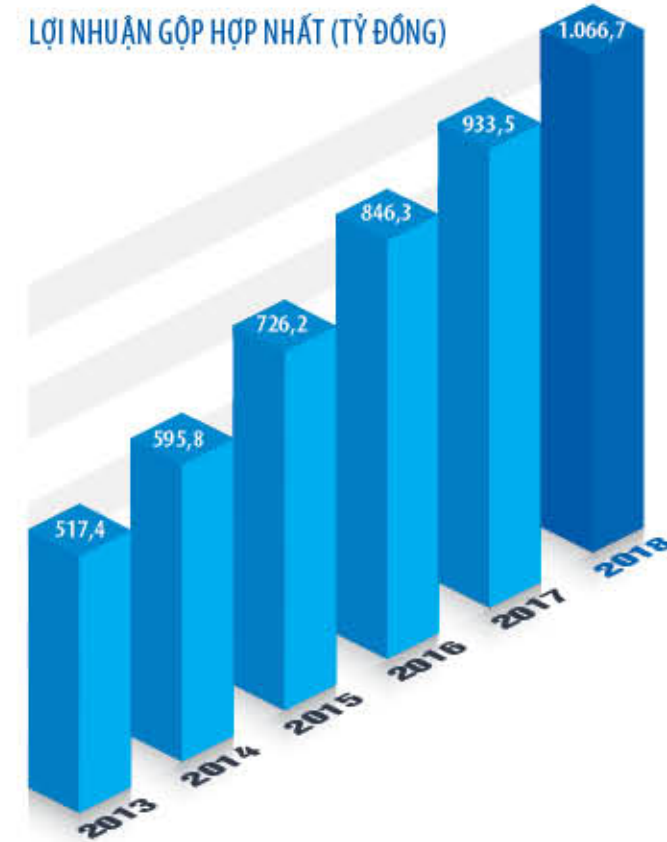
(Tỷ đồng)

|   | Năm 2013       | Năm 2014       | Năm 2015       | Năm 2016       | Năm 2017       | Năm 2018       | % thay đổi so với năm 2017 |
|---|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------------------|
| <b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>               |                |                |                |                |                |                |                            |
| Doanh thu                               | 1.406,2        | 1.613,6        | 1.883,7        | 2.162,3        | 2.497,4        | 2.855,8        | 14,3%                      |
| Lợi nhuận gộp                           | 517,4          | 595,8          | 726,2          | 846,3          | 933,5          | 1.066,7        | 14,3%                      |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 163,3          | 185,1          | 250,6          | 301,7          | 320,3          | 357,9          | 11,7%                      |
| Lợi nhuận khác                          | 2,2            | 6,4            | -1,4           | 4,6            | 14,3           | 10,4           | -27,5%                     |
| Lợi nhuận trước thuế                    | 165,5          | 191,5          | 249,2          | 306,4          | 334,6          | 368,3          | 10,1%                      |
| Lợi nhuận sau thuế                      | 116,6          | 147,4          | 187,9          | 240,1          | 268,1          | 294,4          | 9,8%                       |
| <b>CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>                  |                |                |                |                |                |                |                            |
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                 |                |                |                |                |                |                |                            |
| Tiền và các khoản tương đương tiền      | 176,4          | 317,2          | 426,4          | 424,4          | 353,9          | 145,9          | -58,8%                     |
| Phải thu ngắn hạn                       | 89,8           | 86,0           | 99,9           | 122,5          | 204,9          | 337,9          | 64,9%                      |
| Hàng tồn kho                            | 455,7          | 424,8          | 420,3          | 460,7          | 517,2          | 684,5          | 32,4%                      |
| Tài sản ngắn hạn khác                   | 12,4           | 10,5           | 11,7           | 17,5           | 16,0           | 8,4            | -47,7%                     |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                  |                |                |                |                |                |                |                            |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                     |                |                |                |                |                |                |                            |
|   | <b>1.009,2</b> | <b>1.108,2</b> | <b>1.293,0</b> | <b>1.384,3</b> | <b>1.568,5</b> | <b>1.794,7</b> | <b>14,4%</b>               |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                      |                |                |                |                |                |                |                            |
| Nợ ngắn hạn                             | 349,2          | 339,6          | 404,6          | 413,1          | 474,6          | 495,9          | 4,5%                       |
| Nợ dài hạn                              | 30,4           | 36,4           | 66,7           | 47,0           | 34,0           | 30,1           | -11,5%                     |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                   |                |                |                |                |                |                |                            |
|   | <b>629,6</b>   | <b>732,2</b>   | <b>821,6</b>   | <b>924,2</b>   | <b>1.060,0</b> | <b>1.268,7</b> | <b>19,7%</b>               |

DOANH THU HỢP NHẤT (TỶ ĐỒNG)

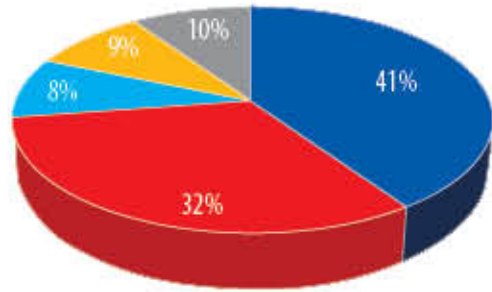


LỢI NHUẬN GỘP HỢP NHẤT (TỶ ĐỒNG)



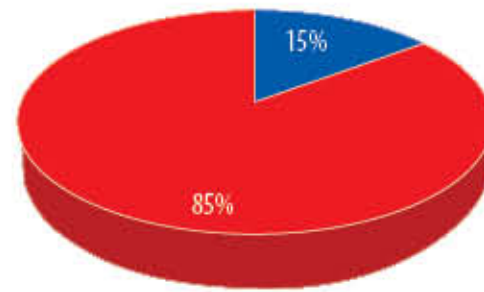


CƠ CẤU DOANH THU THEO NGÀNH HÀNG



| Cơ cấu doanh thu theo ngành (tỷ đồng) | Năm 2018 |
|---------------------------------------|----------|
| Ngành bút viết                        | 1.161    |
| Ngành dụng cụ văn phòng               | 909      |
| Ngành học cụ                          | 246      |
| Ngành mỹ thuật                        | 259      |
| Phân phối                             | 281      |

CƠ CẤU DOANH THU THEO THỊ TRƯỜNG



| Cơ cấu doanh thu theo thị trường (tỷ đồng) | Năm 2018 |
|--|----------|
| Xuất khẩu                                  | 420      |
| Nội địa                                    | 2.436    |

TỔNG TÀI SẢN NĂM 2018  
**1.794**  
TỶ VND



TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Năm 2018, Tổng tài sản của Thiên Long tăng 14,4% so với năm 2017, đạt 1.794 tỷ đồng. Đây là mức tăng cao nhất trong 3 năm trở lại. Trong đó, Tài sản dài hạn tăng mạnh 29,7% so với năm trước trong khi Tài sản ngắn hạn tăng 7,8%. Cơ cấu tài sản tiếp tục xu hướng của năm trước khi tỷ lệ tài sản dài hạn trong tổng tài sản tăng, chiếm 34,4% (tăng từ 30,4% của năm 2017).

**Tài sản dài hạn** tăng vì trong ba năm gần đây, Công ty tập trung đầu tư cho các loại máy móc hiện đại, loại bỏ các đời máy năng suất thấp. Năm 2018, một số dự án đầu tư tài sản cố định lớn bao gồm hệ thống pin năng lượng mặt trời, hệ thống máy làm đầu bút của Thụy Sĩ, các dây chuyền lắp ráp tự động, máy CNC...

**Tài sản ngắn hạn:** Tiến và tương đương tiến, Hàng tồn kho và Phải thu khách hàng thay đổi lần lượt: giảm 208 tỷ đồng, tăng 167,3 tỷ đồng và tăng 139,7 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả chỉ tăng 3,4% so với năm 2017, trong đó Nợ ngắn hạn tăng 4,5% trong khi Nợ dài hạn tiếp tục xu hướng giảm với khoản nợ dài hạn cuối năm 2018 bằng 88,5% mức nợ dài hạn của cùng kỳ năm trước.



| Chỉ tiêu   | ĐVT  | 2013  | 2014  | 2015  | 2016  | 2017  | 2018  |
|--|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| <b>CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN</b>             |      |       |       |       |       |       |       |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành)              | lần  | 2,1   | 2,5   | 2,4   | 2,5   | 2,3   | 2,4   |
| Hệ số thanh toán nhanh                             | lần  | 0,8   | 1,2   | 1,3   | 1,4   | 1,2   | 1,0   |
| Hệ số thanh toán tiền mặt                          | lần  | 0,5   | 0,9   | 1,1   | 1,0   | 0,7   | 0,3   |
| <b>CHỈ TIÊU VỀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>              |      |       |       |       |       |       |       |
| Kỳ lưu kho bình quân                               | ngày | 180,5 | 157,9 | 133,2 | 122,2 | 114,1 | 122,6 |
| Vòng quay tổng tài sản                             | lần  | 1,4   | 1,5   | 1,6   | 1,6   | 1,7   | 1,7   |
| Doanh thu thuần / Tổng tài sản                     | lần  | 1,4   | 1,5   | 1,5   | 1,6   | 1,6   | 1,6   |
| <b>CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI</b>               |      |       |       |       |       |       |       |
| Lợi nhuận gộp/ Doanh thu thuần                     | %    | 36,8% | 36,9% | 38,6% | 39,1% | 37,4% | 37,4% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | %    | 11,6% | 11,5% | 13,3% | 14,0% | 12,8% | 12,5% |
| Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần                | %    | 8,3%  | 9,1%  | 10,0% | 11,1% | 10,7% | 10,3% |
| Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROEA)          | %    | 19,7% | 21,6% | 24,2% | 27,5% | 27,0% | 25,3% |
| Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROAA)            | %    | 11,8% | 13,9% | 15,6% | 17,9% | 18,2% | 17,5% |
| <b>CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN</b>                      |      |       |       |       |       |       |       |
| Hệ số nợ/ Tổng tài sản                             | %    | 37,6% | 33,9% | 36,5% | 33,2% | 32,4% | 29,3% |
| Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu                           | %    | 60,3% | 51,4% | 57,4% | 49,8% | 48,0% | 41,5% |



# PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Hệ thống phân phối và điểm bán của Thiên Long đã phủ khắp 63/63 tỉnh thành trong cả nước và 61 quốc gia trên thế giới. Tại thị trường nội địa, Thiên Long có hơn 110 nhà phân phối và hơn 65.000 điểm bán trên toàn quốc. Ngoài ra, Thiên Long cũng đã thiết lập và quản lý rất tốt kênh phân phối thương mại điện tử [www.flexoffice.com](http://www.flexoffice.com).





**Đối xử nhân văn, xem con người là yếu tố then chốt, đồng sức đồng lòng xây dựng cộng đồng phát triển vững mạnh, đóng góp vào sự tiến bộ của xã hội với tinh thần nhân ái, nhân văn.**



Là Tập đoàn chuyên sản xuất và kinh doanh các nhóm sản phẩm bút viết, dụng cụ văn phòng, dụng cụ học sinh và dụng cụ mỹ thuật, Thiên Long luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước thông qua mạng lưới phân phối tại hơn 65.000 điểm bán nội địa và 61 quốc gia trên Thế giới. Năm 2018, Tập đoàn đã tạo ra một giá trị kinh tế khá lớn, đạt tổng doanh thu 2.855,8 tỷ đồng. Trong đó, lợi nhuận sau thuế đạt 294,4 tỷ đồng, đóng góp cho ngân sách Nhà nước 229 tỷ đồng.

Bên cạnh hiệu quả kinh tế trực tiếp tạo ra và phân bổ cao, hợp lý, góp một phần lớn cho tiến trình phát triển nền kinh tế - xã hội Việt Nam, Tập đoàn còn là doanh nghiệp được đánh giá cao về công tác phát triển bền vững trong lĩnh vực kinh tế, môi trường và xã hội. Theo đó, Thiên Long chủ trương:

Tiên phong trong công nghệ và sáng tạo, không ngừng nghiên cứu, phát triển để tạo ra các sản phẩm tiên tiến, chất lượng cao, thân thiện với môi trường và giá cả cạnh tranh. Qua đó góp phần tiết kiệm vật liệu, năng lượng, gia tăng năng suất và hiệu quả kinh tế.

Đối xử nhân văn, xem con người là yếu tố then chốt, đồng sức đồng lòng xây dựng cộng đồng phát triển vững mạnh, đóng góp vào sự tiến bộ của xã hội với tinh thần nhân ái, nhân văn.

Đối xử công bằng và hành xử trung thực, minh bạch trong mọi hoạt động và giao dịch, đưa đến lợi ích hài hòa cho các bên liên quan.

Tuân thủ quy định và hợp tác với các bên nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường xanh sạch cho các thế hệ mai sau.



## TỔNG QUAN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### NỘI DUNG BÁO CÁO

Báo cáo phát triển bền vững 2018 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long sử dụng phương pháp tiếp cận xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn, kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

### PHẠM VI BÁO CÁO, RANH GIỚI BÁO CÁO

Báo cáo được lập tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm của CTCP Tập đoàn Thiên Long và các công ty thành viên.

### CHU KỲ BÁO CÁO

Tất cả thông tin, dữ liệu trong báo cáo này được lập cho năm tài chính 2018 của CTCP Tập đoàn Thiên Long từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2018.

Các số liệu tài chính trong báo cáo được dẫn chiếu từ BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2018. Và được thực hiện bởi Ban Biên tập Báo cáo thường niên thuộc bộ phận Quan hệ Cổ đông - CTCP Tập đoàn Thiên Long.

### THÔNG TIN LIÊN HỆ

#### Ban Biên tập Báo cáo thường niên - CTCP Tập đoàn Thiên Long

Email : qhcd@thienlongvn.com

Điện thoại : (84.28) 3750.5555 (Số máy lẻ: 151)

Địa chỉ : Lô 6-8-10-12, Đường số 3, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. HCM

## CÁC CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2018

| Hạng mục                            | Nội dung                             | Số liệu                        |
|-------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|
| Tăng trưởng kinh tế bền vững        | Doanh thu thuần                      | 2855,8 tỷ đồng                 |
|                                     | Lợi nhuận sau thuế                   | 294,4 tỷ đồng                  |
|                                     | Nộp Ngân sách nhà nước               | 228,7 tỷ đồng                  |
|                                     | <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>    | <i>70,1 tỷ đồng</i>            |
|                                     | <i>Thuế thu nhập cá nhân</i>         | <i>25,1 tỷ đồng</i>            |
|                                     | <i>Thuế giá trị gia tăng</i>         | <i>116,0 tỷ đồng</i>           |
|                                     | <i>Thuế nhập khẩu</i>                | <i>17,4 tỷ đồng</i>            |
| An toàn lao động, bảo vệ môi trường | Cổ tức năm 2017                      | 101,1 tỷ đồng                  |
|                                     | Tập huấn Phòng cháy, chữa cháy       | 3.502 người tham gia           |
|                                     | An toàn vệ sinh lao động, sơ cấp cứu | Diễn tập định kỳ 6 tháng/1 lần |
| Phát triển nguồn nhân lực           | Tổng chi phí xử lý môi trường        | Gần 1,6 tỷ đồng                |
|                                     | Số lượng khóa đào tạo đã triển khai  | 140 khóa đào tạo               |
| Chung tay vì cộng đồng              | Đóng góp cộng đồng                   | Trên 10 tỷ đồng                |
|                                     | Tạo việc làm                         | 3.502 lao động                 |





## HỆ THỐNG QUẢN TRỊ TÍCH HỢP ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thiên Long đang vận hành hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp theo các tiêu chuẩn Quốc tế, bao gồm:

- Hệ thống quản lý chất lượng - ISO 9001:2015
- Hệ thống quản lý môi trường - ISO 14001:2015
- Hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội - SA 8000:2014
- Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp - OHSAS 18001:2007
- Hệ thống quản lý phòng thí nghiệm - ISO/IEC 17025: 2017
- Chứng nhận ICTI về tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội trong ngành đồ chơi trẻ em.

Cụ thể, hệ thống quản lý được thể hiện rõ qua bảng nội dung sau:



Sử dụng hiệu quả việc tích hợp các hệ thống trên giúp Ban Lãnh đạo Thiên Long thể hiện được cam kết mạnh mẽ về việc luôn duy trì, bảo đảm hiệu quả quản lý và chất lượng trên từng sản phẩm khi đưa đến tay người tiêu dùng, đặc biệt là quan tâm đến sức khỏe, an toàn cho người tiêu dùng và người lao động.





**CHÍNH SÁCH CHI TRẢ CỔ TỨC**

Thiên Long thực hiện chính sách chi trả cổ tức thường niên ổn định qua các thời kỳ. (Nội dung chi tiết vui lòng xem mục Quan hệ Nhà đầu tư và Nghĩa vụ với cổ đông trang 44 và Thuyết minh báo cáo tài chính số 23 trang 121).

**TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG**

Với doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng ấn tượng qua các năm, kết quả sản xuất kinh doanh 2018 tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu của Thiên Long tại thị trường văn phòng phẩm Việt Nam. (Nội dung chi tiết vui lòng xem mục Tình hình tài chính tại Báo cáo thường niên trang 70)

**AN TOÀN VÀ TRÁCH NHIỆM SẢN PHẨM**

Thiên Long có quy trình kiểm soát nghiêm ngặt ở tất cả các công đoạn, từ khâu lựa chọn nhà cung ứng, kiểm tra nguyên liệu đầu vào đến chất lượng trên từng công đoạn sản xuất và kiểm soát chất lượng thành phẩm để đảm bảo chất lượng và tính an toàn của sản phẩm trước khi ra thị trường.

Để kiểm tra và thử nghiệm sản phẩm, Thiên Long có Phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017, được trang bị các thiết bị chuyên dùng như máy thử bút nhân hiệu Hutt của Đức, máy đo quang phổ hấp thụ, máy đo độ dẫn điện, máy lão hóa, độ nhớt,

độ pH, độ ẩm,... Do đó tất cả các kết quả kiểm tra và thử nghiệm có độ chính xác và tin cậy cao.

Các sản phẩm của Thiên Long đã đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn tiên tiến trên thế giới, như:

- ♦ Tiêu chuẩn Mỹ: ASTM D-4236, ASTM F-963, CPSIA, TPCH, AP Seal.
- ♦ Tiêu chuẩn châu Âu: REACH, CE Marking (EN71/1,2,3).
- ♦ Tiêu chuẩn an toàn của Việt Nam như QCVN03-2009/BKHCN.



Tất cả sản phẩm đều được sản xuất theo tiêu chuẩn cơ sở của Thiên Long và đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn trên thế giới.



**CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU SẢN PHẨM**

Bên cạnh việc thiết kế sản phẩm mang lại sự thoải mái cho người sử dụng, Thiên Long luôn chú ý tới các tác động của sản phẩm với môi trường. Thông qua các nghiên cứu, phát triển và cải tiến sản phẩm không ngừng, Thiên Long đã và đang:

- ♦ **Gia tăng thời gian sử dụng của sản phẩm đồng thời giảm thiểu nguyên vật liệu cần để sản xuất mỗi đơn vị sản phẩm.**

Các dòng sản phẩm của Thiên Long liên tục được Công ty nghiên cứu để cải tiến, nâng cao chất lượng, kéo dài thời gian sử dụng sản phẩm, gia tăng sự thoải mái cho người dùng, phù hợp với sự thay đổi của thị hiếu nhưng vẫn đảm bảo giảm thiểu nguồn nguyên vật liệu tiêu hao.

- ♦ **Phát triển các sản phẩm thay thế** như ruột bút bi, ruột bút gel bi, ruột bút gel, mực cho tất cả các loại bút lông bằng, bút lông dầu, bìa lá để bổ sung cho bìa công và sắp tới là sản phẩm ống mực thay thế cho bút lông bằng, bút lông bi... Nhờ vậy, người tiêu dùng tiết kiệm chi phí nhờ tái sử dụng sản phẩm.

- ♦ **Giảm thiểu việc sử dụng nguồn nguyên vật liệu nhựa bằng cách chú trọng tiêu hao ít nguyên vật liệu sản xuất hơn, tái sử dụng nhựa phế liệu** góp phần bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, Công ty còn đầu tư vào việc chế tạo khuôn Hot runner nhằm giảm lượng nhựa phế liệu trong sản xuất.

- ♦ **Sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường, an toàn với người tiêu dùng, đặc biệt là đối tượng trẻ em** như bột nặn làm từ bột mì và sử dụng màu sắc thực phẩm; các sản phẩm sử dụng cho trẻ em đều đạt tiêu chuẩn về an toàn hết sức khắt khe của Mỹ và châu Âu.

- ♦ **Tương tác chặt chẽ và liên tục giữa hệ thống phân phối với nghiên cứu, phát triển sản phẩm,** đội ngũ sản xuất và các đối tác cung ứng để kịp thời nhận được cập nhật về xu hướng thị trường, tình hình cạnh tranh, thị hiếu tiêu dùng, công nghệ sản xuất, nguyên vật liệu mới... Từ đó giúp Công ty bắt kịp xu hướng, tạo ra các sản phẩm mới có sức cạnh tranh cao và phù hợp với xu hướng tiêu dùng mới.





## CÁC VẤN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG

### NĂNG LƯỢNG

Năm 2018, các con số về năng lượng được tiêu thụ để phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh ở Tập đoàn Thiên Long như sau:

- **Điện** (KWh): 8.296.814
- **Nước** (m<sup>3</sup>): 50.234
- **Dầu DO** (lít): 1.090

Năm 2018, Tập đoàn đã tái sử dụng khoảng 638m<sup>3</sup>, chiếm 1,3% lượng nước sử dụng trong năm, góp một phần vào công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường.



### CÁC GIẢI PHÁP, SÁNG KIẾN NHẪM TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG, NGUYÊN LIỆU

- Đầu tư hệ thống pin năng lượng mặt trời giúp tiết kiệm chi phí điện (khoảng 5,4% lượng điện tiêu thụ từ lưới điện), và giảm khoảng 221 tấn CO<sub>2</sub> thải ra môi trường.
- Thay thế các máy móc cũ bằng những máy móc mới hiện đại.
- Lắp đặt hệ thống thông gió làm mát cho xưởng sản xuất thay cho hệ thống quạt công nghiệp để tiết kiệm điện và cải thiện môi trường làm việc. Hệ thống đèn chiếu sáng được thay thế bằng hệ thống đèn Led tiết kiệm điện, riêng tại các xưởng sản xuất đều lắp công tắc đèn, chỉ bật ở những chỗ có làm việc nhằm giảm lãng phí điện. Nhà xưởng có cấu trúc khoa học để tận dụng ánh sáng tự nhiên, hạn chế sử dụng điện vào ban ngày.
- Xây dựng trang thương mại điện tử E-office để ban hành, lưu trữ bản mềm tài liệu, hạn chế sử dụng giấy/mực in, sử dụng lại giấy một mặt,...
- Theo dõi/ khoán định mức sử dụng điện, nước trên đơn vị sản phẩm cho từng xưởng và dây chuyền sản xuất. Triển khai phong trào tiết kiệm điện, nước, đến toàn bộ CBCNV như: Tắt tất cả máy móc thiết bị, đèn khi không sử dụng, lắp đặt vòi nước rửa tay tự động, sử dụng nước tuần hoàn trong sản xuất,...
- Tái sử dụng nguyên vật liệu nhựa: Lượng nhựa phế liệu được tái sử dụng chiếm 21,4 % lượng nhựa sử dụng trong năm 2018 (Lượng nhựa phế liệu tái sử dụng 753.643 kg, lượng nhựa Zin sử dụng: 3.518.898 kg).

### TUÂN THỦ PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong suốt quá trình hoạt động, Tập đoàn cam kết tuân thủ tất cả các quy chế, quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ và phát triển môi trường bền vững. Năm 2018, tại Thiên Long đã không xảy ra trường hợp vi phạm pháp luật nào về môi trường, tổng số tiền bị phạt do vi phạm các vấn đề về môi trường là 0 đồng.

### CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KIỂM SOÁT NƯỚC THẢI, CHẤT THẢI

Trong suốt quá trình hoạt động, Thiên Long thực hiện tốt trách nhiệm với môi trường và tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường. Cụ thể:

- Công ty thường xuyên phân tích, điều tra các tác động đến môi trường của hoạt động sản xuất, tiếng ồn, độ rung, nước thải, khí thải,... và áp dụng các biện pháp kiểm soát cần thiết theo yêu cầu của pháp luật và tuân thủ theo hệ thống quản lý quốc tế về môi trường (ISO 14001:2015).
- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sản xuất, thực hiện phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn và phối hợp với các bên chuyên trách để thu gom và xử lý chất thải đúng quy định.
- Xây dựng phương án hành động, sẵn sàng ứng phó với các trường hợp khẩn cấp nếu có.



## CÁC VẤN ĐỀ VỀ XÃ HỘI

### ĐÓNG GÓP CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN



### CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÓNG GÓP CHO XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Lấy giá trị "tri thức" để phát triển bền vững, trong năm 2018, các hoạt động xã hội của Thiên Long tiếp tục ghi dấu ấn nổi bật, góp phần khẳng định tôn chỉ "Thiên Long – Sức mạnh Tri thức". Thông qua ba chương trình lớn là Tiếp sức mùa thi, Chia sẻ cùng thầy cô và Tri thức trẻ vì giáo dục, Thiên Long đã truyền đi giá trị tốt đẹp này đến các đối tượng trong ngành giáo dục như học sinh, sinh viên, giáo viên và trí thức trẻ.



### TIẾP SỨC MÙA THI 2018 – TẬP TRUNG HỖ TRỢ THÍ SINH KHÓ KHĂN

Bước sang năm thứ 17, "Tiếp sức mùa thi" tiếp tục là điểm tựa tinh thần không thể thiếu trong kỳ thi đại học quan trọng của thí sinh cả nước. Năm 2018, chương trình tiếp tục hỗ trợ công tác giữ gìn trật tự khu vực thi, tư vấn mùa thi, hướng dẫn thủ tục dự thi... Đáng chú ý,

chương trình đã hỗ trợ hơn 200 thí sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên toàn quốc. Với nhiều hoạt động thiết thực và ý nghĩa, "Tiếp sức mùa thi 2018" tiếp tục tạo dấu ấn tốt đẹp với xã hội và lan tỏa mạnh mẽ những giá trị nhân văn sâu sắc.







**Chia sẻ cùng  
thầy cô**

**CHIA SẺ CÙNG THẦY CÔ – DẤU ẤN THẦY CÔ DẠY TRẺ EM KHUYẾT TẬT**

Trong năm thứ 4 tổ chức, "Chia sẻ cùng thầy cô" đã truyền đi những câu chuyện cảm động về những khó khăn của những giáo viên đang dạy học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, khuyết tật. Hình ảnh khi người giáo viên bỗng nhiên trở thành một người mẹ tận tụy của các em ở lớp đã tạo nên một biểu tượng chưa bao giờ đẹp hơn, xứng đáng được cả Bộ Giáo dục – Đào tạo và lãnh đạo Nhà nước vinh danh. "Chia sẻ cùng thầy cô 2018" thực sự đã thổi bùng truyền thống tôn sùng đạo tốt đẹp của người Việt.




**TRÍ THỨC TRẺ  
VÌ GIÁO DỤC**

**TRÍ THỨC TRẺ VÌ GIÁO DỤC – TÌM RA NHIỀU Ý TƯỞNG HAY CHO NGÀNH GIÁO DỤC**

Năm 2018 là năm thứ ba Tập đoàn Thiên Long đồng tổ chức chương trình "Tri thức trẻ vì giáo dục". Chương trình là cơ hội để các trí thức trẻ dưới 35 tuổi đóng góp các công trình, sáng kiến hay cho ngành giáo dục.

Năm nay, từ 401 công trình, sáng kiến gửi về, "Tri thức trẻ vì giáo dục 2018" đã chọn ra được 4 công trình tiêu biểu đóng góp cho ngành giáo dục với giải thưởng lên đến gần 600 triệu đồng. Các ban giám khảo uy tín của chương trình cho rằng các công trình năm nay có chất lượng vượt trội hơn hẳn sau 2 năm đầu tổ chức. Điều này cho thấy chương trình đã định hướng đúng khi tạo ra sân chơi nhằm khơi gợi và phát huy khả năng cống hiến "trí lực" của các trí thức trẻ Việt trong và ngoài nước với mong muốn phát triển nền giáo dục nước nhà.





**KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ**

Tập đoàn Thiên Long cam kết và đảm bảo không để xảy ra sự phân biệt đối xử vì bất cứ lí do gì liên quan đến vấn đề màu da, sắc tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, xuất thân gia đình... theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam. Năm 2018, ở Thiên Long không xảy ra vụ phân biệt đối xử nào.

**LAO ĐỘNG TRẺ EM VÀ LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC**

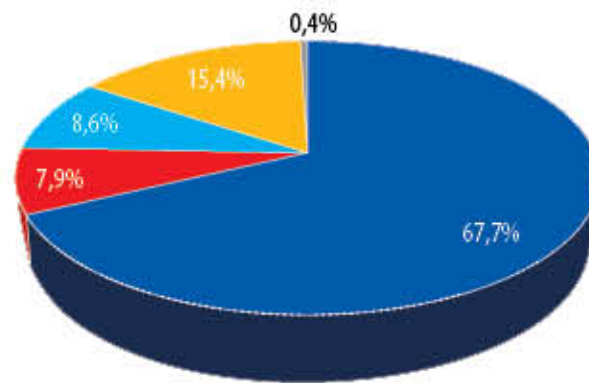
Thiên Long nói không với lao động trẻ em và lao động cưỡng bức. Năm 2018, ở Thiên Long không xảy ra bất cứ vụ cưỡng bức lao động nào cũng như không sử dụng lao động là trẻ em.

**TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG**

**TỔNG SỐ LAO ĐỘNG NĂM 2018 Ở THIÊN LONG**

Tính đến hết ngày 31/12/2018, tổng số nhân sự của toàn Tập đoàn là 3.502 người, với trình độ lao động và mức độ gắn bó ngày càng tăng cao.

| Trình độ lao động | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%)   |
|-------------------|------------------|-------------|
| Phổ thông         | 2.368            | 67,7%       |
| Trung cấp         | 276              | 7,9%        |
| Cao đẳng          | 304              | 8,6%        |
| Đại học           | 539              | 15,4%       |
| Cao học           | 15               | 0,4%        |
| <b>Tổng</b>       | <b>3.502</b>     | <b>100%</b> |



**CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỜNG, PHÚC LỢI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Về chính sách tiền lương: hệ thống tiền lương được xây dựng căn cứ vào giá trị đóng góp của vị trí công việc, yêu cầu về trình độ, kỹ năng để đảm nhiệm công việc đó, đảm bảo mức thu nhập tương xứng với năng lực, kết quả công việc và có khả năng cạnh tranh với thị trường bên ngoài. Bên cạnh tiền lương hàng tháng, một số vị trí công việc như: Công nhân trực tiếp sản xuất, Sales,... còn được hưởng lương hiệu quả căn cứ vào kết quả thực hiện công việc hàng tháng/quý.

Chính sách khen thưởng: ngoài việc CBCNV được hưởng lương tháng 13&14 theo số tháng làm việc vào dịp cuối năm, tiền thưởng vào các dịp Lễ, Tết, Công ty còn áp dụng chính sách khen thưởng vào dịp Tết Nguyên đán, thưởng đạt/vượt kế hoạch lợi nhuận và khi có sáng kiến cải tiến trong công việc.

Bên cạnh các chính sách lương, thưởng, Công ty còn quan tâm đến việc chăm lo sức khỏe và đời sống tinh thần của CBCNV với các chế độ phúc lợi như: tổ chức đi du lịch hàng năm, cung cấp suất ăn giữa ca, cung cấp đồng phục và các phương tiện bảo hộ lao động, tổ chức các hội thi văn nghệ, thể thao, tặng quà nhân dịp

Tết Trung thu, Tết Nguyên đán, ngày Quốc tế Phụ nữ... nhằm nâng cao cả đời sống vật chất lẫn tinh thần cho CBCNV, tạo động lực và tăng cường sự giao lưu đoàn kết nội bộ.

Công tác đánh giá năng lực làm việc, kết quả làm việc của từng CBCNV cũng được Công ty chú trọng. Định kỳ hàng năm, Công ty đều tiến hành đánh giá kết quả hoàn thành công việc của mỗi cá nhân để từ đó có cơ sở cho việc xét tăng lương, chuyển/bổ nhiệm cho phù hợp với năng lực đồng thời có kế hoạch đào tạo, phát triển phù hợp.

Thành phần của bộ máy quản lý và phân loại nhân viên theo giới tính: số lao động nữ giữ các vị trí Quản lý trở lên ở Thiên Long là 30 người chiếm tỷ trọng gần 20% trên tổng số các vị trí quản lý.

Tỷ lệ mức lương cơ bản của nam giới so với nữ giới theo phân loại nhân viên: ở Thiên Long, không có sự phân biệt về mức lương, thưởng giữa lao động nữ/nam. Thu nhập của CBCNV phụ thuộc vào sự đóng góp của cá nhân/tập thể vào mục tiêu chung của công ty.





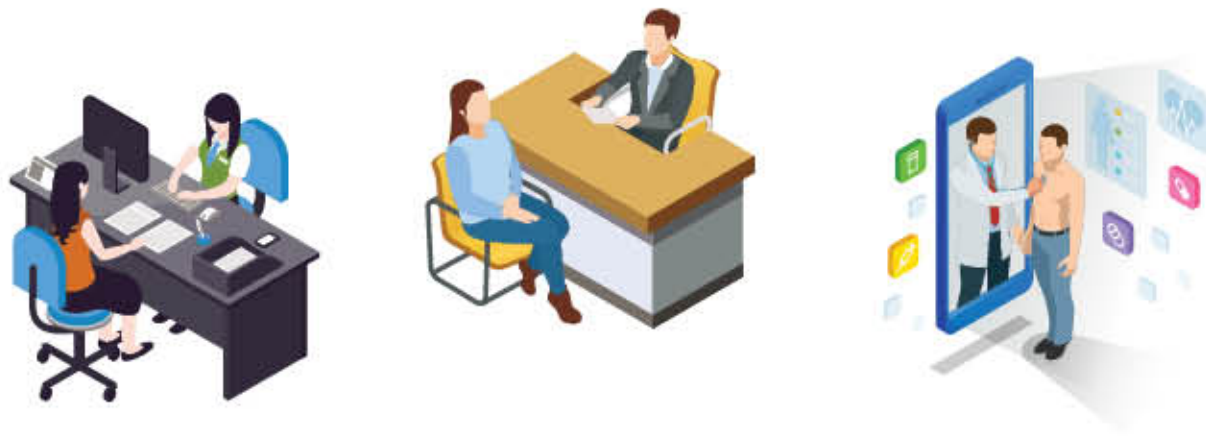
**AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP**

Với tầm quan trọng của nguồn nhân lực, Thiên Long luôn mong muốn xây dựng một đội ngũ nhân sự với những ưu thế đặc biệt, giữ vai trò quyết định để thực hiện thành công những mục tiêu, kế hoạch đã đề ra. Để có được nguồn nhân lực như mong muốn, Thiên Long luôn chú trọng đến việc xây dựng các chính sách nhân sự vừa đảm bảo được các yêu cầu pháp luật, đảm bảo sự minh bạch nhưng vẫn tạo được động lực cho CBCNV.

Công tác đảm bảo an toàn sức khỏe nghề nghiệp, an toàn lao động cũng được Công ty chú trọng, hiện nay, Công ty đang vận hành và kiểm soát công tác an toàn thông qua tiêu chuẩn OHSAS 18001-2007. Các quy tắc an toàn sức khỏe nghề nghiệp chung và đặc thù đối với từng công việc, từng khu vực được xác định chi tiết trong các bảng nhận diện mối nguy, các hướng dẫn

công việc, quy trình vận hành máy móc thiết bị, nội quy lao động... CBCNV được phổ biến và đào tạo các quy tắc an toàn ngay ngày đầu tiên nhận việc và định kỳ hàng năm theo từng đối tượng phù hợp với quy định của nhà nước, được trang bị bảo hộ lao động, trang bị nút chống ồn cho công nhân làm việc tại những vị trí có phát sinh tiếng ồn cao, khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp. Công ty cũng thành lập các đội, nhóm: Hội đồng An toàn vệ sinh lao động, Đội An toàn vệ sinh viên, Đội Sơ cấp cứu, Đội Phòng cháy, chữa cháy... Các đội/nhóm này được đào tạo nghiệp vụ, được diễn tập định kỳ 6 tháng/năm để có thể ứng phó với những sự cố có thể xảy ra.

Trong năm 2018, Tập đoàn có thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm và không phát hiện trường hợp bệnh nghề nghiệp nào gây suy giảm khả năng lao động.



**THAM GIA CÁC TỔ CHỨC TẬP THỂ**

Ở Thiên Long, CBCNV được tự do tham gia các tổ chức Hội, Đoàn như Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Đảng Cộng sản. Hiện nay, có khoảng hơn 90% CBCNV là Đoàn viên Công đoàn. Công ty cũng có tổ chức Đoàn thanh niên và chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam.

**CÔNG TÁC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO**

Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực là một trong những vấn đề được Công ty đặc biệt chú trọng. Hàng năm, Công ty dành một khoản ngân sách khá lớn để thực hiện nhiều khóa đào tạo phù hợp với nhiều đối tượng khác nhau, qua đó, Công ty xây dựng được đội ngũ kế thừa để kịp thời đáp ứng nhu cầu nhân sự cho sự phát triển của Công ty. Cụ thể, trong năm 2018, Công ty đã

tổ chức tổng cộng 140 khóa đào tạo (nội bộ và thuê ngoài) với chi phí hơn 1 tỷ đồng. Nội dung đào tạo bao gồm:

- Đào tạo nâng cao năng lực cho cấp quản lý;
- Đào tạo nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm cho nhân viên;
- Đào tạo nâng cao kỹ năng bán hàng;
- Đào tạo cập nhật các kiến thức, quy định mới của pháp luật: pháp luật lao động, thuế, kế toán, xuất/nhập khẩu...
- Đào tạo về An toàn vệ sinh lao động;
- Đào tạo Văn hóa ứng xử trong Công ty;
- Đào tạo thông qua việc kèm cặp, hỗ trợ trong công việc...



**TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ KINH TẾ VÀ XÃ HỘI**

Tập đoàn Thiên Long cam kết và thực thi một cách nghiêm túc các quy định, quy chế của pháp luật trong mọi hoạt động của Tập đoàn, từ lĩnh vực kinh tế, xã hội... Năm 2018, Tập đoàn không xảy ra vụ việc vi phạm đáng kể nào về tuân thủ pháp luật kinh tế và xã hội.



**NHỮNG CẢI TIẾN TRONG CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ NHÂN SỰ**

(Nội dung chi tiết vui lòng xem mục Cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực tại Báo cáo thường niên trang 58)



# CHINH PHỤC THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Hiện nay, các sản phẩm của Thiên Long đã có mặt trên 06 châu lục, được xuất khẩu đến 61 quốc gia, vùng lãnh thổ và phủ hết 11/11 nước Đông Nam Á. Với kế hoạch doanh thu xuất khẩu tăng bình quân trên 20%/ năm trong giai đoạn 2018-2020, Thiên Long đang tiến từng bước vững chắc đến mục tiêu số 1 Đông Nam Á và hàng đầu Châu Á.



**6 CHÂU LỤC**  
**61 QUỐC GIA & VÙNG LÃNH THỔ**  
**11/11 NƯỚC ĐÔNG NAM Á**



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## NỘI DUNG

|   | TRANG     |
|---|-----------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc                 | 97 - 98   |
| Báo cáo kiểm toán độc lập                     | 99        |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất                 | 100 - 101 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 102       |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất           | 103       |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất        | 104 - 127 |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long (gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty và Cán bộ quản lý khác đã điều hành Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

|                     |              |
|---------------------|--------------|
| Ông Cô Gia Thọ      | Chủ tịch     |
| Ông Trần Kim Thành  | Phó Chủ tịch |
| Ông Trần Lệ Nguyên  | Thành viên   |
| Ông Huỳnh Văn Thiện | Thành viên   |
| Bà Trần Thái Như    | Thành viên   |
| Bà Cô Ngân Bình     | Thành viên   |
| Bà Cô Cẩm Nguyệt    | Thành viên   |
| Ông Trần Văn Hùng   | Thành viên   |

#### BAN KIỂM SOÁT

|                        |            |
|------------------------|------------|
| Bà Nguyễn Thị Bích Nga | Trưởng ban |
| Ông Đinh Đức Hậu       | Thành viên |
| Bà Tạ Hồng Diệp        | Thành viên |

#### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

|                        |                   |
|------------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Đình Tâm    | Tổng Giám đốc     |
| Ông Bùi Văn Hướng      | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Phan Nhật Phương   | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Thượng Việt | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Trung Hiệp    | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Trần Phương Nga     | Phó Tổng Giám đốc |

#### CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

|                      |  |
|----------------------|--|
| Ông Nguyễn Ngọc Nhơn | Kế toán trưởng                             |
| Ông Đinh Quang Hùng  | Giám đốc Sản xuất                          |
| Ông Phạm Hữu Chí     | Giám đốc Nghiên cứu và Phát triển sản phẩm |
| Ông Nguyễn Đức Hạnh  | Giám đốc Công nghệ Thông tin               |
| Ông Diệp Bảo Tịnh    | Giám đốc Công nghệ                         |
| Ông Trịnh Văn Hào    | Giám đốc Tiếp thị                          |

#### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo hợp nhất này là Ông Cô Gia Thọ. Ông Nguyễn Đình Tâm được Ông Cô Gia Thọ ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.



**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- » Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- » Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- » Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Đình Tâm**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Số: 758/VN1A-HC-BC

**KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long (gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019, từ trang 100 đến trang 127, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Minh Thao**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1902-2018-001-1  
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM  
Ngày 29 tháng 3 năm 2019  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Vòng Mỹ Thanh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3460-2015-001-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN                                      | MÃ SỐ      | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI NĂM              | SỐ ĐẦU NĂM               |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |             | <b>1.176.632.415.566</b> | <b>1.091.968.239.964</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>4</b>    | <b>145.861.230.396</b>   | <b>353.869.383.127</b>   |
| 1. Tiền                                      | 111        |             | 104.861.230.396          | 82.869.383.127           |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |             | 41.000.000.000           | 271.000.000.000          |
| <b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>       | <b>130</b> |             | <b>337.890.452.158</b>   | <b>204.875.546.879</b>   |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 5           | 316.196.499.020          | 176.481.251.100          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        | 6           | 18.288.552.319           | 22.626.965.303           |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 7           | 4.271.091.002            | 6.594.563.494            |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        |             | (865.690.183)            | (827.233.018)            |
| <b>III. Hàng tồn kho</b>                     | <b>140</b> | <b>8</b>    | <b>684.484.261.574</b>   | <b>517.175.529.421</b>   |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |             | 703.440.229.651          | 534.007.886.465          |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            | 149        |             | (18.955.968.077)         | (16.832.357.044)         |
| <b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>             | <b>150</b> |             | <b>8.396.471.438</b>     | <b>16.047.780.537</b>    |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        | 9           | 6.909.637.976            | 10.153.542.137           |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ       | 152        |             | 1.368.651.636            | 4.141.178.180            |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153        | 17          | 118.181.826              | 1.753.060.220            |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |             | <b>618.027.228.802</b>   | <b>476.548.476.472</b>   |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |             | <b>2.679.733.353</b>     | <b>2.002.464.375</b>     |
| 1. Phải thu dài hạn khác                     | 216        | 7           | 2.679.733.353            | 2.002.464.375            |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b> |             | <b>417.122.326.343</b>   | <b>359.509.747.304</b>   |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 10          | 386.671.680.681          | 273.323.647.755          |
| - Nguyên giá                                 | 222        |             | 814.013.281.236          | 645.023.141.721          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223        |             | (427.341.600.555)        | (371.699.493.966)        |
| 2. Tài sản cố định vô hình                   | 227        | 11          | 30.450.645.662           | 86.186.099.549           |
| - Nguyên giá                                 | 228        |             | 65.414.225.817           | 115.656.610.948          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 229        |             | (34.963.580.155)         | (29.470.511.399)         |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>              | <b>230</b> | <b>12</b>   | <b>59.888.350.067</b>    | -                        |
| - Nguyên giá                                 | 231        |             | 59.888.350.067           | -                        |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>           | <b>240</b> |             | <b>64.703.776.055</b>    | <b>48.211.169.387</b>    |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 242        | 13          | 64.703.776.055           | 48.211.169.387           |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>           | <b>250</b> | <b>14</b>   | <b>20.436.762.423</b>    | <b>19.694.488.391</b>    |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác            | 253        |             | 30.685.000.000           | 30.685.000.000           |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn         | 254        |             | (10.248.237.577)         | (10.990.511.609)         |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>              | <b>260</b> |             | <b>53.196.280.561</b>    | <b>47.130.607.015</b>    |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        | 9           | 28.143.995.826           | 21.207.669.563           |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại            | 262        | 15          | 25.052.284.735           | 25.922.937.452           |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>       | <b>270</b> |             | <b>1.794.659.644.368</b> | <b>1.568.516.716.436</b> |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu số B 01 - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN                                   | MÃ SỐ      | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI NĂM              | SỐ ĐẦU NĂM               |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                       | <b>300</b> |             | <b>525.991.247.698</b>   | <b>508.561.941.187</b>   |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                       | <b>310</b> |             | <b>495.903.207.694</b>   | <b>474.574.740.460</b>   |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn              | 311        | 16          | 137.335.288.838          | 147.749.949.303          |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn        | 312        |             | 3.860.818.654            | 1.295.677.775            |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước      | 313        | 17          | 14.259.738.175           | 13.573.962.561           |
| 4. Phải trả người lao động                  | 314        |             | 23.729.016.904           | 14.759.439.048           |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                | 315        | 18          | 76.135.843.561           | 66.837.241.960           |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                   | 319        | 19          | 6.752.874.128            | 56.465.313.682           |
| 7. Vay ngắn hạn                             | 320        | 21          | 222.159.942.446          | 160.974.445.870          |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                | 322        | 24          | 11.669.684.988           | 12.918.710.261           |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                       | <b>330</b> |             | <b>30.088.040.004</b>    | <b>33.987.200.727</b>    |
| 1. Phải trả dài hạn khác                    | 337        |             | -                        | 54.500.000               |
| 2. Vay dài hạn                              | 338        | 22          | -                        | 5.059.232.137            |
| 3. Dự phòng phải trả dài hạn                | 342        | 20          | 30.088.040.004           | 28.873.468.590           |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                    | <b>400</b> |             | <b>1.268.668.396.670</b> | <b>1.059.954.775.249</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                    | <b>410</b> | <b>23</b>   | <b>1.268.668.396.670</b> | <b>1.059.954.775.249</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                   | 411        |             | 657.228.530.000          | 505.562.560.000          |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết    | 411a       |             | 657.228.530.000          | 505.562.560.000          |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                     | 412        |             | 28.281.183.000           | 28.281.183.000           |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển                    | 418        |             | 158.051.613.498          | 125.884.643.498          |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối        | 421        |             | 425.107.070.172          | 400.226.388.751          |
| - Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm trước       | 421a       |             | 153.435.891.362          | 204.635.269.491          |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b       |             | 271.671.178.810          | 195.591.119.260          |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>    | <b>440</b> |             | <b>1.794.659.644.368</b> | <b>1.568.516.716.436</b> |

Hoàng Tấn Tài  
Người lập

Nguyễn Ngọc Nhơn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Tâm  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 02 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU   | MÃ SỐ     | THUYẾT MINH | NĂM NAY                  | NĂM TRƯỚC                |
|--|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>1. Doanh thu bán hàng</b>   | <b>01</b> |             | <b>2.881.394.732.494</b> | <b>2.520.900.957.811</b> |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu  | 02        |             | 25.618.382.280           | 23.500.239.936           |
| <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)</b>                           | <b>10</b> | <b>27</b>   | <b>2.855.776.350.214</b> | <b>2.497.400.717.875</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán  | 11        |             | 1.789.107.482.383        | 1.563.850.760.815        |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)</b>                             | <b>20</b> |             | <b>1.066.668.867.831</b> | <b>933.549.957.060</b>   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính   | 21        | 29          | 13.513.154.919           | 18.669.699.664           |
| 7. Chi phí tài chính   | 22        | 30          | 16.908.537.876           | 12.149.140.252           |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay  | 23        |             | 11.068.142.459           | 9.500.290.007            |
| 8. Chi phí bán hàng  | 25        | 31          | 432.623.981.454          | 371.405.879.821          |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp  | 26        | 31          | 272.748.858.876          | 248.369.871.852          |
| <b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b> | <b>30</b> |             | <b>357.900.644.544</b>   | <b>320.294.764.799</b>   |
| 11. Thu nhập khác  | 31        |             | 11.305.534.329           | 14.976.961.586           |
| 12. Chi phí khác   | 32        |             | 935.307.493              | 666.120.533              |
| <b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>                                       | <b>40</b> | <b>32</b>   | <b>10.370.226.836</b>    | <b>14.310.841.053</b>    |
| <b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>                    | <b>50</b> |             | <b>368.270.871.380</b>   | <b>334.605.605.852</b>   |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                           | 51        | 33          | 73.015.976.515           | 68.249.146.618           |
| 16. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                 | 52        | 15          | 870.652.717              | (1.701.622.845)          |
| <b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>          | <b>60</b> |             | <b>294.384.242.148</b>   | <b>268.058.082.079</b>   |
| Phân bổ cho:   |           |             |                          |                          |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ                                  | 61        |             | 294.384.242.148          | 268.058.082.078          |
| <b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>  | <b>70</b> | <b>34</b>   | <b>4.031</b>             | <b>3.671</b>             |

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 03 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU   | MÃ SỐ     | NĂM NAY                  | NĂM TRƯỚC                |
|--|-----------|--------------------------|--------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                    |           |                          |                          |
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>   | <b>01</b> | <b>368.270.871.380</b>   | <b>334.605.605.852</b>   |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>  |           |                          |                          |
| Khấu hao tài sản cố định   | 02        | 65.989.947.275           | 49.798.331.415           |
| Các khoản dự phòng   | 03        | 2.634.365.580            | 1.629.077.611            |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        | 504.277.463              | 32.228.235               |
| Lãi từ hoạt động đầu tư  | 05        | (8.187.154.568)          | (16.289.299.176)         |
| Chi phí lãi vay  | 06        | 11.068.142.459           | 9.500.290.007            |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>              | <b>08</b> | <b>440.280.449.589</b>   | <b>379.276.233.944</b>   |
| Tăng các khoản phải thu  | 09        | (128.740.790.023)        | (78.789.029.547)         |
| Tăng hàng tồn kho  | 10        | (169.432.343.186)        | (55.196.444.146)         |
| Tăng các khoản phải trả  | 11        | 21.265.608.938           | 12.954.485.568           |
| Tăng chi phí trả trước   | 12        | (2.543.260.885)          | (8.001.816.747)          |
| Tiến lãi vay đã trả  | 14        | (10.874.257.469)         | (9.502.315.767)          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        | (70.201.897.515)         | (69.215.627.013)         |
| Tiến chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        | (36.251.390.000)         | (51.118.157.000)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                 | <b>20</b> | <b>43.502.119.449</b>    | <b>120.407.329.292</b>   |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                       |           |                          |                          |
| 1. Tiến chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định  | 21        | (215.504.947.563)        | (146.128.176.279)        |
| 2. Tiến thu từ thanh lý tài sản cố định  | 22        | 1.477.863.636            | 1.852.033.119            |
| 3. Tiến thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                               | 27        | 7.645.687.575            | 14.676.870.688           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                     | <b>30</b> | <b>(206.381.396.352)</b> | <b>(129.599.272.472)</b> |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                                   |           |                          |                          |
| 1. Tiến thu từ phát hành cổ phiếu  | 31        | -                        | 22.500.000.000           |
| 2. Tiến thu từ đi vay  | 33        | 828.374.937.236          | 550.564.264.097          |
| 3. Tiến trả nợ gốc vay   | 34        | (772.248.672.797)        | (576.920.673.014)        |
| 4. Cổ tức đã trả cho cổ đông   | 36        | (101.107.152.100)        | (57.508.258.525)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                  | <b>40</b> | <b>(44.980.887.661)</b>  | <b>(61.364.667.442)</b>  |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>                                 | <b>50</b> | <b>(207.860.164.564)</b> | <b>(70.556.610.622)</b>  |
| <b>Tiến và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>353.869.383.127</b>   | <b>424.423.331.022</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                              | 61        | (147.988.167)            | 2.662.727                |
| <b>Tiến và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>                               | <b>70</b> | <b>145.861.230.396</b>   | <b>353.869.383.127</b>   |

Hoàng Tấn Tài  
Người lập

Nguyễn Ngọc Nhon  
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Tâm  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Hoàng Tấn Tài  
Người lập

Nguyễn Ngọc Nhon  
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Tâm  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 14 tháng 3 năm 2005 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 15 cấp ngày 26 tháng 9 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 657.228.530.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã "TLG" theo Quyết định số 20/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 02 tháng 02 năm 2010.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cổ đông lớn của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Long An Thịnh sở hữu 51,66% và Ông Cô Gia Thọ sở hữu 6,36% vốn cổ phần của Công ty.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 3.502 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 3.445 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh. Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia dụng, in ấn nhãn hiệu, in tampon (pad), in flexo, in lụa và ép nhũ trên các sản phẩm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các công ty con của Công ty bao gồm:

|  | NƠI ĐĂNG KÝ VÀ HOẠT ĐỘNG | TỶ LỆ SỞ HỮU (%) | TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT NĂM GIỮ (%) | HOẠT ĐỘNG CHÍNH                       |
|--|--------------------------|------------------|------------------------------------|---------------------------------------|
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Long Long Thành             | Tỉnh Đồng Nai            | 100%             | 100%                               | Sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm |
| Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu | Thành phố Hồ Chí Minh    | 100%             | 100%                               | Kinh doanh văn phòng phẩm             |
| Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lộc Miền Nam    | Thành phố Hồ Chí Minh    | 100%             | 100%                               | Kinh doanh văn phòng phẩm             |
| Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lộc Miền Bắc    | Thành phố Hà Nội         | 100%             | 100%                               | Kinh doanh văn phòng phẩm             |
| Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lộc Miền Trung  | Thành phố Đà Nẵng        | 100%             | 100%                               | Kinh doanh văn phòng phẩm             |

Thuyết minh về thông tin so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm phát sinh hoạt động mua công ty con.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác, bao gồm phải thu của khách hàng, trả trước cho người bán và phải thu khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|                          | Số năm |
|--------------------------|--------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 3 - 25 |
| Máy móc, thiết bị        | 3 - 15 |
| Phương tiện vận tải      | 6 - 8  |
| Thiết bị văn phòng       | 2 - 7  |
| Tài sản khác             | 3 - 5  |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính, bản quyền, bằng sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|                          | Số năm |
|--------------------------|--------|
| Phần mềm máy tính        | 3 - 10 |
| Bản quyền, bằng sáng chế | 3      |
| Tài sản khác             | 3      |

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất do Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

*Tập đoàn là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị sổ sách của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tập đoàn là bên đi thuê*

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, và giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo, tiếp thị và chi phí bảo hiểm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành vào ngày 06 tháng 02 năm 2007 trong thời hạn 46 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Luật Lao động ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2012.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa. Cụ thể, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - "Chi phí đi vay".

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- » Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu.
- » Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|   | SỐ CUỐI NĂM<br>VND     | SỐ ĐẦU NĂM<br>VND      |
|---|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt                                  | 2.938.707.366          | 2.264.992.175          |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn           | 101.922.523.030        | 80.604.390.952         |
| Các khoản tương đương tiền <sup>(1)</sup> | 41.000.000.000         | 271.000.000.000        |
|   | <b>145.861.230.396</b> | <b>353.869.383.127</b> |

<sup>(1)</sup> Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn không quá 3 tháng và hưởng lãi suất tiền gửi theo mức lãi suất áp dụng.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

|                        | SỐ CUỐI NĂM<br>VND     | SỐ ĐẦU NĂM<br>VND      |
|------------------------|------------------------|------------------------|
| SQI Group Int'l. Corp. | 24.647.055.595         | 9.443.905.666          |
| Like Link Co., Ltd.    | 12.000.015.553         | 8.502.250.876          |
| Các khách hàng khác    | 279.549.427.872        | 158.535.094.558        |
|                        | <b>316.196.499.020</b> | <b>176.481.251.100</b> |

Như được trình bày trong Thuyết minh số 21, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản phải thu với giá trị là 2.000.000 Đô la Mỹ đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.000.000 Đô la Mỹ).

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|  | SỐ CUỐI NĂM<br>VND    | SỐ ĐẦU NĂM<br>VND     |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Jeoly Electronics Co., Ltd.            | 2.133.510.555         | -                     |
| Tung Yung International Limited        | 1.814.042.699         | -                     |
| Toyo Machinery & Metal Co., Ltd.       | 1.821.600.000         | -                     |
| Công ty TNHH DKSH Việt Nam             | 809.906.179           | 2.443.759.668         |
| Dokumental GmbH & Co. KG Schreibfarben | -                     | 4.148.582.583         |
| Các bên khác                           | 11.709.492.886        | 16.034.623.052        |
|  | <b>18.288.552.319</b> | <b>22.626.965.303</b> |

7. PHẢI THU KHÁC

|                           | SỐ CUỐI NĂM<br>VND   | SỐ ĐẦU NĂM<br>VND    |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| a. Ngắn hạn               |                      |                      |
| - Tạm ứng cho nhân viên   | 1.430.437.816        | 795.220.373          |
| - Lãi tiền gửi ngân hàng  | 485.572.603          | 1.273.455.556        |
| - Ký quỹ, ký cược         | 533.489.104          | 393.885.840          |
| - Các khoản phải thu khác | 1.821.591.479        | 4.132.001.725        |
|                           | <b>4.271.091.002</b> | <b>6.594.563.494</b> |
| b. Dài hạn                |                      |                      |
| - Ký quỹ, ký cược         | 2.679.733.353        | 2.002.464.375        |
|                           | <b>2.679.733.353</b> | <b>2.002.464.375</b> |

8. HÀNG TỒN KHO

|                                      | SỐ CUỐI NĂM            |                         | SỐ ĐẦU NĂM             |                         |
|--------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
|                                      | GIÁ GỐC<br>VND         | DỰ PHÒNG<br>VND         | GIÁ GỐC<br>VND         | DỰ PHÒNG<br>VND         |
| Hàng mua đang đi đường               | 30.618.793.824         | -                       | 33.955.675.164         | -                       |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 281.184.898.857        | (11.784.691.636)        | 194.408.807.454        | (8.284.057.100)         |
| Công cụ, dụng cụ                     | 4.181.825.417          | -                       | 1.958.549.959          | -                       |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 38.892.236.583         | (204.222.152)           | 48.154.856.058         | (523.256.271)           |
| Thành phẩm                           | 225.805.145.876        | (5.220.600.986)         | 179.002.061.354        | (5.682.723.970)         |
| Hàng hóa                             | 122.757.329.094        | (1.746.453.303)         | 76.527.936.476         | (2.342.319.703)         |
|                                      | <b>703.440.229.651</b> | <b>(18.955.968.077)</b> | <b>534.007.886.465</b> | <b>(16.832.357.044)</b> |

Như được trình bày trong Thuyết minh số 21, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, hàng tồn kho với giá trị là 3.500.000 Đô la Mỹ đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 3.500.000 Đô la Mỹ).



8. HÀNG TỐN KHO (TIẾP THEO)

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm nay và năm trước như sau:

|                       | NĂM NAY<br>VND          | NĂM TRƯỚC<br>VND        |
|-----------------------|-------------------------|-------------------------|
| Số dư đầu năm         | (16.832.357.044)        | (18.113.510.336)        |
| Trích lập trong năm   | (15.774.820.388)        | (8.246.148.776)         |
| Hoàn nhập trong năm   | 13.651.209.355          | 9.527.302.068           |
| <b>Số dư cuối năm</b> | <b>(18.955.968.077)</b> | <b>(16.832.357.044)</b> |

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

|                                 | SỐ CUỐI NĂM<br>VND    | SỐ ĐẦU NĂM<br>VND     |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| a. Ngắn hạn                     |                       |                       |
| - Chi phí quảng cáo và tiếp thị | 1.070.305.431         | 6.442.210.771         |
| - Công cụ, dụng cụ              | 1.161.797.242         | 954.371.928           |
| - Bảo hiểm sức khỏe và tài sản  | 1.318.958.283         | 743.223.247           |
| - Chi phí thuê                  | -                     | 376.062.264           |
| - Khác                          | 3.358.577.020         | 1.637.673.927         |
|                                 | <b>6.909.637.976</b>  | <b>10.153.542.137</b> |
| b. Dài hạn                      |                       |                       |
| - Tiền thuê đất <sup>1)</sup>   | 11.227.332.211        | 11.556.740.491        |
| - Công cụ, dụng cụ              | 10.794.932.527        | 6.788.913.017         |
| - Khác                          | 6.121.731.088         | 2.862.016.055         |
|                                 | <b>28.143.995.826</b> | <b>21.207.669.563</b> |

<sup>1)</sup>Tiền thuê đất trả trước thể hiện số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất như được trình bày trong Thuyết minh số 3.

Như được trình bày trong Thuyết minh số 21, Tập đoàn đã thế chấp quyền sử dụng đất thuê để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

|   | NHÀ XƯỞNG<br>VÀ VẬT KIẾN TRÚC | MAY MÓC<br>VẬT THIẾT BỊ | PHƯƠNG TIỆN<br>VẬN TẢI | THIẾT BỊ<br>VẠN PHÒNG | TÀI SẢN KHÁC           | TỔNG                   |
|---|-------------------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
|   | VND                           | VND                     | VND                    | VND                   | VND                    | VND                    |
| <b>NGUYỄN GIÁ</b>                                     |                               |                         |                        |                       |                        |                        |
| Số dư đầu năm   | 190.726.139.001               | 268.298.060.095         | 40.503.556.734         | 14.788.307.338        | 130.707.078.553        | 645.023.141.721        |
| Mua trong năm   | 28.875.277.557                | 81.998.526.822          | 5.390.662.820          | 1.048.018.370         | 7.752.475.664          | 125.064.961.233        |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang                     | 7.585.143.159                 | 31.340.400.944          | -                      | 473.800.000           | 11.832.600.583         | 51.231.944.686         |
| Thanh lý, nhượng bán                                  | -                             | (4.587.878.875)         | (2.242.892.832)        | (322.273.280)         | (153.721.417)          | (7.306.766.404)        |
| <b>Số dư cuối năm</b>                                 | <b>227.186.559.717</b>        | <b>377.049.108.986</b>  | <b>43.651.326.722</b>  | <b>15.987.852.428</b> | <b>150.138.433.383</b> | <b>814.013.281.236</b> |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>                         |                               |                         |                        |                       |                        |                        |
| Số dư đầu năm   | 53.190.905.066                | 173.909.452.274         | 19.796.217.409         | 13.184.787.815        | 111.618.131.402        | 371.699.493.966        |
| Khấu hao trong năm                                    | 9.220.375.764                 | 34.292.562.428          | 5.704.342.340          | 2.109.975.273         | 11.685.110.470         | 63.012.366.275         |
| Điều chỉnh khác                                       | -                             | (212.006.972)           | -                      | -                     | -                      | (212.006.972)          |
| Thanh lý, nhượng bán                                  | -                             | (4.464.365.185)         | (2.217.892.832)        | (322.273.280)         | (153.721.417)          | (7.158.252.714)        |
| <b>Số dư cuối năm</b>                                 | <b>62.411.280.830</b>         | <b>203.525.642.545</b>  | <b>23.282.666.917</b>  | <b>14.972.489.808</b> | <b>123.149.520.455</b> | <b>427.341.600.555</b> |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>                                |                               |                         |                        |                       |                        |                        |
| Tại ngày đầu năm                                      | 137.535.233.935               | 94.388.607.821          | 20.707.339.325         | 1.603.519.523         | 19.088.947.151         | 273.323.647.755        |
| Tại ngày cuối năm                                     | 164.775.278.887               | 173.523.466.441         | 20.368.659.805         | 1.015.362.620         | 26.988.912.928         | 386.671.680.681        |
| Trong đó  |                               |                         |                        |                       |                        |                        |
| Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 21 và 22) | 42.595.203.690                | 25.192.916.022          | -                      | -                     | 1.024.496.810          | 68.812.616.522         |

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 214.086.699.319 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 192.590.520.654 đồng).



11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

|   | QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT     | PHẦN MỀM MÁY TÍNH     | BẢN QUYỀN, BẰNG SÁNG CHẾ | TÀI SẢN KHÁC       | TỔNG                  |
|---|-----------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   | VND                      | VND                | VND                   |
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>                               |                       |                       |                          |                    |                       |
| Số dư đầu năm                                   | 69.735.975.067        | 4.5437.657.481        | 367.000.000              | 115.978.400        | 115.656.610.948       |
| Tăng trong năm                                  | 6.200.000.000         | 3.445.964.936         | -                        | -                  | 9.645.964.936         |
| Thanh lý, nhượng bán                            | -                     | -                     | -                        | -                  | -                     |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư                 | (59.888.350.067)      | -                     | -                        | -                  | (59.888.350.067)      |
| <b>Số dư cuối năm</b>                           | <b>16.047.625.000</b> | <b>48.883.622.417</b> | <b>367.000.000</b>       | <b>115.978.400</b> | <b>65.414.225.817</b> |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>                   |                       |                       |                          |                    |                       |
| Số dư đầu năm                                   | 1.175.864.496         | 2.7811.668.503        | 367.000.000              | 115.978.400        | 29.470.511.399        |
| Khấu hao trong năm                              | -                     | 5.493.068.756         | -                        | -                  | 5.493.068.756         |
| <b>Số dư cuối năm</b>                           | <b>1.175.864.496</b>  | <b>33.304.737.259</b> | <b>367.000.000</b>       | <b>115.978.400</b> | <b>34.963.580.155</b> |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>                          |                       |                       |                          |                    |                       |
| Tại ngày đầu năm                                | 68.560.110.571        | 17.625.988.978        | -                        | -                  | 86.186.099.549        |
| Tại ngày cuối năm                               | 14.871.760.504        | 15.578.885.158        | -                        | -                  | 30.450.645.662        |
| Trong đó  |                       |                       |                          |                    |                       |
| Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 21) | 8.671.760.504         | -                     | -                        | -                  | 8.671.760.504         |

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 11.291.850.633 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 6.147.359.633 đồng).

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, bất động sản đầu tư của Tập đoàn bao gồm quyền sử dụng đất tại thửa đất số 209, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng. Bất động sản đầu tư này được nắm giữ để chuyển nhượng lại theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 16/2018/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 11 năm 2018.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này vì Tập đoàn chưa tìm được bất động sản tương tự để tham chiếu giá thị trường nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

|                       | SỐ CUỐI NĂM<br>VND    | SỐ ĐẦU NĂM<br>VND     |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Khuôn đang chế tạo    | 15.552.737.327        | 7.748.113.019         |
| Thiết bị đang lắp đặt | 46.717.784.452        | 26.423.848.596        |
| Khác                  | 2.433.254.276         | 14.039.207.772        |
|                       | <b>64.703.776.055</b> | <b>48.211.169.387</b> |

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

|   | SỐ CUỐI NĂM<br>VND      | SỐ ĐẦU NĂM<br>VND       |
|---|-------------------------|-------------------------|
| <b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>             |                         |                         |
| Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô                    | 25.000.000.000          | 25.000.000.000          |
| Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2                 | 3.565.000.000           | 3.565.000.000           |
| Công ty Cổ phần Chíp Sáng                         | 1.520.000.000           | 1.520.000.000           |
| Công ty Cổ phần In số 7                           | 600.000.000             | 600.000.000             |
|   | <b>30.685.000.000</b>   | <b>30.685.000.000</b>   |
| <b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b> |                         |                         |
| Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô                    | (6.092.220.000)         | (6.855.154.406)         |
| Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2                 | (3.565.000.000)         | (3.565.000.000)         |
| Công ty Cổ phần Chíp Sáng                         | (591.017.577)           | (570.357.203)           |
|   | <b>(10.248.237.577)</b> | <b>(10.990.511.609)</b> |
| <b>Đầu tư dài hạn thuần</b>                       | <b>20.436.762.423</b>   | <b>19.694.488.391</b>   |

Thay đổi trong khoản dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn trong năm nay và năm trước như sau:

|                       | NĂM NAY<br>VND          | NĂM TRƯỚC<br>VND        |
|-----------------------|-------------------------|-------------------------|
| Số dư đầu năm         | (10.990.511.609)        | (10.849.116.893)        |
| Trích lập trong năm   | (20.660.374)            | (141.394.716)           |
| Hoàn nhập trong năm   | 762.934.406             | -                       |
| <b>Số dư cuối năm</b> | <b>(10.248.237.577)</b> | <b>(10.990.511.609)</b> |



15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tập đoàn ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm nay và năm trước:

|                                  | LỢI NHUẬN CHƯA THỰC HIỆN<br>VND | CHI PHÍ PHẢI TRẢ<br>VND | CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG<br>VND | CHI PHÍ PHÂN BỐ<br>VND | CHENH LỆCH TÝ GIA HỐI ĐOẠI<br>VND | TỔNG<br>VND    |
|----------------------------------|---------------------------------|-------------------------|---------------------------|------------------------|-----------------------------------|----------------|
| Số dư đầu năm trước              | 12.804.410.971                  | 1.499.163.712           | 8.976.216.390             | 971.030.994            | (29.507.460)                      | 24.221.314.607 |
| Ghi nhận vào lợi nhuận trong năm | 1.475.240.405                   | 348.585.712             | 498.319.696               | (617.367.751)          | (3.155.217)                       | 1.701.622.845  |
| Số dư đầu năm nay                | 14.279.651.376                  | 1.847.749.424           | 9.474.536.086             | 353.663.243            | (32.662.677)                      | 25.922.937.452 |
| Ghi nhận vào lợi nhuận trong năm | (2.037.050.527)                 | 662.933.087             | 705.410.130               | (353.663.243)          | 151.717.836                       | (870.652.717)  |
| Số dư cuối năm nay               | 12.242.600.849                  | 2.510.682.511           | 10.179.946.216            | -                      | 119.055.159                       | 25.052.284.735 |

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|                             | SỐ CUỐI NĂM<br>VND | SỐ ĐẦU NĂM<br>VND |
|-----------------------------|--------------------|-------------------|
| MCAIDE Enterprise Co., Ltd. | 19.829.481.287     | -                 |
| Teibow Co., Ltd.            | 3.687.707.376      | 19.859.449.400    |
| Nhà cung cấp khác           | 113.818.100.175    | 127.890.499.903   |
|                             | 137.335.288.838    | 147.749.949.303   |

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

|                              | SỐ ĐẦU NĂM<br>VND | PHÁT SINH TĂNG TRONG NĂM<br>VND | PHÁT SINH GIẢM TRONG NĂM<br>VND | SỐ CUỐI NĂM<br>VND |
|------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------------|--------------------|
| a. Các khoản phải thu        |                   |                                 |                                 |                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp   | 1.753.060.220     | 103.126.372                     | (1.738.004.766)                 | 118.181.826        |
|                              | 1.753.060.220     | 103.126.372                     | (1.738.004.766)                 | 118.181.826        |
| b. Các khoản phải trả        |                   |                                 |                                 |                    |
| Thuế giá trị gia tăng đầu ra | 4.542.913.007     | 115.391.520.789                 | (116.043.687.721)               | 3.890.746.075      |
| Thuế nhập khẩu               | 15.280.650        | 17.423.175.373                  | (17.438.456.023)                | -                  |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp   | 7.853.988.610     | 71.277.971.749                  | (70.098.771.143)                | 9.033.189.216      |
| Thuế thu nhập cá nhân        | 1.161.780.294     | 25.263.289.477                  | (25.089.266.887)                | 1.335.802.884      |
|                              | 13.573.962.561    | 229.355.957.388                 | (228.670.181.774)               | 14.259.738.175     |

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

|                                       | SỐ CUỐI NĂM<br>VND | SỐ ĐẦU NĂM<br>VND |
|---------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Lương tháng 13 & 14 và lương hiệu quả | 61.379.434.501     | 55.950.575.334    |
| Chi phí quảng cáo và tiếp thị         | 1.841.443.151      | 2.072.216.669     |
| Chi phí lãi vay                       | 508.526.936        | 314.641.946       |
| Khác                                  | 12.406.438.973     | 8.499.808.011     |
|                                       | 76.135.843.561     | 66.837.241.960    |

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

|                                   | SỐ CUỐI NĂM<br>VND | SỐ ĐẦU NĂM<br>VND |
|-----------------------------------|--------------------|-------------------|
| Cổ tức                            | 46.807.350         | 50.597.703.450    |
| Kinh phí công đoàn                | 2.678.492.633      | 2.239.897.902     |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 4.027.574.145      | 3.627.712.330     |
|                                   | 6.752.874.128      | 56.465.313.682    |

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI DẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả như chính sách kế toán được trình bày trong Thuyết minh số 3.



**21. VAY NGẮN HẠN**

|  | SỐ ĐẦU NĂM             |                           | TRONG NĂM              |                          | SỐ CUỐI NĂM            |                           |
|--|------------------------|---------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|---------------------------|
|  | GIÁ TRỊ VND            | SỐ CÒ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ VND | TĂNG VND               | GIẢM VND                 | GIÁ TRỊ VND            | SỐ CÒ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ VND |
| a. Vay ngắn hạn  |                        |                           |                        |                          |                        |                           |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn | 41.937.268.780         | 41.937.268.780            | 290.340.049.790        | (266.967.596.664)        | 65.309.72.1.906        | 65.309.72.1.906           |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn          | 26.271.818.954         | 26.271.818.954            | 1.29.619.111.640       | (141.708.622.732)        | 14.182.307.862         | 14.182.307.862            |
| Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh             | 65.491.125.513         | 65.491.125.513            | 218.031.134.040        | (210.140.125.839)        | 73.382.133.714         | 73.382.133.714            |
| Ngân hàng United Overseas Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh           | 3.504.390.750          | 3.504.390.750             | 160.402.376.368        | (129.662.485.689)        | 34.244.281.429         | 34.244.281.429            |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa            | 12.688.234.273         | 12.688.234.273            | 29.982.265.398         | (12.688.234.273)         | 29.982.265.398         | 29.982.265.398            |
|  | <b>149.892.838.270</b> | <b>149.892.838.270</b>    | <b>828.374.937.236</b> | <b>(761.167.065.197)</b> | <b>217.100.710.309</b> | <b>217.100.710.309</b>    |
| b. Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)                        | 11.081.607.600         | 11.081.607.600            | 5.059.232.137          | (11.081.607.600)         | 5.059.232.137          | 5.059.232.137             |
|  | <b>160.974.445.870</b> | <b>160.974.445.870</b>    | <b>833.434.169.373</b> | <b>(772.248.672.797)</b> | <b>222.159.942.446</b> | <b>222.159.942.446</b>    |

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tập đoàn đã sử dụng quyền sử dụng đất, nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị và thiết bị văn phòng để thế chấp cho khoản vay này (xem thuyết minh số 10 và 11).

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn được cấp với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tập đoàn đã sử dụng quyền sử dụng đất, nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị để thế chấp cho khoản vay này (xem thuyết minh số 9, 10 và 11).

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh được cấp với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tập đoàn đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, nhà cửa và vật kiến trúc để thế chấp cho khoản vay này (xem thuyết minh số 5, 8 và 10).

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng United Overseas Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh được cấp với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất theo từng giấy nhận nợ.

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa được cấp với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay chịu lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tập đoàn đã sử dụng máy móc thiết bị để thế chấp cho khoản vay này (xem thuyết minh số 10).

**22. VAY DÀI HẠN**

|   | SỐ ĐẦU NĂM            |                           | TRONG NĂM |                         | SỐ CUỐI NĂM          |                           |
|---|-----------------------|---------------------------|-----------|-------------------------|----------------------|---------------------------|
|   | GIÁ TRỊ VND           | SỐ CÒ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ VND | TĂNG VND  | GIẢM VND                | GIÁ TRỊ VND          | SỐ CÒ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ VND |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn | 7.953.981.201         | 7.953.981.201             | -         | (5.302.647.600)         | 2.651.333.601        | 2.651.333.601             |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa   | 8.186.858.536         | 8.186.858.536             | -         | (5.778.960.000)         | 2.407.898.536        | 2.407.898.536             |
|   | <b>16.140.839.737</b> | <b>16.140.839.737</b>     | <b>-</b>  | <b>(11.081.607.600)</b> | <b>5.059.232.137</b> | <b>5.059.232.137</b>      |

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

|  | SỐ CUỐI NĂM VND                         | SỐ ĐẦU NĂM VND                            |
|--|---|---|
| Trong vòng một năm                                       | 5.059.232.137                           | 11.081.607.600                            |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm                           | -                                       | 5.059.232.137                             |
| Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 21) | <b>5.059.232.137</b><br>(5.059.232.137) | <b>16.140.839.737</b><br>(11.081.607.600) |
|  | <b>-</b>                                | <b>5.059.232.137</b>                      |

Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn được cấp với mục đích mua sắm và lắp đặt tài sản cố định. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tập đoàn đã sử dụng máy móc thiết bị để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 10).

Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa được cấp với mục đích mua sắm và lắp đặt tài sản cố định. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tập đoàn đã sử dụng máy móc thiết bị để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 10).



23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

|   | VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU VND | THẶNG DỰ VỐN CỔ PHẦN VND | QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VND | LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI VND | TỔNG VND                 |
|---|----------------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước   | 383.126.720.000            | 128.217.023.000          | 97.075.895.498            | 3.158.068.206.111                     | 924.226.459.109          |
| Phát hành cổ phiếu  | 1.224.358.840.000          | (99.935.840.000)         | -                         | -                                     | 22.500.000.000           |
| Lợi nhuận trong năm   | -                          | -                        | -                         | 268.058.082.079                       | 268.058.082.078          |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của năm 2016                      | -                          | -                        | -                         | (57.469.008.000)                      | (57.469.008.000)         |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017                      | -                          | -                        | -                         | (50.556.256.000)                      | (50.556.256.000)         |
| Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế của năm 2016      | -                          | -                        | 28.808.748.000            | (28.808.748.000)                      | -                        |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2016   | -                          | -                        | -                         | (22.393.795.119)                      | (22.393.795.119)         |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017   | -                          | -                        | -                         | (15.933.506.820)                      | (15.933.506.819)         |
| Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát                          | -                          | -                        | -                         | (8.477.200.000)                       | (8.477.200.000)          |
| <b>Số dư đầu năm nay</b>  | <b>505.562.560.000</b>     | <b>28.281.183.000</b>    | <b>125.884.643.498</b>    | <b>400.226.388.751</b>                | <b>1.059.954.775.249</b> |
| Phát hành cổ phiếu  | 151.665.970.000            | -                        | -                         | (151.665.970.000)                     | -                        |
| Lợi nhuận trong năm   | -                          | -                        | -                         | 294.384.242.148                       | 294.384.242.148          |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017                      | -                          | -                        | -                         | (50.556.256.000)                      | (50.556.256.000)         |
| Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017      | -                          | -                        | 32.166.970.000            | (32.166.970.000)                      | -                        |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017   | -                          | -                        | -                         | (10.872.301.389)                      | (10.872.301.389)         |
| Thu nhập vượt kế hoạch lợi nhuận từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017 | -                          | -                        | -                         | (1.529.000.000)                       | (1.529.000.000)          |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2018   | -                          | -                        | -                         | (16.413.063.338)                      | (16.413.063.338)         |
| Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát                          | -                          | -                        | -                         | (6.300.000.000)                       | (6.300.000.000)          |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>   | <b>657.228.530.000</b>     | <b>28.281.183.000</b>    | <b>158.051.613.498</b>    | <b>425.107.070.172</b>                | <b>1.268.668.396.670</b> |

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/2018/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 8 năm 2018 về việc tăng vốn điều lệ từ ngày 18 tháng 9 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty bằng hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số lượng 15.166.597 cổ phiếu. Theo Quyết định số 387/QĐ-SGDHCM ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, số lượng chứng khoán thay đổi niêm yết là 15.166.597 cổ phiếu, việc thay đổi niêm yết này có hiệu lực từ ngày 03 tháng 10 năm 2018.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 16 tháng 5 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối 268.058.082.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế hợp nhất của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017 như sau: chia cổ tức bằng tiền mặt ở mức 20%/mệnh giá, trích quỹ đầu tư phát triển ở mức và quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ lần lượt là 12% và 10% lợi nhuận hợp nhất sau thuế, các khoản thưởng vượt kế hoạch và thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Trong năm 2017, Công ty đã tạm trích 72.466.962.819 đồng. Phần còn lại tương ứng là 95.124.527.389 đã được trích trong năm 2018.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

Vốn cổ phần đã góp

|                    | NĂM NAY VND            | NĂM TRƯỚC VND          |
|--------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm         | 505.562.560.000        | 383.126.720.000        |
| Tăng trong năm     | 151.665.970.000        | 122.435.840.000        |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>657.228.530.000</b> | <b>505.562.560.000</b> |

Cổ tức

|                      | NĂM NAY VND       | NĂM TRƯỚC VND         |
|----------------------|-------------------|-----------------------|
| Số đầu năm           | 50.597.703.450    | 80.697.975            |
| Tăng trong năm       | 50.556.256.000    | 108.025.264.000       |
| Thanh toán trong năm | (101.107.152.100) | (57.508.258.525)      |
| <b>Số cuối năm</b>   | <b>46.807.350</b> | <b>50.597.703.450</b> |



**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

*Cổ phần*

Số lượng cổ phần và mệnh giá cổ phần của Công ty như sau:

|   | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|-------------|------------|
| Số lượng cổ phần được phép phát hành      | 65.722.853  | 50.556.256 |
| Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ | 65.722.853  | 50.556.256 |
| Mệnh giá cổ phần (VND)                    | 10.000      | 10.000     |

Cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Mỗi cổ phần phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phần phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2019/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 2 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc phát hành 5.000.000 cổ phần phổ thông cho NWL Cayman Holding Ltd. (xem Thuyết minh số 37).

**24. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm nay và năm trước như sau:

|   | NĂM NAY<br>VND        | NĂM TRƯỚC<br>VND      |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                              | 12.918.710.261        | 18.178.525.323        |
| Trích quỹ trong năm (Thuyết minh số 23) | 28.814.364.727        | 38.327.301.939        |
| Sử dụng quỹ                             | (30.063.390.000)      | (43.587.117.001)      |
| <b>Số cuối năm</b>                      | <b>11.669.684.988</b> | <b>12.918.710.261</b> |

**25. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ sau:

|                          | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|--------------------------|-------------|------------|
| Đô la Mỹ ("USD")         | 1.086.176   | 766.090    |
| Đồng Euro ("EUR")        | 67.242      | 17.865     |
| Đồng Nhân dân tệ ("CNY") | 19.942      | 11.208     |
| Đồng Bảng Anh ("GBP")    | 830         | 14.830     |
| Đô la Singapore ("SGD")  | 925         | 1.425      |
| Đồng Baht Thái ("THB")   | 4.840       | -          |
| Đồng Yên Nhật ("JPY")    | 28.200      | 333.096    |
| Đô la Úc ("AUD")         | 110         | 110        |
| Won Hàn Quốc ("KRW")     | 96.000      | 386.000    |
| Đô la Đài Loan ("TWD")   | 12.570      | 12.570     |

**26. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn được thực hiện trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

|                              | NĂM NAY<br>VND           | NĂM TRƯỚC<br>VND         |
|------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>       |                          |                          |
| Doanh thu nội địa            | 2.435.335.804.429        | 2.169.920.979.945        |
| Doanh thu xuất khẩu          | 420.440.545.785          | 327.479.737.930          |
|                              | <b>2.855.776.350.214</b> | <b>2.497.400.717.875</b> |
| <b>Chi phí hoạt động</b>     |                          |                          |
| Chi phí bán hàng             | 432.623.981.454          | 371.405.879.821          |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 272.748.858.876          | 248.369.871.852          |
|                              | <b>705.372.840.330</b>   | <b>619.775.751.673</b>   |

**27. DOANH THU THUẦN**

|                                     | NĂM NAY<br>VND           | NĂM TRƯỚC<br>VND         |
|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Doanh thu</b>                    |                          |                          |
| Doanh thu bán thành phẩm            | 1.862.809.337.909        | 1.836.598.268.292        |
| Doanh thu bán hàng hóa              | 1.018.570.980.031        | 684.258.128.571          |
| Doanh thu từ cung cấp dịch vụ       | 14.414.554               | 44.560.948               |
|                                     | <b>2.881.394.732.494</b> | <b>2.520.900.957.811</b> |
| <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b> |                          |                          |
| Thành phẩm bị trả lại               | (16.916.274.556)         | (17.050.550.481)         |
| Hàng hóa bị trả lại                 | (4.831.804.856)          | (3.116.739.550)          |
| Chiết khấu thương mại               | (3.870.302.868)          | (3.332.949.905)          |
|                                     | <b>(25.618.382.280)</b>  | <b>(23.500.239.936)</b>  |
| <b>Doanh thu thuần</b>              |                          |                          |
| Doanh thu thuần từ bán thành phẩm   | 1.842.022.760.485        | 1.819.547.717.811        |
| Doanh thu thuần từ bán hàng hóa     | 1.013.739.175.175        | 677.808.439.116          |
| Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ | 14.414.554               | 44.560.948               |
|                                     | <b>2.855.776.350.214</b> | <b>2.497.400.717.875</b> |

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|   | NĂM NAY<br>VND           | NĂM TRƯỚC<br>VND         |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu             | 896.389.569.782          | 729.433.788.314          |
| Chi phí lương và phúc lợi nhân viên       | 634.831.657.925          | 594.586.699.097          |
| Chi phí khấu hao và hao mòn               | 68.505.435.031           | 53.048.989.488           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác | 352.440.413.283          | 296.566.313.412          |
|   | <b>1.952.167.076.021</b> | <b>1.673.635.790.311</b> |



29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

|                       | NĂM NAY<br>VND        | NĂM TRƯỚC<br>VND      |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi          | 6.677.801.622         | 14.479.756.799        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 6.655.350.297         | 4.024.942.865         |
| Cổ tức được chia      | 180.003.000           | 165.000.000           |
|                       | <b>13.513.154.919</b> | <b>18.669.699.664</b> |

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

|                                     | NĂM NAY<br>VND        | NĂM TRƯỚC<br>VND      |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay                     | 11.068.142.459        | 9.500.290.007         |
| Trích lập dự phòng đầu tư tài chính | 20.660.374            | 141.394.716           |
| Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính | (762.934.406)         | -                     |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá                | 5.243.752.809         | 2.126.083.900         |
| Khác                                | 1.338.916.640         | 381.371.629           |
|                                     | <b>16.908.537.876</b> | <b>12.149.140.252</b> |

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

|                                     | NĂM NAY<br>VND         | NĂM TRƯỚC<br>VND       |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Chi phí bán hàng</b>             |                        |                        |
| Chi phí nhân viên                   | 221.978.644.351        | 204.000.085.129        |
| Chi phí tiếp thị và hội chợ         | 101.184.136.564        | 83.967.032.535         |
| Chi phí khấu hao và hao mòn         | 3.763.088.360          | 963.394.796            |
| Chi phí bán hàng khác               | 105.698.112.179        | 82.475.367.361         |
|                                     | <b>432.623.981.454</b> | <b>371.405.879.821</b> |
| <b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b> |                        |                        |
| Chi phí nhân viên                   | 188.500.709.544        | 170.718.432.668        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài           | 48.735.353.122         | 46.693.752.025         |
| Chi phí khấu hao và hao mòn         | 20.955.380.885         | 16.710.760.054         |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác   | 14.557.415.325         | 14.246.927.105         |
|                                     | <b>272.748.858.876</b> | <b>248.369.871.852</b> |

32. LỢI NHUẬN KHÁC

|                                 | NĂM NAY<br>VND        | NĂM TRƯỚC<br>VND      |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Thu nhập khác</b>            |                       |                       |
| Nhận bồi thường do hàng hư hỏng | 2.129.926.462         | 1.665.799.866         |
| Lãi từ thanh lý tài sản cố định | 1.329.349.946         | 1.644.542.377         |
| Các khoản thu khác              | 7.846.257.921         | 11.666.619.343        |
|                                 | <b>11.305.534.329</b> | <b>14.976.961.586</b> |
| <b>Chi phí khác</b>             |                       |                       |
| Các khoản chi khác              | 935.307.493           | 666.120.533           |
|                                 | <b>935.307.493</b>    | <b>666.120.533</b>    |
| <b>Lợi nhuận khác</b>           | <b>10.370.226.836</b> | <b>14.310.841.053</b> |

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

|   | NĂM NAY<br>VND        | NĂM TRƯỚC<br>VND      |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm nay                                 | 72.603.985.173        | 67.749.656.246        |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập năm hiện hành | 411.991.342           | 499.490.372           |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>   | <b>73.015.976.515</b> | <b>68.249.146.618</b> |

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế trong năm:

|   | NĂM NAY<br>VND         | NĂM TRƯỚC<br>VND       |
|---|------------------------|------------------------|
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>   | <b>368.270.871.380</b> | <b>334.605.605.852</b> |
| <b>Điều chỉnh cho thu nhập tính thuế</b>  |                        |                        |
| Các khoản chi phí không được khấu trừ   | 5.810.184.705          | 14.086.561.033         |
| Thay đổi chi phí phải trả   | 3.119.511.903          | 1.435.471.460          |
| Thay đổi dự phòng giảm giá hàng tồn kho   | 2.149.703.484          | (1.171.537.737)        |
| Chênh lệch dự phòng trợ cấp thôi việc theo luật lao động và luật thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.214.571.414          | 2.831.737.481          |
| Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu                             | 775.873.688            | (15.244.186)           |
| Lỗ của công ty con  | 461.063.061            | 150.127.467            |
| Thay đổi dự phòng phải thu khó đòi  | (27.721.601)           | (154.103.623)          |
| Cổ tức nhận được  | (180.003.000)          | (165.000.000)          |
| Thay đổi dự phòng đầu tư dài hạn  | (762.934.406)          | 95.954.406             |
| Chi phí phân bổ bằng hiệu quảng cáo   | (1.555.957.212)        | (1.972.659.333)        |
| Thay đổi lợi nhuận chưa thực hiện   | (10.463.286.371)       | 7.376.202.029          |
| <b>Thu nhập tính thuế</b>   | <b>368.811.877.045</b> | <b>357.103.114.849</b> |
| Lỗ tính thuế mang sang  | -                      | (6.597.979.361)        |
| <b>Thu nhập tính thuế năm hiện hành</b>   | <b>368.811.877.045</b> | <b>350.505.135.488</b> |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm nay                     | 73.817.981.754         | 68.654.797.384         |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trừ  | (1.213.996.581)        | (905.141.138)          |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>   | <b>72.603.985.173</b>  | <b>67.749.656.246</b>  |

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (2017: 20%) trên thu nhập tính thuế, ngoại trừ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Long Long Thành ("TLLT") như được trình bày ở đoạn tiếp theo.

TLLT có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức thuế suất 15% thu nhập tính thuế trong mười hai (12) năm đầu tiên và thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo, theo quy định hiện hành. Thiên Long Long Thành được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba (03) năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (2010), và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong bảy (07) năm tiếp theo.

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập tính thuế thu được trong vòng năm năm liên tục kể từ năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế ước tính của các công ty con có giá trị 611.190.528 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 150.127.467 đồng) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập tính thuế phát sinh trong tương lai.



33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP THEO)

Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Tập đoàn sẽ hết hạn theo lịch biểu sau:

| NĂM  | CÓ THỂ CHUYỂN LỖ ĐẾN NĂM | LỖ TÍNH THUẾ       |          | ĐÃ CHUYỂN LỖ ĐẾN 31 THÁNG 12 NĂM 2018 | CHƯA CHUYỂN LỖ TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 |
|------|--------------------------|--------------------|----------|---------------------------------------|--|
|      |                          | VND                | VND      | VND                                   | VND  |
| 2017 | 2022                     | 150.127.467        | -        | -                                     | 150.127.467                                  |
| 2018 | 2023                     | 461.063.061        | -        | -                                     | 461.063.061                                  |
|      |                          | <b>611.190.528</b> | <b>-</b> | <b>-</b>                              | <b>611.190.528</b>                           |

Lỗ tính thuế được ước tính theo tờ khai thuế của các Công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho khoản lỗ tính thuế lũy kế còn lại trị giá 611.190.528 đồng của các công ty con do chưa thể dự tính được thu nhập tính thuế trong tương lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Số tiền thuế ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất chưa phải là số cuối cùng. Việc áp dụng luật thuế và các quy định thuế được hiểu theo nhiều cách khác nhau và số thuế được báo cáo trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi theo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán như sau:

|  | NĂM NAY VND            | NĂM TRƯỚC VND          |
|--|------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp   | 294.384.242.148        | 268.058.082.079        |
| Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi <sup>(*)</sup>   | (29.438.424.215)       | (26.805.808.208)       |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b> | <b>264.945.817.933</b> | <b>241.252.273.871</b> |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành (cổ phiếu) <sup>(**)</sup>          | 65.722.853             | 65.722.853             |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>   | <b>4.031</b>           | <b>3.671</b>           |

<sup>(\*)</sup> Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế hợp nhất theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 vào ngày 16 tháng 5 năm 2018.

<sup>(\*\*)</sup> Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh để phản ánh việc phát hành 15.166.597 cổ phiếu mới dưới hình thức phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được trình bày lại từ 4.833 đồng/cổ phiếu thành 3.671 đồng/cổ phiếu.

b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tập đoàn không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

| Bên liên quan                              | Mối quan hệ |
|--|-------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Long An Thịnh | Cổ đông lớn |

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

|  | NĂM NAY VND    | NĂM TRƯỚC VND  |
|--|----------------|----------------|
| <b>Cổ tức công bố</b>                      |                |                |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Long An Thịnh | 26.119.548.000 | 56.257.488.000 |

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

|  | SỐ CUỐI NĂM VND | SỐ ĐẦU NĂM VND |
|--|-----------------|----------------|
| <b>Phải trả ngắn hạn khác</b>              |                 |                |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Long An Thịnh | -               | 26.119.548.000 |

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý khác; thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được nhận trong năm nay là 36.887.874.500 đồng (2017: 31.589.326.211 đồng).

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 2.986.946.267 đồng (2017: 15.375.312.425 đồng), là số tiền dùng để mua sắm và xây dựng tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm 46.807.350 đồng (2017: 50.597.703.450 đồng) là cổ tức đã công bố mà chưa thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản số 02/2018/NQ-DHĐCĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2019/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 02 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc phát hành 5.000.000 cổ phiếu phổ thông cho NWL Cayman Holding Ltd. Tại ngày 05 tháng 3 năm 2019, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 5.000.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu với giá phát hành là 85.000 đồng/cổ phiếu. Theo đó, chỉ tiêu "Vốn góp của chủ sở hữu" với mã số "411" và "Thặng dư vốn cổ phần" với mã số "412" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 05 tháng 3 năm 2019 lần lượt là 707.228.530.000 đồng và 392.944.802.300 đồng.

  
 Hoàng Tấn Tài  
 Người lập

  
 Nguyễn Ngọc Nhơn  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Đình Tâm  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 29 tháng 3 năm 2019



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

TP.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**CÔ GIA THỌ**





## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG**

[📍] : Lô 6-8-10-12, Đường số 3, KCN Tân Tạo  
Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. HCM

[☎] : ĐT: (+84) 28 3750 55 55

[☎] : Fax: (+84) 28 3750 55 77

[✉] : [info@thienlonggroup.com](mailto:info@thienlonggroup.com)

[🌐] : [www.thienlonggroup.com](http://www.thienlonggroup.com)